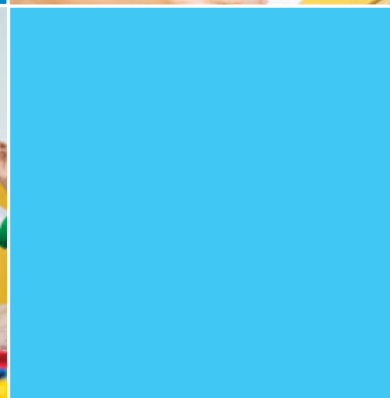




SỰ SẴN SÀNG CHO GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT NGHIÊN CỨU TẠI 8 TỈNH Ở VIỆT NAM



BÁO CÁO NĂM 2015

SỰ SẴN SÀNG CHO
GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT
NGHIÊN CỨU TẠI 8 TỈNH Ở VIỆT NAM

BÁO CÁO NĂM 2015

Nghiên cứu này được thực hiện theo sự ủy thác của UNICEF Việt Nam và là một hoạt động trong khuôn khổ chương trình quốc gia ký kết giữa UNICEF và Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2012-2016.

UNICEF Việt Nam trân trọng cảm ơn Cơ quan viện trợ phát triển Úc đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu thông qua sáng kiến toàn cầu về Quyền, Giáo dục và Bảo vệ trẻ khuyết tật, hợp tác giữa Bộ Ngoại Giao và Thương mại Úc với UNICEF.

Thông tin liên lạc

UNICEF Việt Nam
81A Trần Quốc Toản,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 9425706

Nhóm nghiên cứu

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về lĩnh vực Khuyết tật và Phục hồi Chức năng (ICDR), thuộc Trường Đại học Toronto, Canada là đơn vị triển khai nghiên cứu với sự hỗ trợ và cung cấp thông tin của UNICEF Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (BGDĐT). Nhóm nghiên cứu bao gồm: bà Goli Hashemi, ông Donald Njelesani, bà Janet Njelesani và bà Penny Parnes cùng nhóm trợ lý nghiên cứu của tổ chức VietHope.

Goli Hashemi Cử nhân chuyên ngành Trị liệu vận động, Thạc sĩ Sức khỏe Cộng đồng chuyên ngành chính sách khuyết tật, và là chuyên gia tư vấn độc lập. Bà Hashemi có trên 12 năm kinh nghiệm làm việc với người khuyết tật ở cả các tổ chức và ở cộng đồng. Bà hiện là trợ lý Giáo sư tại Trường Đại học Samuel Merritt, Oakland, California và có kinh nghiệm làm việc với các Tổ chức Phi Chính phủ (NGO) và các tổ chức của người khuyết tật (DPO) quốc tế tại Panama, Cam-pu-chia, Cameroon, Canada và Hoa Kỳ từ năm 2003. Thông tin liên hệ: hashemi.goli@gmail.com

Tiến sĩ Donald Njelesani, nhà nghiên cứu về các vấn đề phát triển quốc tế, sức khỏe vị thành niên, trẻ em và thanh niên khuyết tật và thể thao vì sự phát triển. Tiến sĩ Njelesani hiện là Giáo sư thỉnh giảng tại phân viện Đại học Ratchasuda, thuộc Đại học Mahidol, Thái Lan nơi ông đang phụ trách việc xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành nghiên cứu về vấn đề khuyết tật và thực hiện các nghiên cứu so sánh về tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật. Tiến sĩ Njelesani có nhiều kinh nghiệm trong đánh giá, thiết kế chương trình, nghiên cứu và giảng dạy tại Châu Á, Châu Phi, Châu Âu và Bắc Mỹ. Thông tin liên hệ: donald.njelesani@gmail.com

Tiến sĩ Janet Njelesani, nhà nghiên cứu xã hội, chuyên ngành khuyết tật, phục hồi chức năng và nâng cao năng lực. Công việc hiện tại của Tiến sĩ Njelesani liên quan trực tiếp đến việc áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong nghiên cứu về khuyết tật và phục hồi chức năng, đánh giá các chương trình trong hoàn cảnh khẩn cấp và chương trình phát triển, xây dựng các giải pháp nhằm cải tiến việc thu thập dữ liệu về trẻ khuyết tật, xây dựng và thực hiện các sáng kiến nâng cao năng lực. Tiến sĩ Njelesani hiện là Giảng viên thỉnh giảng tại Trường Đại học Toronto, Canada. Thông tin liên hệ: je.njelesani@gmail.com

Penny Parnes, Cử nhân, Chuyên gia Trị liệu Âm – Ngữ, Thạc sĩ Y khoa, nghiên cứu viên, đồng thời là nhà giáo dục chuyên ngành rối loạn giao tiếp. Bà Parnes có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành các dự án trong lĩnh vực khuyết tật và phát triển tại nhiều quốc gia thuộc khu vực Châu Á và Châu Phi. Bà là nhà sáng lập kiêm Giám đốc điều hành Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về lĩnh vực Khuyết tật và Phục hồi Chức năng (ICDR) tại Trường Đại học Toronto từ năm 2004 đến năm 2012. Trong nghiên cứu này, Bà là trưởng nhóm tư vấn ICDR. Bà cũng là người hoạt động tích cực trong các lĩnh vực vận động chính sách, phát triển chương trình, lập pháp và giáo dục liên quan đến vấn đề khuyết tật và có nhiều kinh nghiệm về nhiều dạng khuyết tật khác nhau. Thông tin liên hệ: penny.parnes@utoronto.ca

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về lĩnh vực Khuyết tật và Phục hồi Chức năng (ICDR), Trường Đại học Toronto, Canada.

ICDR được thành lập năm 2004 và trực thuộc Khoa Phục hồi Chức năng của Trường Đại học Toronto. Trường Đại học Toronto ra đời năm 1827 là trường đại học hàng đầu của Canada và được xếp hạng thứ 16 trên thế giới (Theo Tạp chí Times Higher Education World University Rankings, năm 2012). Trường Đại học Toronto cũng dẫn đầu trong các lĩnh vực nghiên cứu và hợp tác trên nhiều lĩnh vực tại Canada. Trường Đại học Toronto có 3 phân viện với tổng số hơn 70.000 sinh viên và 10.000 giảng viên và nhân viên. Chính trong môi trường này ICDR đã thực hiện sứ mệnh “nâng cao chức năng và phúc lợi cho trẻ em và người lớn không phân biệt năng lực thông qua tôn chỉ học thuật chú trọng tới các vấn đề quốc tế liên quan đến lĩnh vực khuyết tật và phục hồi chức năng”.

VietHope là một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, nhân đạo, độc lập trong nước được thành lập năm 2002. VietHope nuôi dưỡng ước mơ Việt Nam sẽ trở thành một quốc gia phồn vinh, nơi mọi trẻ em đều có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của mình. Sứ mệnh của VietHope là giúp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Việt Nam được tiếp cận giáo dục thông qua hình thức hỗ trợ tài chính. VietHope rất tâm huyết với việc phát triển kinh tế-xã hội, dựa trên tầm nhìn dài hạn và kết quả bền vững. VietHope tin chắc rằng chính nền giáo dục chất lượng là điều kiện tiên quyết để đạt được mục tiêu này. Những nỗ lực của VietHope chú trọng vào việc hỗ trợ các chương trình và dự án thúc đẩy giáo dục cho trẻ em và thanh niên Việt Nam. Trong chương trình nghiên cứu này, VietHope được chọn để cung cấp hỗ trợ hậu cần cho nhóm nghiên cứu chính liên quan đến việc tuyển dụng và tạo cơ hội nâng cao năng lực cho các trợ lý nghiên cứu trong nước tại Việt Nam. Việc hợp tác giữa ICDR và VietHope đã mở ra cơ hội xây dựng năng lực cho các trợ lý nghiên cứu người Việt Nam để thực hiện hoạt động nghiên cứu từ kỹ năng phỏng vấn, ghi nhật ký hiện trường đến điều hành các cuộc thảo luận nhóm trẻ em, ghi âm, v.v. Đối lại, VietHope đã hỗ trợ ICDR các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa địa phương.

Tất cả hình ảnh sử dụng trong nghiên cứu này đều thuộc bản quyền của các nghiên cứu viên.

Mục lục

Lời cảm ơn.....	7
Giải thích từ ngữ.....	8
Chữ viết tắt.....	9
Báo cáo tóm tắt.....	10
Giới thiệu.....	14
Bối cảnh.....	15
Mục đích nghiên cứu.....	16
Phương pháp nghiên cứu.....	18
Phương pháp chủ đạo.....	19
Thiết kế nghiên cứu.....	19
Nhóm nghiên cứu.....	21
Những hạn chế của nghiên cứu.....	22
Thực hiện theo tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu.....	23
Phân tích dữ liệu.....	23
Các phát hiện.....	24
Đối tượng tham gia phỏng vấn.....	25
Hệ thống giáo dục Việt Nam.....	26
Chính sách và luật pháp Việt Nam liên quan đến trẻ khuyết tật.....	27
Sơ lược về trẻ khuyết tật tại Việt Nam.....	32
Sự sẵn sàng của hệ thống trường học trong việc cung cấp giáo dục cho trẻ khuyết tật.....	35
Sự sẵn sàng của trẻ khuyết tật trong việc đến trường và học tập.....	47
Sự sẵn sàng của cộng đồng trong việc hỗ trợ trẻ khuyết tật đi học.....	51
Các Khuyến nghị.....	54
Tài liệu Tham khảo.....	62
Phụ lục.....	64

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn các thành viên của VietHope đã hỗ trợ chúng tôi thực hiện nghiên cứu này, đặc biệt là chị Đoàn Kim Oanh. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến UNICEF Việt Nam đã hỗ trợ chúng tôi trong suốt quá trình nghiên cứu. Chân thành cảm ơn chị Lê Anh Lan và các cán bộ UNICEF trong Nhóm về Trẻ khuyết tật, Nhóm Nghiên cứu-Chính sách, Nhóm Kế hoạch-Giám sát-Đánh giá đã dành thời gian cung cấp thông tin và góp ý kịp thời cho chúng tôi cả trong quá trình đi thực địa cũng như trong việc hoàn thiện báo cáo này. Chúng tôi đặc biệt tri ân những người đã đóng góp tích cực cho nghiên cứu này bao gồm: phụ huynh, trẻ em, cán bộ quản lý các trường, giáo viên, đại diện các cơ quan ban ngành ở Trung ương và địa phương, đặc biệt là Vụ Giáo dục Tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo điều kiện cho nhóm tiến hành khảo sát, nghiên cứu thực địa và thông qua báo cáo này.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn các thành viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về lĩnh vực Khuyết tật và Phục hồi Chức năng đã đóng góp ý kiến và khuyến khích chúng tôi thực hiện nghiên cứu.

Cảm ơn Tổ chức March of Dimes Canada đã tạo điều kiện về các thủ tục tài chính và hành chính qua nguồn hỗ trợ của UNICEF cho Nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn các cá nhân khác đã góp phần giúp chúng tôi thực hiện nghiên cứu, đặc biệt là trẻ em và các phụ huynh đã cung cấp thông tin và ý kiến. Chúng tôi không thể hoàn thành nghiên cứu này nếu không có sự đóng góp quý báu của tất cả mọi người.

Giải thích từ ngữ¹

Khuyết tật

Theo Bảng Phân loại Quốc tế về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe (ICF), đây là một thuật ngữ bao trùm để chỉ sự khiếm khuyết, hạn chế hoạt động và sự tham gia của một người trong quá trình tương tác giữa người đó (với điều kiện sức khỏe của mình) với những yếu tố ngoại cảnh (yếu tố mang tính môi trường và cá nhân).

Tương tự, theo Công ước Liên hiệp quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD), người khuyết tật bao gồm những người có các khiếm khuyết lâu dài về thể chất, thần kinh, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với các rào cản khác nhau có thể cản trở sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của họ trong xã hội trên một nền tảng công bằng như những người khác trong xã hội.

Các Tổ chức của Người khuyết tật (DPOs)

Các tổ chức hoặc hội nhóm được thành lập nhằm mục đích đẩy mạnh việc thực hiện quyền của người khuyết tật, trong đó, hầu hết cả thành viên và ban quản trị đều là người khuyết tật.

Giáo dục Hòa nhập

Giáo dục dựa trên quyền được hưởng một nền giáo dục chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản và làm cuộc sống của tất cả mọi người phong phú hơn. Đặc biệt Giáo dục Hòa nhập chú trọng đến các nhóm dễ bị tổn thương nhất, nhằm phát triển tối đa tiềm năng của mỗi cá nhân.

Trường học Hòa nhập

Trường học được thiết kế để trẻ khuyết tật có thể học ở các lớp thông thường với bạn bè đồng trang lứa, trong đó trẻ khuyết tật được học chương trình chung theo cách phù hợp với khả năng của cá nhân và được hỗ trợ tùy theo nhu cầu.

Trường học Bán hòa nhập

Trường học thông thường có các lớp học chuyên biệt với các phương tiện hỗ trợ trẻ khuyết tật nằm trong trường.

Trường học Chuyên biệt

Các trường học cung cấp dịch vụ chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và tồn tại tách biệt so với hệ thống các trường hòa nhập, hay còn gọi là trường chuyên biệt.

Giáo dục Chuyên biệt

Đối tượng của hình thức giáo dục này bao gồm trẻ em với các nhu cầu khác – chẳng hạn trẻ chịu thiệt thòi vì tình trạng giới tính, dân tộc, nhà nghèo, khó khăn trong học tập hay khuyết tật – liên quan đến việc gặp khó khăn trong việc học hoặc tiếp cận giáo dục so với các bạn đồng trang lứa. Giáo dục Chuyên biệt còn có tên gọi khác là giáo dục theo nhu cầu đặc biệt.

¹ Các định nghĩa trong mục này được trích nguyên văn từ Báo cáo Thế giới về lĩnh vực khuyết tật (Tổ chức Y tế Thế giới & Ngân hàng Thế giới, 2011).

Chữ viết tắt

Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ TC	Bộ Tài chính
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
CSO	Tổ chức Xã hội Dân sự
CIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada
DPO	Tổ chức của Người khuyết tật
EMS	Chiến lược cho Người Dân tộc Thiểu số
GDHN	Giáo dục Hòa nhập
HI	Tổ chức Quốc tế cho Người khuyết tật
ICDR	Trung tâm nghiên cứu Quốc tế về lĩnh vực khuyết tật và Phục hồi Chức năng
ICF	Bảng Phân loại Quốc tế về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe
KHGDCN	Kế hoạch Giáo dục Cá nhân (Phương pháp dạy học cá thể hóa)
KHPTKTXH	Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội
LIC	Quốc gia Thu nhập thấp
LMIC	Quốc gia Thu nhập Trung bình thấp
MoRES	Hệ thống Đánh giá Kết quả dựa trên tiêu chí công bằng
MTBBE	Giáo dục Song ngữ trên Cơ sở Tiếng mẹ đẻ
SL	Số lượng
Sở GDĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
Sở YT	Sở Y tế
Sở LĐTBXH	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
TTHTPTGDHN	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập
UBNDT	Ủy ban Nhân dân tỉnh
UN	Liên Hiệp Quốc
UNCRC	Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em
UNCRPD	Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật
UNICEF	Quý nhi đồng Liên Hiệp Quốc
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc
UNFPA	Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc
VND	Đồng Việt Nam
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

Báo cáo tóm tắt

Từ đầu những năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành xây dựng các chính sách và kế hoạch hành động nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật có thể tiếp cận giáo dục và được học trong các trường phổ thông hòa nhập. Mặc dù các chính sách và kế hoạch hành động này đã mang lại một số thay đổi hướng tới mục tiêu đề ra nhưng do nhiều rào cản trong đó có định kiến với người khuyết tật đã khiến trẻ khuyết tật tại Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc tiếp cận một nền giáo dục hòa nhập chất lượng. Ví dụ như kết quả Cuộc Điều tra Dân số năm 2009 cho thấy chỉ có 66,5% trẻ khuyết tật trong độ tuổi tiểu học được đến trường so với tỷ lệ trung bình của cả nước là 96,8%. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra là tất cả các bên có liên quan cần tháo gỡ những rào cản, trở ngại đó để trẻ khuyết tật được tiếp cận một nền giáo dục hòa nhập bình đẳng như những trẻ em khác.

Giáo dục hòa nhập chính là phương thức giáo dục được Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) khuyến khích áp dụng. Nhằm đưa ra bằng chứng về tình hình giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam để góp phần hoàn thiện các chính sách và thúc đẩy giáo dục hòa nhập cho trẻ em, nghiên cứu này đã khảo sát:

- Sự sẵn sàng của hệ thống trường học trong việc cung cấp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam;
- Sự sẵn sàng đến trường và học tập của trẻ khuyết tật tại Việt Nam ;
- Sự sẵn sàng của cộng đồng hỗ trợ trẻ khuyết tật đến trường và tham gia các hoạt động giáo dục.

Đây là một nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả tổng hợp bao gồm nghiên cứu tài liệu, gửi phiếu khảo sát, phỏng vấn các cá nhân chủ chốt,

thảo luận nhóm trọng tâm và quan sát để tìm hiểu các vấn đề liên quan đến sự sẵn sàng cho việc giáo dục trẻ khuyết tật tại 8 trong số 63 tỉnh/thành tại Việt Nam, trong đó có khảo sát thực địa tại 3 tỉnh/ thành để phục vụ cho công tác nghiên cứu sâu hơn. Tám tỉnh/thành nghiên cứu bao gồm An Giang, Kon Tum, Ninh Thuận, Điện Biên, TP. Hồ Chí Minh, Lào Cai, Gia Lai và Đồng Tháp, trong đó nhóm nghiên cứu đi khảo sát thực địa tại Điện Biên, Kon Tum và Ninh Thuận.

Ngoài nghiên cứu tài liệu, các phát hiện của nghiên cứu còn dựa trên dữ liệu thu thập được từ 50 cuộc thảo luận nhóm trọng tâm, 33 cuộc phỏng vấn các cá nhân chủ chốt và 368 bản khảo sát lãnh đạo các trường, trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật, phụ huynh của cả trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật và các đại diện của chính phủ, các Tổ chức Phi Chính phủ và các Tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2013 đến tháng 8/2014.

Các phát hiện chính

Các phát hiện từ nghiên cứu này làm rõ những điểm mấu chốt trong hệ thống giáo dục giúp sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu của trẻ khuyết tật tại Việt Nam. Những điểm mấu chốt này bao gồm các nhân tố giúp trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động trong trường học, các chính sách quan trọng và thực tiễn trong việc giám sát chặt chẽ và hỗ trợ ngành giáo dục có thể giúp mở rộng cơ hội tiếp cận và nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, cả nam và nữ. Tuy nhiên, trẻ khuyết tật vẫn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận giáo dục.

Các phát hiện chính trong nghiên cứu gồm có:

- Bằng chứng thuyết phục chứng minh cam kết của Chính phủ trong việc bảo vệ quyền được giáo dục của trẻ khuyết tật trong phạm vi quốc gia, khu vực và toàn thế giới.
- Ở phạm vi quốc gia, Luật Người khuyết tật (2010), Luật Giáo dục (2005) và Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em (2004) hiện đang được sửa đổi, bổ sung, và nhiều nghị định, thông tư liên tịch khác nhau quy định về GDHN, đặc biệt là (i) Thông tư Liên tịch số 58 (2012) quy định việc thành lập và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập; và (ii) Thông tư Liên tịch số 42 (2013) quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật (có hiệu lực từ tháng 3/2014) đều là những chính sách quan tâm đến việc thực hiện quyền của người khuyết tật. Đặc biệt, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của người khuyết tật vào tháng 11/2014.
- Tuy nhiên, nhiều bên liên quan còn có nhận thức hạn chế về các chính sách này.
- Mức độ nhận thức và việc thi hành chính sách cũng như các nguồn lực thực hiện còn nhiều bất cập.
- Nhìn chung có 63% trường áp dụng chương trình giáo dục hòa nhập, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có các trường GDHN chiếm tỷ lệ cao nhất (77%) và thấp nhất là ở Ninh Thuận (19%).
- 86% trường tham gia khảo sát báo cáo rằng họ không có bất kỳ khoản phân bổ ngân sách nào cho việc giáo dục trẻ khuyết tật.
- 81% người tham gia khảo sát cho biết có trẻ khuyết tật đi học; 32% ý kiến cho rằng, trường đã nỗ lực cho tất cả trẻ khuyết tật nhập học.
- Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học cao nhất với 96% và thấp nhất là An Giang với 54%.
- Khó khăn chủ yếu mà các trường gặp phải trong việc thực hiện GDHN là thiếu kinh phí và các nguồn hỗ trợ khác (61%) và thiếu kiến thức, kỹ năng để giúp trẻ khuyết tật tiếp cận trường học (39%).
- Tại 3 tỉnh khảo sát thực địa, nhóm nghiên cứu không gặp lãnh đạo trường, giáo viên hay giảng viên nào là người khuyết tật.
- Có tương đối ít thông tin về trẻ khuyết tật.
- Những dữ liệu thu thập được thường là một phần của các nghiên cứu lớn hơn về trẻ em dễ bị tổn thương và những dữ liệu này không được phân loại. Do đó, nhóm nghiên cứu không biết số lượng hay tỷ lệ trẻ không đến trường.
- Chỉ có 18% số trường cung cấp chương trình can thiệp sớm, trong đó, Lào Cai chiếm tỷ lệ cao nhất (36%) và thấp nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (9%).
- Đa số giáo viên báo cáo rằng, họ không được tham dự bất kỳ khóa tập huấn nào về GDHN, giáo dục đặc biệt hoặc về vấn đề khuyết tật. (65% giáo viên không được tiếp cận chương trình tập huấn về giáo dục hòa nhập. 73% không nhận được trợ giúp để nâng cao kỹ năng và chuyên môn.)
- Ngược lại, cán bộ quản lý giáo dục lại được tham dự tập huấn về GDHN nhiều hơn. (Chỉ 32% không được tham dự.)
- 86% các trường cho biết họ không được tiếp cận các cố vấn về khuyết tật.
- 88% các trường không biết bất kỳ tổ chức nào của người khuyết tật ở địa phương.
- 95% các trường không có chuyên gia khuyết tật làm việc tại trường.
- 74% các trường đã tiến hành các biện pháp giảm các rào cản để trẻ khuyết tật có thể dễ dàng tiếp cận trường học.
- 63% các trường báo cáo rằng, họ đã hỏi ý kiến trẻ khuyết tật và gia đình các em khi tiến hành những biện pháp này.
- Số trẻ khuyết tật đi học tiểu học giảm mạnh khi lên trung học cơ sở (VD: tại tỉnh Kon Tum).
- Đại diện các Sở GDĐT và Phòng GDĐT cho biết giáo dục hòa nhập không được xem là một phần việc trong công tác thanh tra trường học và giáo viên.

- Nhiều trẻ em tại các trung tâm giáo dục chuyên biệt kể cả các trung tâm bảo trợ xã hội chưa được tham gia giáo dục hòa nhập/ít có cơ hội học tại các trường thông thường (VD: tại tỉnh Kon Tum).

Các khuyến nghị

Nghiên cứu này đưa ra 37 khuyến nghị. Các khuyến nghị này tập trung vào việc tăng cường thực thi các chính sách hiện hành để đẩy mạnh giáo dục hòa nhập; nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý các cấp; tăng cường các hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật của Bộ GDĐT và các tỉnh; quản lý dữ liệu và thông tin. Cơ sở cho mỗi khuyến nghị được trình bày cụ thể trong báo cáo đầy đủ. Sau đây là nội dung tóm tắt các khuyến nghị then chốt cho mỗi hạng mục.

Khuyến nghị then chốt nhằm hoàn thiện các chính sách để đẩy mạnh chương trình giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

- Thông qua định nghĩa chuẩn về khuyết tật phù hợp với Bảng phân loại quốc tế về chức năng (ICF) và Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của người khuyết tật (UNCRPD) trong Luật Người khuyết tật của Việt Nam năm 2010 và trong tất cả các văn bản pháp luật liên quan đến người khuyết tật và nhận dạng khuyết tật.
- Tăng cường cam kết của Chính phủ trong công tác phối hợp thực hiện các hoạt động liên quan đến khuyết tật với sự tham gia của Thủ tướng hoặc Phó thủ tướng làm chủ tịch Ủy ban điều phối quốc gia về người khuyết tật.
- Mời giáo dục làm thành viên hội đồng cấp xã để xác nhận mức độ khuyết tật và tổ chức thường xuyên hơn các lớp tập huấn về khuyết tật và giáo dục hòa nhập cho tất cả các thành viên của hội đồng. Hội đồng này có thể giữ vai trò cố vấn ngắn hạn.
- Đưa trẻ khuyết tật vào đối tượng phổ cập giáo dục.

- Chính phủ cần đảm bảo việc thực hiện quyền của trẻ khuyết tật được chú trọng trong kế hoạch của ngành giáo dục và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở tất cả các cấp.
- Tăng cường quy trình giám sát việc thực hiện luật pháp/chính sách ở tất cả các cấp liên quan đến giáo dục cho trẻ/người khuyết tật. Thông tin từ những hoạt động này có thể được sử dụng cho các nhà hoạch định chính sách và minh họa cho những việc làm tốt.
- Đẩy mạnh điều phối và hợp tác liên ngành (đặc biệt giữa Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH, Bộ YT và Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, Sở YT) về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật thông qua việc thiết lập một cơ chế hoặc chính sách cho phép trẻ khuyết tật, cả nam và nữ, đang ở các Trung tâm Bảo trợ Xã hội, các trường chuyên biệt, hoặc các mái ấm cho trẻ mồ côi và trẻ khuyết tật được vào học tại các trường- thông thường cùng với bạn bè đồng trang lứa.

Khuyến nghị then chốt nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý các cấp về những chính sách hiện hành

- Khuyến khích sự tham gia và hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức của Người khuyết tật (DPOs) để đảm bảo người khuyết tật được ngành giáo dục chú ý ưu tiên.
- Nâng cao nhận thức về Thông tư Liên tịch số 42/2013/Bộ GD&ĐT- Bộ Tài chính-Bộ LĐTBXH
- Xây dựng chiến lược quốc gia dài hạn nhằm giảm kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người khuyết tật tại Việt Nam.
- Đưa những hình ảnh về trẻ khuyết tật vào sách giáo khoa, vào tài liệu dạy-học và vào truyền thông một cách tích cực và mạnh mẽ.
- Đảm bảo cộng đồng, bao gồm tất cả phụ huynh và tất cả trẻ em đều nhận thức được quyền giáo dục cho tất cả mọi người, kể cả trẻ khuyết tật.

Khuyến nghị then chốt đối với Bộ GDĐT và các tỉnh để đẩy mạnh giáo dục cho trẻ khuyết tật

1. Xây dựng hoặc điều chỉnh và thể chế hóa bộ công cụ sàng lọc để phát hiện trẻ có nhu cầu cần can thiệp giáo dục sớm.
2. Thành lập Vụ Giáo dục Trẻ khuyết tật trực thuộc Bộ GDĐT.
3. Đẩy mạnh công tác phát triển Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập cấp tỉnh, thành lập và vận hành Phòng Hỗ trợ GDHN tại cấp trường.
4. Ưu tiên sử dụng các chủ đề tập huấn liên quan đến GDHN trong các lớp bồi dưỡng giáo viên cùng với việc giới thiệu mô-đun đào tạo giáo dục hòa nhập bắt buộc.
5. Ưu tiên đưa giáo dục hòa nhập vào chương trình đào tạo giáo viên cùng với việc giới thiệu mô-đun đào tạo giáo dục hòa nhập bắt buộc ở tất cả các trường đại học và cao đẳng sư phạm.
6. Quy định giáo dục hòa nhập là tiêu chí thanh tra giáo viên và trường học dựa trên Kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN) của học sinh.
7. Xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo việc dự thảo và phân bổ ngân sách cho các huyện,

xã và trường học nhằm hỗ trợ việc thực hiện Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-Bộ GDĐT-Bộ LĐTBXH-Bộ TC.

8. Thiết lập quy trình để các trường tạo điều kiện thuận lợi và giúp các phụ huynh có giấy xác nhận khuyết tật cho con em họ.
9. Ưu tiên việc tiếp cận kế hoạch và dự thảo ngân sách giáo dục.

Khuyến nghị then chốt nhằm cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin để giúp các tỉnh thu thập, cập nhật và sử dụng dữ liệu về trẻ khuyết tật

1. Xây dựng các chỉ số để đo lường, theo dõi và đánh giá việc thực hiện GDHN.
2. Xây dựng bộ công cụ chuẩn để thu thập dữ liệu giúp tất cả các trường theo dõi trẻ khuyết tật trong và ngoài nhà trường.
3. Xây dựng bộ công cụ chuẩn để thu thập dữ liệu giúp Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH, Bộ YT, các Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, Sở YT và các cấp thấp hơn bao gồm huyện và xã thu thập thông tin về khuyết tật của trẻ nhằm xây dựng những chương trình can thiệp tập trung, thích hợp.



GIỚI THIỆU



Bối cảnh

Trẻ khuyết tật thuộc nhóm dân số dễ bị tổn thương nhất trên thế giới. Theo Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) (Điều 7, Khoản 24) và Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ em (UNCRC) (Điều 2, Khoản 23), tất cả trẻ em, không phân biệt khả năng, đều có cơ hội bình đẳng để phát triển tiềm năng (United Nations [UN] Enable, 2006; Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc [UNICEF], 1989). Tuy nhiên, đa phần trẻ khuyết tật thường sống trong nghèo khó và ít có cơ hội tham gia vào các hoạt động xã hội và tiếp cận các dịch vụ xã hội so với trẻ không khuyết tật (WHO & Ngân hàng Thế giới 2011, Mont, D. và Nguyễn V. C., 2011). Trẻ khuyết tật cũng thường ít có cơ hội đến trường, tỷ lệ chuyên cần và tỷ lệ chuyển cấp cũng thấp hơn (Filmer, 2008). Giáo dục cơ sở, giáo dục xóa mù và giáo dục kỹ năng sống có thể giúp tăng cường khả năng của trẻ khuyết tật thông qua việc nâng cao nhận thức về quyền được lựa chọn của các em đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc và những tổn thương mà các em phải gánh chịu (Groce & Bakhshi, 2011; ACPF, 2011, Mont, D. và Nguyễn V. C., 2011).

Giáo dục có thể được thực hiện ở môi trường gia đình, tại cộng đồng, ở trường học cũng như ở các cơ sở giáo dục và trong toàn xã hội. Quyền được giáo dục của trẻ em được quy định rõ trong nhiều hiệp ước về nhân quyền và văn kiện quốc tế (UN, 2006; UN, 1989). Nội dung các hiệp ước này đề cập đến việc giáo dục tiểu học là yêu cầu bắt buộc và được miễn phí cho tất cả trẻ em và giáo dục trung học phải sẵn sàng và dễ tiếp cận cho mọi trẻ em. Trên thế giới có ba mô hình giáo dục chính cho trẻ khuyết tật, bao gồm: trường học chuyên biệt, trường học bán hòa nhập và trường học hòa nhập (WHO & Ngân hàng Thế giới, 2011; Stubbs, 2009). Trường học chuyên biệt giáo dục trẻ khuyết tật trong môi trường học tập tách biệt và đa phần là các trường dành cho trẻ khiếm thính hoặc khiếm thị (WHO & Ngân hàng Thế giới, 2011; Stubbs, 2009). Trẻ em học tại các trường học chuyên biệt thường bị cô lập khỏi cộng đồng và những trẻ em khác (Corps et al., 2012). Trường học bán hòa nhập là trường đưa trẻ khuyết tật vào trường học thông thường nhưng tách trẻ ở các lớp riêng (WHO & Ngân

hàng Thế giới, 2011; Stubbs, 2009). Giáo dục hòa nhập (GDHN) được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục của tất cả trẻ em với mọi nhu cầu học tập khác nhau, bao gồm trẻ khuyết tật (Corps et al., 2012; WHO & Ngân hàng Thế giới, 2011; Stubbs, 2009). Giáo dục hòa nhập thay quan niệm từ chú trọng vào khuyết tật của trẻ sang chú trọng vào việc vượt qua những rào cản để tất cả trẻ em đều được học tập và tham gia mọi hoạt động (Stubbs, 2008; UNESCO, 2005).

Giáo dục hòa nhập là phương thức được Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) khuyến khích áp dụng. Điều 24 Đoạn (1) của UNCRPD đã đề cao quyền được giáo dục (UN, 2006). Điều này lặp lại nội dung của Điều 28 trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em (UNCRC) nhưng mở rộng hơn và yêu cầu dứt khoát “cần có một hệ thống GDHN cho mọi cấp học và học tập suốt đời”. GDHN đòi hỏi các nhà giáo dục thiết lập hệ thống cơ sở vật chất học tập hợp lý, cung cấp hỗ trợ thích hợp với các chương trình học tập cá nhân để tất cả trẻ khuyết tật được giáo dục nhằm đạt được thành tích trong học tập, sáng tạo và phát huy tiềm năng xã hội (UN, 2006). Nhìn chung môi trường giáo dục hòa nhập ít tốn kém hơn các hệ thống tách biệt. Phát hiện này phù hợp với quan niệm rằng một hệ thống giáo dục hòa nhập thường tiết kiệm chi phí hơn hai hệ thống giáo dục tách biệt. Một hệ thống giúp giảm bớt chi phí quản lý và hành chính. Việc đi lại cũng ít tốn kém hơn vì môi trường tách biệt thường cần các cá nhân tại những khu vực địa lý rộng lớn hơn. Kinh nghiệm cho thấy đến 80%-90% trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt, bao gồm cả trẻ khuyết tật trí tuệ có thể dễ dàng hòa nhập vào các trường, lớp thông thường miễn là có hỗ trợ cơ bản để các em hòa nhập. Chi phí đầu tư cơ sở vật chất tại thời điểm xây dựng nhằm giúp trẻ khuyết tật tiếp cận trường học có thể ở mức rất thấp. Bằng chứng qua các nghiên cứu cho thấy chi phí cho cơ sở vật chất đó chiếm chưa đến 1% trong tổng chi phí xây dựng (UN Enable, 2014).

Theo UNESCO, có nhiều lý do để ủng hộ việc thực hiện GDHN (UNESCO, 2001, 2005):

1. Trường học hòa nhập phải xây dựng phương pháp dạy học linh hoạt phù hợp với từng

em. Điều này có lợi cho tất cả học sinh (lý do giáo dục);

2. Việc cùng giáo dục tất cả trẻ em giúp tạo ra một xã hội không kỳ thị, mà ở đó các giá trị công bằng về quyền và cơ hội được nuôi dưỡng (lý do xã hội);
3. Trường học hòa nhập thường ít tốn kém mà lại bền vững hơn (lý do kinh tế);
4. GDHN giúp phá vỡ vòng lẩn quẩn của đói nghèo bằng việc tăng cơ hội tiếp cận giáo dục;
5. GDHN cho phép trẻ khuyết tật được sống gần gia đình;
6. GDHN tạo mối liên kết chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường và giúp phụ huynh tham gia nhiệt tình hơn vào công tác giáo dục cho con em mình.

Tổng hợp lại, tất cả những luận cứ trên – trước hết dựa vào quyền con người và kế đó là các lợi ích về giáo dục, tăng cường công bằng xã hội và lợi thế kinh tế - mang lại ưu thế vượt trội cho GDHN.

Mục đích nghiên cứu

Nhằm góp phần cung cấp những bằng chứng thực tế về tình hình giáo dục hòa nhập cho trẻ em tại Việt Nam và hoàn thiện các chính sách hiện hành, đồng thời đẩy mạnh việc thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ em, nghiên cứu này khảo sát:

- a. Sự sẵn sàng của các trường trong việc cung cấp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam;
- b. Sự sẵn sàng của trẻ khuyết tật tại Việt Nam trong việc đến trường và học tập;
- c. Sự sẵn sàng của cộng đồng trong việc hỗ trợ trẻ khuyết tật đến trường và học tập.

Những mục đích của nghiên cứu này phù hợp với mục tiêu của UNICEF là tìm ra những điểm mạnh và điểm yếu, bao gồm các rào cản, trì trệ và những yếu tố tác động gây kìm hãm hoặc thúc đẩy để đạt được những kết quả mong muốn cho những trẻ em thiệt thòi. Điều khoản

tham chiếu của nghiên cứu này do UNICEF Việt Nam xây dựng xác định **Sự sẵn sàng** là nội dung chủ đạo trong nghiên cứu này. Sự sẵn sàng đề cập đến mức độ sẵn sàng của một hệ thống (có thể là một tổ chức như trường học hoặc Bộ hay nhóm các cá nhân) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện một chương trình hay biện pháp can thiệp. Sự sẵn sàng khác nhau tùy từng khả năng, trong đó bao gồm đặc điểm của một hệ thống ảnh hưởng đến khả năng nhận diện, huy động và giải quyết các vấn đề. Sau đây là các định nghĩa về sự sẵn sàng của các bên liên quan khác nhau trong nghiên cứu này. Xin lưu ý rằng, sự sẵn sàng của các bên liên quan khác nhau đều có quan hệ tương tác lẫn nhau và mức độ sẵn sàng của trẻ khuyết tật trong việc đến học ở các trường thông thường, chịu ảnh hưởng và quyết định bởi mức độ sẵn sàng của các trường, phụ huynh cũng như trẻ không khuyết tật.

Sự sẵn sàng của trẻ khuyết tật đề cập đến năng lực và khả năng về thể chất, trí tuệ, xã hội và cảm xúc để có thể theo dõi và hiểu bài và các hoạt động trong chương trình học. Sự sẵn sàng này bao gồm khả năng hoàn thành việc học có chất lượng; tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp với các bạn đồng trang lứa; giao tiếp và tương tác với nhau; và cuối cùng nhưng không giới hạn là niềm vui khi ở trong môi trường học đường.

Sự sẵn sàng của trẻ không khuyết tật đề cập đến mức độ nhận thức, hiểu biết và thái độ của trẻ không khuyết tật đối với trẻ khuyết tật. Điều này tác động đến mức độ sẵn sàng của trẻ khuyết tật trong việc đến trường.

Sự sẵn sàng của các trường đề cập đến mức độ sẵn sàng của trường trong việc tiếp nhận trẻ khuyết tật vào học tại các lớp thông thường. Điều này liên quan đến việc cung cấp cho trẻ khuyết tật các dịch vụ giáo dục có chất lượng cùng tất cả các phương tiện hỗ trợ bắt buộc cần cho việc học của các em, bao gồm việc cung cấp cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông mà trẻ khuyết tật có thể dễ dàng tiếp cận; điều chỉnh chương trình nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của các em; cung cấp các dịch vụ chuyên biệt để đáp ứng các khả năng khác nhau của các em; có thái độ thiện chí và mức độ nhận thức phù hợp về các

phương pháp giáo dục hòa nhập và các vấn đề liên quan đến khuyết tật; đảm bảo sự sẵn sàng và việc thực hiện các chính sách giáo dục hòa nhập hiện hành; và cuối cùng là việc điều phối và hợp tác giữa các cơ quan ban ngành liên quan ở cấp quốc gia và cơ sở. Sự sẵn sàng của các trường cũng có thể được hiểu là kết quả của quyết tâm chính trị, nguồn lực và hệ thống. Nghiên cứu này khảo sát sự sẵn sàng của hệ thống giáo dục vì đây là nhân tố quan trọng quyết định sự sẵn sàng của các trường cũng như sự sẵn sàng của trẻ em và phụ huynh. Sự sẵn sàng của hệ thống giáo dục tác động trực tiếp lẫn gián tiếp đến sự sẵn sàng của các trường và điều này lại tác động đến sự sẵn sàng của trẻ khuyết tật trong việc đi học tại các trường thông thường.

Sự sẵn sàng của phụ huynh đề cập đến nhận thức, hành vi và thái độ của phụ huynh đối với việc giáo dục cho trẻ khuyết tật, đặc biệt là trong hệ thống giáo dục hòa nhập. Mức độ sẵn sàng của phụ huynh liên quan đến khả năng của phụ huynh trong việc hỗ trợ giáo dục cho trẻ khuyết tật. Cụ thể, đó là sự tham gia và cam kết của phụ huynh đối với những chương trình và hoạt động giáo dục nhằm thúc đẩy giáo dục cho trẻ khuyết tật trong hoặc ngoài trường học; phối hợp với hệ thống trường học trong việc thực hiện quyền được giáo dục của trẻ khuyết tật và khả năng của phụ huynh trong việc cung cấp giáo dục hòa nhập cho con em mình. Sự sẵn sàng của phụ huynh có tác động đến sự sẵn sàng của cả trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật và giáo dục hòa nhập.

Sau khi xem xét các mục đích đã đề cập ở trên, nghiên cứu này đưa ra các khuyến nghị nhằm tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo việc thực hiện quyền được giáo dục của trẻ khuyết tật, chú trọng vào bốn lĩnh vực:

- Khuyến nghị then chốt nhằm hoàn thiện các chính sách để đẩy mạnh chương trình giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật;
- Khuyến nghị then chốt nhằm nâng cao nhận thức cho các bên liên quan khác nhau bao gồm những người có quyền và những người chịu trách nhiệm thực thi các quyền về những chính sách hiện hành và sự cần thiết trong việc thực hiện những chính sách này;
- Khuyến nghị then chốt đối với Bộ GDĐT và các tỉnh nhằm đẩy mạnh giáo dục cho trẻ khuyết tật liên quan đến các chiến lược giáo dục quốc gia, kế hoạch giáo dục hàng năm cũng như kế hoạch giáo dục 5 năm của tỉnh và KHPTKTXH tỉnh;
- Khuyến nghị then chốt để cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin nhằm giúp các tỉnh thu thập, cập nhật và sử dụng dữ liệu về trẻ khuyết tật để lập kế hoạch và dự thảo ngân sách hỗ trợ giáo dục cho trẻ khuyết tật.



PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU



Phương pháp chủ đạo

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp **tiếp cận dựa trên quyền con người**. Phương pháp tiếp cận 'khuyết tật' trên cơ sở quyền con người chuyển từ thái độ đối xử với người khuyết tật như các đối tượng của trợ giúp nhân đạo, điều trị y tế và bảo trợ xã hội sang thái độ xem người khuyết tật là những người có quyền, có khả năng đòi hỏi các quyền đó và tự đưa ra các quyết định cho cuộc đời của họ trên cơ sở đồng ý tự nguyện và hiểu biết, cũng như là những thành viên tích cực của xã hội. Bằng việc áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người, nghiên cứu này chú trọng tới cách thức thực hiện các sáng kiến cũng như các kết quả đạt được. Trong bối cảnh giáo dục hòa nhập, việc thực hiện theo quan điểm này mang lại lợi ích không chỉ trong việc nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ chất lượng mà còn làm tăng sự tham gia trong việc ra quyết định và tăng nhận thức cộng đồng cũng như nhu cầu cần có các dịch vụ giáo dục hòa nhập.

Các nghiên cứu viên cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề **Bình đẳng giới** và lưu tâm đến các vấn đề bất bình đẳng giới tiềm tàng có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện đầy đủ quyền của trẻ em và bất kỳ sự khác biệt nào giữa các bé trai và bé gái khuyết tật và việc tiếp cận giáo dục của các em.

Cuối cùng, phương pháp **Hệ thống Đánh giá kết quả dựa trên tiêu chí công bằng (MoRES)** của UNICEF được áp dụng để phân tích các điểm mạnh và điểm yếu bao gồm các rào cản, trì trệ nhằm cải thiện hiệu quả từ các chương trình cho trẻ em. Mặc dù các phân tích mang tính quyết định được xác định trước, phương pháp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập một hệ thống giám sát để phát hiện những rào cản và trì trệ chủ yếu trong quá trình thực hiện quyền trẻ em cho tất cả trẻ em. Khung khái niệm MoRES đặt nền móng cho việc lập kế hoạch hiệu quả, xây dựng chương trình chiến lược, phân cấp hoạt động giám sát và quản lý kết quả nhằm đạt được hiệu quả mong muốn cho những trẻ em thiệt thòi nhất và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs).

Thiết kế nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu mô tả tổng hợp các phương pháp bao gồm nghiên cứu tài liệu, phiếu khảo sát, phỏng vấn các cá nhân chủ chốt, thảo luận nhóm trọng tâm và quan sát để tìm hiểu các vấn đề liên quan đến mức độ sẵn sàng cho việc giáo dục trẻ khuyết tật tại 8 trong số 63 tỉnh thành tại Việt Nam, trong đó có khảo sát thực địa tại 3 tỉnh để phục vụ cho công tác nghiên cứu sâu hơn. Tám tỉnh nghiên cứu bao gồm An Giang, Kon Tum, Ninh Thuận, Điện Biên, TP. Hồ Chí Minh, Lào Cai, Gia Lai và Đồng Tháp, trong đó nhóm nghiên cứu đi khảo sát thực địa tại Điện Biên, Kon Tum và Ninh Thuận. Quá trình từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành nghiên cứu trải qua 6 giai đoạn. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2013 đến tháng 8/2014.

6 giai đoạn nghiên cứu bao gồm:

- Giai đoạn 1: Xây dựng và hoàn thành kế hoạch nghiên cứu chi tiết, bao gồm khung khái niệm, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các công cụ và kế hoạch phân tích dữ liệu, đề cương báo cáo mong đợi, danh mục tài liệu cần nghiên cứu và khung thời gian thực hiện nghiên cứu;
- Giai đoạn 2: Nghiên cứu tất cả các tài liệu có thể tiếp cận được, bao gồm các tài liệu nội bộ của UNICEF và Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam (kế hoạch hành động hàng năm, báo cáo hàng năm, các tài liệu chương trình, một kế hoạch chung của các tổ chức Liên hiệp quốc tại Việt Nam), các báo cáo liên quan của Chính phủ và các tỉnh, số liệu ngân sách và tham vấn với các bên liên quan cấp quốc gia bao gồm nhưng không giới hạn Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH, các tổ chức thuộc Liên hiệp quốc (UN) và các Tổ chức Phi chính phủ quốc tế (INGOs);
- Giai đoạn 3: thu thập dữ liệu sử dụng phương pháp hỗn hợp bao gồm nghiên cứu tài liệu, gửi phiếu khảo sát, phỏng vấn các cá nhân chủ chốt, thảo luận nhóm trọng tâm và quan sát;
- Giai đoạn 4: Dự thảo báo cáo bằng tiếng Anh và tiếng Việt;

- Giai đoạn 5: Tham vấn với UNICEF và các bên liên quan chủ chốt về báo cáo dự thảo;
- Giai đoạn 6: Hoàn thiện báo cáo dựa trên các góp ý nhận được và trình bày báo cáo bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Nghiên cứu tài liệu

Hoạt động nghiên cứu tài liệu bao gồm việc thu thập các tài liệu và dữ liệu do nhân viên UNICEF Việt Nam cung cấp.

Các nguồn dữ liệu gồm có:

- Tài liệu nội bộ của UNICEF và các tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam liên quan đến trẻ khuyết tật (xem Bảng 2 để biết danh mục tài liệu cụ thể đã được thu thập);
- Số liệu Điều tra Dân số Việt Nam năm 2009;
- Các báo cáo của các tỉnh và chính phủ từ các bộ, sở khác nhau: Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH, Sở GDĐT, Sở YT, Sở LĐTBXH, v.v.;
- Tài liệu do các trường cung cấp.

Phiếu khảo sát

Bộ GDĐT đã gửi các phiếu khảo sát qua bưu điện cho Sở GDĐT tại tám tỉnh thành trọng điểm (tỉnh bạn hữu) của UNICEF bao gồm Điện Biên, Lào Cai, Gia Lai, Kon Tum, Ninh Thuận, An Giang, Đồng Tháp và TP. Hồ Chí Minh. Sở GDĐT tại mỗi tỉnh đã gửi phiếu khảo sát cho 4 Phòng GDĐT trong tỉnh, trong đó 2 huyện có học sinh học ở các trường thông thường với số lượng cao và 2 huyện có trẻ khuyết tật không đi học với số lượng cao. Các Phòng GDĐT đã gửi phiếu khảo sát một cách ngẫu nhiên cho lãnh đạo trường của 5 trường mầm non, 5 trường tiểu học và 2 trường trung học cơ sở trong huyện (chỉ hai trường trung học cơ sở được chọn vì Điều khoản Tham chiếu tập trung vào các trường mầm non và tiểu học). Mẫu khảo sát cơ bản là các cá nhân (ví dụ: hiệu trưởng). Số mẫu khảo sát gửi đi là 424 (8 Sở GDĐT+32 Phòng GDĐT+384 trường = 424) do UNICEF Việt Nam quyết định.

Khảo sát thực địa

Nhóm nghiên cứu đã đến khảo sát thực địa tại ba trong số tám tỉnh bạn hữu của UNICEF là Điện Biên, Ninh Thuận và Kon Tum. Ba tỉnh này được lựa chọn dựa trên những cơ sở lý luận như sau:

- **Đại diện vùng miền:** Điện Biên là tỉnh thuộc vùng núi Tây Bắc của Việt Nam, Kon Tum thuộc Tây Nguyên và Ninh Thuận đại diện cho khu vực Đông Nam.
- **Tính liên tục của chương trình và triển vọng đầu tư trọn gói cho vấn đề khuyết tật:**
 - » Cả Ninh Thuận và Kon Tum đều đang triển khai các hoạt động về các vấn đề khuyết tật bao gồm (1) Giám sát các hoạt động thi hành Luật Người khuyết tật và các văn bản dưới luật có liên quan; (2) Hoạt động nâng cao năng lực: Tập huấn giáo viên về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật và biên soạn mô-đun giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật để đưa vào chương trình đào tạo giáo viên tại các trường sư phạm. Trong khi đó, năm 2013, tỉnh Kon Tum đã xây dựng kế hoạch Truyền thông vì sự phát triển nhằm giảm kỳ thị và phân biệt đối xử đối với trẻ khuyết tật; kế hoạch này được đưa vào thực hiện năm 2014. Tại tỉnh Ninh Thuận, Sở GDĐT đang chủ động soạn thảo dự án trình UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập đồng thời Sở cũng đang chuẩn bị nhân sự cho trung tâm để xuất này. Chương trình Bảo vệ Trẻ em của UNICEF cũng đang tập trung hỗ trợ vấn đề khuyết tật tại tỉnh Ninh Thuận và Kon Tum với kinh phí do Ủy ban UNICEF Quốc gia Đức và Nhật Bản tài trợ.
 - » Tại tỉnh Điện Biên, ngoài hoạt động giám sát và nâng cao năng lực, năm 2014 UNICEF tiếp tục hỗ trợ Sở GDĐT trong việc hợp tác với trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh biên soạn mô-đun giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

để đưa vào chương trình đào tạo giáo viên của tỉnh, trên cơ sở xem xét bài học kinh nghiệm của Ninh Thuận và Kon Tum.

- **Cam kết của địa phương trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến giáo dục cho trẻ khuyết tật:** Mặc dù chính quyền địa phương tại ba tỉnh khảo sát thực địa đã có sự quan tâm và chăm lo đến việc giáo dục cho trẻ khuyết tật song mức độ cam kết tại ba tỉnh có sự khác nhau. Đây là cơ hội để đánh giá mối liên hệ giữa cam kết của các địa phương trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cho trẻ khuyết tật và tác động của cam kết này.

Chúng tôi tin rằng với cơ sở lý luận trình bày ở trên, việc chọn 3 tỉnh đại diện làm khảo sát thực địa đã giúp tăng thêm các giá trị cho cả chính quyền địa phương và UNICEF trong việc xây dựng chiến lược và đầu tư hiệu quả hơn vào công tác hòa nhập xã hội cho trẻ khuyết tật.

Phỏng vấn, thảo luận nhóm trọng tâm và tham vấn

Hoạt động phỏng vấn các cá nhân chủ chốt, thảo luận nhóm trọng tâm và tham vấn được thực hiện với nhiều bên liên quan. Cụ thể, chúng tôi sử dụng chiến lược lựa chọn có mục đích để chọn người tham dự đại diện cho các nhóm sau:

1. Các bên liên quan trong ngành giáo dục bao gồm giáo viên, cán bộ quản lý/lãnh đạo trường, nhân viên y tế của trường, nhân viên bảo vệ/tạp vụ, cán bộ Sở GDĐT, các nhà quản lý giáo dục và đại diện chính quyền địa phương;
2. Phụ huynh của trẻ khuyết tật và không khuyết tật;
3. Trẻ khuyết tật hoặc không khuyết tật có đi học hoặc không đi học. Tiêu chuẩn lựa chọn trẻ ở trường đó là trẻ đang học trường tiểu học; với các trẻ không đi học, tiêu chuẩn chọn vào nghiên cứu là trẻ từ 8-11 tuổi (tuổi học tiểu học);

4. Đại diện của các Tổ chức Phi Chính phủ và các Cơ quan thuộc Liên Hiệp Quốc bao gồm: Trung tâm hành động vì sự phát triển cộng đồng; Hội Người mù Việt Nam; Tổ chức Phát triển mối quan tâm Thế giới; UNESCO; và UNICEF.

Phòng vấn các cá nhân chủ chốt và thảo luận nhóm trọng tâm được tiến hành trực tiếp bởi một thành viên nhóm nghiên cứu và/hoặc một trong những trợ lý nghiên cứu đã được tập huấn. Phòng vấn cá nhân diễn ra ở một địa điểm thuận tiện và được sự đồng ý của (các) cá nhân tham gia miễn là đáp ứng yêu cầu về tính riêng tư và bảo mật. Trước khi tiến hành mỗi cuộc phỏng vấn cá nhân, nghiên cứu viên hoặc trợ lý nghiên cứu cùng cá nhân tham gia xem lại phiếu chấp thuận, nghiên cứu viên hoặc trợ lý nghiên cứu giải đáp các thắc mắc và lấy ý kiến chấp thuận của cá nhân tham gia bằng văn bản nói hoặc viết. Cuộc phỏng vấn (các) cá nhân chủ chốt và thảo luận nhóm trọng tâm kéo dài khoảng từ 60 đến 90 phút và được ghi âm.

Hoạt động quan sát

Trong suốt chuyến khảo sát thực địa, chúng tôi đã tiến hành quan sát khả năng tiếp cận của các trường học. Chúng tôi cũng quan sát việc tương tác giữa trẻ không khuyết tật và trẻ khuyết tật với các giáo viên để phát hiện các rào cản về thái độ và xã hội. Những quan sát này giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về mức độ trẻ khuyết tật được tiếp cận và hòa nhập tại trường.

Nhóm nghiên cứu

Trong dự án này, để thực hiện phần nghiên cứu trong nước, ngoài nhóm nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về lĩnh vực Khuyết tật và Phục hồi Chức năng (ICDR), 2 nghiên cứu viên từ Canada, đến Việt Nam để thu thập dữ liệu, chúng tôi còn mời một nhóm trợ lý nghiên cứu người Việt Nam thuộc tổ chức VietHope. Chúng tôi đã tập huấn và giám sát nhóm trợ lý này trong suốt quá trình thu thập dữ liệu tại mỗi tỉnh. Chiến lược này giúp ICDR góp phần phát triển khả

năng nguồn nhân lực địa phương tại Việt Nam cũng như được hỗ trợ về ngôn ngữ, văn hóa địa phương và dịch thuật. Tất cả các trợ lý nghiên cứu đều tham gia khóa tập huấn 1 ngày trong ngày đầu tiên nhóm ICDR đến Việt Nam và trước khi bắt đầu chuyển nghiên cứu thực địa. Nội dung tập huấn bao gồm đạo đức nghiên cứu và quy tắc ứng xử; các kỹ năng phỏng vấn cá nhân và điều hành thảo luận nhóm; nhận thức các vấn đề liên quan đến khuyết tật; nhu cầu về các tiện ích mà những người tham gia có thể cần; và xem lại tất cả các công cụ nghiên cứu bao gồm những biểu bảng liên quan đến quản lý dữ liệu, kiểm tra chất lượng và bảo mật. Các thành viên ICDR trực tiếp giám sát nhóm trợ lý nghiên cứu trong hai tuần nhóm thực hiện khảo sát tại Việt Nam.

Những hạn chế của nghiên cứu này

Nghiên cứu này được tiến hành trong những hoàn cảnh khó khăn ảnh hưởng đến việc thu thập và phân tích các kết quả nghiên cứu. Những khó khăn này bao gồm:

Dịch thuật: Các thông tin được thu thập bằng tiếng Việt và được dịch sang tiếng Anh và trong quá trình dịch thuật có thể có sự thiếu nhất quán.

Tính phổ biến: Vì nghiên cứu tập trung tại 8 tỉnh thành và chỉ thực hiện khảo sát thực địa tại 3 tỉnh, do đó, cần cân nhắc đến tính ứng dụng rộng rãi của các phát hiện này ở những nơi khác (chẳng hạn những trở ngại về điểm giống và khác nhau trong văn hóa ở từng địa phương). Hơn nữa, dữ liệu của Sở GDĐT tỉnh Điện Biên bị thất lạc khi gửi qua bưu điện nên UNICEF và các nghiên cứu viên không nhận được kết quả khảo sát. Điều này gây khó khăn cho việc đưa ra các phát hiện mang tính đặc trưng phổ biến cho tỉnh này.

Mặc dù nhóm nghiên cứu đã đến thăm hai trung tâm bảo trợ trẻ em nhưng nghiên cứu này chỉ tập trung vào bậc học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở và kết quả nghiên cứu không mang tính phổ biến cho các bậc học khác hoặc cho các trường học chuyên biệt hoặc trung tâm bảo trợ trẻ khuyết tật khác.

Nghiên cứu này không chú trọng đến các vấn đề khác như sức khỏe, kinh tế-xã hội, cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp dù có thể có một số vấn đề liên ngành có tác động đáng kể đến hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật.

Nghiên cứu này không khảo sát các chi tiết về các hành vi thay đổi tùy thuộc vào mức độ khuyết tật theo các loại tật khác nhau như khiếm thị hoặc mù; khiếm thính nhẹ hoặc vừa; tự kỷ có hoặc không có lời nói; gặp khó khăn khi làm toán hoặc đọc và viết.

Các chủ đề nhạy cảm văn hóa: trong bối cảnh này, khuyết tật là một chủ đề thảo luận nhạy cảm, với áp lực về thời gian và thiếu tính bảo mật khi thảo luận nhóm trọng tâm nên chúng tôi chỉ vận dụng kinh nghiệm phỏng vấn và thông tin được thu thập ở mức khiêm tốn. Những hạn chế này được khắc phục bằng cách áp dụng nhiều phương pháp nghiên cứu (chẳng hạn phỏng vấn các cá nhân chủ chốt, thảo luận nhóm trọng tâm, phiếu khảo sát) để cân bằng các phát hiện sau nghiên cứu.

Năng lực của các trợ lý nghiên cứu: Các trợ lý nghiên cứu đã tham gia khóa tập huấn một ngày về vấn đề đạo đức và phương pháp khảo sát, trong đó nội dung tập huấn đặc biệt nhấn mạnh đến cách thức làm việc với trẻ em và người khuyết tật. Vì các trợ lý nghiên cứu đã có kinh nghiệm hoạt động cộng đồng nên nếu có thêm thời gian, họ có thể tìm hiểu sâu hơn các vấn đề về khuyết tật và phương pháp nghiên cứu. Hạn chế này đã được khắc phục bằng việc chúng tôi liên tục hỗ trợ nhóm trợ lý nghiên cứu (chẳng hạn như qua các buổi họp nhóm khảo sát hàng ngày và phản hồi của các cá nhân về việc thu thập dữ liệu) và họ đã nhanh chóng tiếp thu và áp dụng tất cả các chiến lược đề xuất. Ngoài ra, nếu có ít nhất một thành viên trong nhóm trợ lý nghiên cứu là người khuyết tật thì đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thêm nhiều dữ liệu phong phú và chất lượng, nhất là giữa việc tương tác với trẻ khuyết tật và phụ huynh của các em. Nếu có thành viên như vậy tham gia thì đã có thể làm rõ và giúp người khuyết tật nhận thức thêm về cơ hội lựa chọn nghề nghiệp khác cho bản thân họ vì hiện tại hầu hết những người tham gia phỏng vấn, thảo luận nhận thấy rất ít cơ hội nghề nghiệp cho những người khuyết tật.

Năm thông tin về trẻ khuyết tật không đi học: Hầu hết người tham gia phỏng vấn đều ghi nhận là họ biết những gia đình có con khuyết tật mà không đưa đi học, nhưng họ rất khó gặp những em này cũng như phụ huynh của các em. Nghiên cứu này đã có thể thu được nhiều kết quả hơn nếu có thêm sự hiện diện của các gia đình và con em họ bằng việc hiểu rõ hơn lý do tại sao trẻ không đi học ngoài những lý do mà những người tham gia phỏng vấn cung cấp và qua các chuyến thăm gia đình.

Thiếu sự tham gia của các tổ chức của người khuyết tật tại địa phương (DPOs): Nếu các tổ chức của người khuyết tật tại mỗi tỉnh tham gia khảo sát thì đã giúp nhóm nghiên cứu hiểu thấu đáo hơn về mức độ nhận thức của cộng đồng người khuyết tật về các luật pháp và chính sách liên quan đến việc tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật và những hoạt động hỗ trợ liên quan đến giáo dục cho các gia đình có trẻ khuyết tật.

Thiếu sự tham gia của các trường học chuyên biệt hoặc các trung tâm dành cho trẻ khuyết tật: Nếu các tổ chức của người khuyết tật tại mỗi tỉnh tham gia khảo sát thì đã giúp nhóm nghiên cứu hiểu thấu đáo hơn về mức độ nhận thức của cộng đồng người khuyết tật về các chính sách liên quan đến việc tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật và những hoạt động hỗ trợ liên quan đến giáo dục cho các gia đình có trẻ khuyết tật.

Thực hiện theo tiêu chuẩn đạo đức trong nghiên cứu

Chúng tôi đã thu thập phiếu chấp thuận của tất cả những người tham gia phỏng vấn. Bước đầu tiên, lãnh đạo trường xác định trẻ nào thích hợp để tham gia phỏng vấn. Sau đó, nghiên cứu viên hoặc trợ lý nghiên cứu tiếp cận các phụ huynh hoặc người giám hộ của các em này để giải thích về nghiên cứu và những hoạt động các em sẽ tham gia trong quá trình phỏng vấn. Tiếp theo, nghiên cứu viên hoặc trợ lý nghiên cứu lấy chấp thuận từ các em tham gia phỏng vấn. Nghiên cứu viên biết rõ những áp lực đang hoặc có thể xảy ra, những điều mà phụ huynh mong muốn ở con em họ, đồng thời nhấn mạnh với trẻ trong suốt

quá trình lấy chấp thuận rằng sẽ không có bất kỳ hệ quả tiêu cực nào nếu các em chọn cách không tham gia. Chúng tôi luôn lặp lại nội dung này trong suốt cuộc trò chuyện với mỗi trẻ.

Tất cả trợ lý nghiên cứu tại địa phương được tham gia tập huấn toàn diện trước khi bắt đầu bất kể chuyến thực địa nào kể cả các vấn đề nhạy cảm liên quan đến khuyết tật và trẻ em. Nội dung tập huấn tập trung vào các vấn đề khác biệt về năng lực có thể có (chẳng hạn giữa nghiên cứu viên người nước ngoài và thành viên tham gia nghiên cứu) nhất là trong suốt quá trình phỏng vấn cá nhân.

Nghiên cứu viên tham gia vào ‘thực hành phản thân’ để phân tích một cách có phê phán quy trình và việc thu thập dữ liệu nhằm phát hiện, thảo luận và giảm nhẹ những tổn thương có thể xảy ra ở cấp nhóm hoặc cá nhân.

Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng (thu thập qua phiếu khảo sát): Chúng tôi sử dụng phần mềm MS Excel để phân tích dữ liệu khảo sát một cách sinh động. Tất cả dữ liệu được đánh giá theo thang đo thứ bậc và thang đo danh nghĩa, do đó kết quả phân tích sẽ được trình bày theo tần suất và tỷ lệ phần trăm.

Dữ liệu định tính: Chúng tôi dùng phần mềm MS Excel để quản lý và sắp xếp dữ liệu. Chúng tôi áp dụng phân tích theo chủ đề bằng cách tạo các chủ đề chính và chủ đề phụ cho các nội dung về nhận thức, hành vi và thái độ về mức độ sẵn sàng cho việc giáo dục cho trẻ khuyết tật.



CÁC PHÁT HIỆN

Các phát hiện từ nghiên cứu này làm rõ những điểm mấu chốt trong hệ thống giáo dục giúp sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu của trẻ khuyết tật tại Việt Nam. Những điểm mấu chốt này bao gồm các nhân tố giúp trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động trong trường học, các chính sách quan trọng và thực tiễn trong việc giám sát chặt chẽ và hỗ trợ ngành giáo dục có thể giúp mở rộng cơ hội tiếp cận và nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật cả trai lẫn gái. Điều đáng lưu ý là Chính phủ Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc hỗ trợ giáo dục trong suốt 25 năm qua. Điều này được minh chứng bằng thành tựu đạt được về mục tiêu phát triển thiên niên kỷ trong ngành giáo dục và dễ nhận thấy sự có mặt của trẻ khuyết tật và trẻ em

dân tộc thiểu số tại các trường khảo sát thực địa. Từ đó, cần nỗ lực hơn nữa để mang các lợi ích đạt được từ mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến cho những trẻ em vẫn chưa được tiếp cận giáo dục và quyền được giáo dục của các em này chưa được thực hiện, chẳng hạn như trẻ khuyết tật.

Đối tượng tham gia phỏng vấn

Tổng cộng có 326 người tham gia phỏng vấn hoặc thảo luận nhóm tại Hà Nội, Kon Tum, Ninh Thuận và Điện Biên. Phụ lục A trình bày chi tiết thông tin nhân khẩu học của những người tham gia nghiên cứu thuộc mỗi nhóm ở tại mỗi tỉnh.

Bảng 1: Số người tham gia phỏng vấn và thảo luận nhóm theo địa phương

Tỉnh	Phỏng vấn các cá nhân chủ chốt	Thảo luận nhóm trọng tâm	Tham vấn tổ chức Phi chính phủ/Liên Hiệp Quốc
Hà Nội	4	1	1
Điện Biên	3	18	N/A
Kon Tum	5	15	N/A
Ninh Thuận	5	15	N/A
Tổng cộng	17	49	1

Về phần phiếu khảo sát, 87% (SL=368) lãnh đạo các trường của 7/8 tỉnh khảo sát đã điền vào phiếu khảo sát. Chúng tôi nhận được các câu trả lời trong phiếu khảo sát của tất cả các tỉnh thành lấy mẫu trừ Điện Biên. Đa số người tham gia khảo sát là nữ (62%), hiệu trưởng (66%) và đều có

bằng đại học. Người tham gia khảo sát có bề dày kinh nghiệm trong ngành giáo dục với trên 44% (SL= 164) có trên mười năm kinh nghiệm trong ngành. Đa số người tham gia khảo sát (51%) công tác tại trường tiểu học.

Bảng 2: Số học sinh tham gia khảo sát theo tỉnh và theo bậc học

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đông Tháp	Tổng cộng
Mầm non	19	27	5	20	25	14	18	128
Trung học cơ sở	8	10	3	7	8	7	7	50
Tiểu học	19	25	8	49	35	29	22	187
Không trả lời	0	0	0	2	1	0	0	3
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Phần bên dưới trình bày chi tiết các phát hiện sau nghiên cứu dựa trên việc nghiên cứu tài liệu và

khảo sát thực địa.

Hệ thống giáo dục Việt Nam

Hệ thống giáo dục Việt Nam có năm bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và giáo dục thường xuyên. Giáo dục mầm non bao gồm nhà trẻ (3 tuổi) và mẫu giáo (từ 3-5 tuổi); giáo dục phổ thông gồm có tiểu học (lớp 1-5); trung học cơ sở (lớp 6-9), và trung học phổ thông (lớp 10-12) với kỳ thi đầu vào và kỳ thi cuối cấp (UNICEF và Bộ GDĐT, 2013). Giáo dục nghề nghiệp hoặc Giáo dục kỹ thuật cũng là lựa chọn thay thế cho Giáo dục trung học phổ thông (UNICEF và Bộ GDĐT, 2013). Các trường tiểu học thường gồm có trường chính và các điểm lẻ. Hầu như (98%) các (điểm) trường chính đều dạy toàn cấp, từ lớp 1 đến lớp 5 còn ở các điểm lẻ thì chỉ có 77% dạy toàn cấp, từ lớp 1 đến lớp 5 (UNICEF và Bộ GDĐT, 2013).

Cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý bậc học mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở. Cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý bậc học trung học phổ thông. Bộ GDĐT biên soạn chương trình, xuất bản sách giáo khoa, và đề ra các nguyên tắc dạy học và tiêu chuẩn đánh giá. Các nguồn hỗ trợ công cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (bao gồm tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông) chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Hầu hết các trường học tại Việt Nam đều là trường công lập mặc dù số lượng các trường dân lập đang ngày càng tăng. Kể từ năm 1989, giáo dục tiểu học là miễn phí và giáo dục trung học có mức học phí hợp lý. Trường hợp miễn giảm học phí hoặc trợ cấp ăn trưa được áp dụng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn như trẻ khuyết tật, trẻ em học trong các trường dân tộc nội trú và bán trú, trẻ em thuộc các nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, trẻ em là con thương binh hoặc liệt sĩ, trẻ em ở vùng xa xôi hẻo lánh và trẻ em là con của các hộ nghèo.

Giáo dục hòa nhập tại Việt Nam

Kể từ đầu những năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành xây dựng các chính sách nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục, bao gồm kế hoạch quốc gia “Giáo dục Hòa nhập đến năm 2015” nhằm cung cấp giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ khuyết tật đến năm 2015 (ILO & Irish

Aid, 2013). Tuy nhiên, vẫn tồn tại một khoảng cách đáng kể trong việc tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật (USAID 2005, Le, Khuat và Nguyen - không đề ngày tháng - bài đăng năm 2006). Theo số liệu của đợt tổng Điều tra Dân số năm 2009, tại thời điểm tiến hành cuộc điều tra, chỉ có 66,5% trẻ khuyết tật ở độ tuổi học tiểu học được đi học so với 96,8% tỷ lệ nhập học trung bình của trẻ em cả nước; còn tỷ lệ biết chữ của người khuyết tật độ tuổi 15-24 là 69,1%, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ 97,1% của người không khuyết tật (UNFPA 2011). Nghiên cứu được tiến hành trong hơn mười năm qua chỉ ra rằng trẻ khuyết tật gặp rất nhiều rào cản trong việc tiếp cận giáo dục. Những rào cản này bao gồm (Rosenthal 2009, USAID 2005, Bộ LĐTBXH và UNICEF 2003, Bộ LĐTBXH và UNICEF 2011; Le, Khuat và Nguyen, không đề ngày tháng):

- Hoạt động triển khai, giám sát việc thi hành luật còn yếu kém do thiếu sự nhất quán và sự phối hợp giữa các bộ ngành về phương pháp thi hành các luật mới và các quy định mới của luật, bao gồm cách đáp ứng cam kết giáo dục hòa nhập;
- Hiểu biết của các bên liên quan khác nhau trong chính phủ và các bộ còn hạn chế về các tiêu chuẩn và pháp luật trong nước và quốc tế về khuyết tật;
- Chương trình giảng dạy còn thiếu linh hoạt để áp dụng hài hòa các chính sách vào thực tiễn;
- Rào cản về thái độ và định kiến của xã hội và giáo viên đối với trẻ khuyết tật do họ ít kỳ vọng vào tiềm năng của trẻ khuyết tật và khả năng học tập của các em;
- Thiếu nguồn lực từ khâu nhân sự được đào tạo cho đến các công nghệ cần thiết và ngân sách;
- Các rào cản trong tiếp cận về thể chất và tinh thần;
- Phụ huynh lo ngại rằng con em họ phải chịu thiệt thòi khi đến trường. Thực tế, cha mẹ của trẻ khuyết tật có vẻ thích mô hình giáo dục chuyên biệt hơn là giáo dục hòa nhập;
- Thiếu nhận thức về các cơ hội giáo dục và quyền của trẻ khuyết tật;

- Khoảng cách đi lại thường xuyên từ nhà đến trường;
- Gia đình nghèo và cha mẹ phải lo kiếm sống;
- Vấn đề bạo lực, ngược đãi, bắt nạt trên đường đến trường và trong môi trường học đường.

Chính sách và luật pháp Việt Nam liên quan đến trẻ khuyết tật

Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lý vững vàng để hỗ trợ hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Điều này được thể hiện qua nhiều hình thức bao hàm và biểu đạt về cam kết ở cấp quốc tế, khu vực và cấp địa phương trong nhiều công ước, tuyên bố và khuôn khổ khác nhau. Việt Nam đã ký tham gia Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) ngày 22/10/2007 và đã thông qua Công ước này vào tháng 11 năm 2014. Việc phê chuẩn công ước này là bước đi cần thiết để hoàn thành thủ tục đưa Việt Nam trở thành nước thành viên của Công ước với đầy đủ quyền và nghĩa vụ để thực hiện Công ước này. Chính phủ Việt Nam cũng cam kết triển khai Khung Hành động Thiên niên kỷ Biwako hướng tới một Xã hội Hòa nhập, không rào cản, vì Quyền của Người khuyết tật tại Châu Á – Thái Bình Dương, giai đoạn 2003-2012. Mặc dù Khung Hành động Thiên niên kỷ Biwako (BMF) không ràng buộc về mặt pháp lý nhưng nó đã cho thấy sự cam kết đạo đức trong việc nâng cao quyền của người khuyết tật. Nó đưa ra các khuyến nghị về chính sách cho chính phủ và các bên liên quan tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về việc giải quyết các vấn đề và xây dựng kế hoạch hành động vì một xã hội hòa nhập. Việt Nam cũng đã ký kết Tuyên bố cấp Bộ trưởng về Thập kỷ của Người khuyết tật khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (2013-2022) và Chiến lược Incheon để “Hiện thực hóa quyền” cho Người khuyết tật tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Chiến lược Incheon đã đưa ra cho khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và thế giới những mục tiêu đầu tiên đã được toàn khu vực thông qua là những mục tiêu phát triển hòa nhập cho người khuyết tật.

Ở cấp quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm hỗ trợ quyền của người khuyết tật và trẻ khuyết tật, bao gồm việc tiếp cận và triển khai hệ thống giáo dục hòa nhập. Những văn bản pháp luật này gồm có: Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em (2004); luật này hiện đang được sửa đổi bổ sung và dự kiến trình Quốc Hội thông qua trong năm 2015, Luật giáo dục (2005), đã được sửa đổi vào năm 2009 và gần đây là Luật người khuyết tật được thông qua vào tháng 6 năm 2010 và bắt đầu có hiệu lực từ 1 tháng 1 năm 2011. Việc thông qua Luật người khuyết tật và Nghị định hướng dẫn thi hành luật này đã dẫn đến việc ban hành một số thông tư liên tịch do nhiều bộ chịu trách nhiệm đã góp phần hỗ trợ mạnh hơn nữa quyền của trẻ khuyết tật và khả năng tiếp cận giáo dục hòa nhập.

Nhằm đẩy mạnh việc thực hiện giáo dục hòa nhập, Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định 23 (2006) là văn bản chính thức của Chính phủ Việt Nam quy định về giáo dục hòa nhập có hiệu lực từ năm 2006. Quyết định số 23 nêu rõ người khuyết tật được (1) được hưởng quyền giáo dục trên cơ sở bình đẳng như mọi người và (2) học văn hóa, học nghề, phục hồi chức năng và phát triển tiềm năng để hòa nhập vào cộng đồng tốt hơn. Ngoài ra, Quyết định số 9 (2007) quy định việc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục để họ có những kỹ năng cần thiết cho giáo dục hòa nhập.

Trong hai năm qua, Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH và Bộ TC cũng đã ban hành hai thông tư quan trọng là: (i) Thông tư Liên tịch số 58 (2012) quy định việc thành lập và điều hành Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập; và (ii) Thông tư Liên tịch số 42 (2013) quy định các chính sách giáo dục cho người khuyết tật (có hiệu lực từ tháng 3/2014). Thông tư Liên tịch số 58 chỉ đạo việc thành lập và hoạt động các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tại Việt Nam. Một khi được thành lập, các trung tâm này sẽ cung cấp các nguồn hỗ trợ cần thiết như hỗ trợ chương trình cho giáo viên, chương trình phát hiện sớm và hỗ trợ phụ huynh học sinh. Khi đi vào hoạt động, các trung tâm này sẽ giúp Việt Nam có một hệ thống giáo dục hòa nhập kết nối các phụ huynh với giáo viên và chuyên gia y tế. Thông tư Liên tịch số 42 (2013) là một chính

sách quan trọng vừa được ban hành, đóng vai trò chỉ đạo việc nhập học, tuyển sinh, miễn giảm học phí và một phần nội dung chương trình và cho phép các trường yêu cầu nguồn kinh phí để hỗ trợ hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.

Ủy ban điều phối quốc gia về khuyết tật có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Luật người khuyết tật với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đóng vai trò chủ đạo. Bộ LĐTBXH, Bộ GDĐT, Bộ YT và

Bộ TC là các cơ quan chuyên trách thực hiện các chính sách về phát hiện, bảo vệ và giáo dục trẻ khuyết tật tại Việt Nam ở cấp quốc gia. Các bộ này sẽ phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành tương ứng tại cấp tỉnh, huyện và xã nhằm đảm bảo việc thực hiện các văn bản pháp luật và các chính sách về giáo dục.

Bảng bên dưới mô tả khái quát về các văn bản luật và các chính sách liên quan đến quyền của trẻ khuyết tật và việc tiếp cận giáo dục tại Việt Nam.

Bảng 3: Danh mục các văn bản luật và chính sách liên quan đến vấn đề khuyết tật và việc tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật tại Việt Nam.

Tên văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
UNCRPD	Tháng 11, 2014	Quốc hội thông qua	Việc thông qua Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người Khuyết tật (UNCRPD) chứng tỏ cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc bảo vệ quyền của người khuyết tật ở mọi lứa tuổi.
Thông tư Liên tịch số 42	2013	Bộ GDĐT, Bộ TC và Bộ LĐTBXH	Ban hành hướng dẫn về việc nhập học, tuyển sinh, miễn giảm học phí và một phần nội dung chương trình và cho phép các trường yêu cầu nguồn kinh phí để hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.
Quyết định số 136, 13 và 67	2013, 2010, 2007	Bộ LĐTBXH	Trẻ khuyết tật nặng có giấy xác nhận của y tế sẽ được nhận trợ cấp. Quy định mức trợ cấp hàng tháng và cấp thẻ bảo hiểm y tế.
Thông tư Liên tịch số 58	2012	Bộ GDĐT và Bộ LĐTBXH	Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại và giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.
Thông tư số 50	2012	Bộ GDĐT	Sửa đổi, bổ sung quy định về việc nâng độ tuổi học lớp 1 cho trẻ khuyết tật từ 6 tuổi lên 14 tuổi.
Thông tư Liên tịch số 37	2012	Bộ GDĐT, Bộ TC, Bộ YT và Bộ LĐTBXH	Danh mục các dạng khuyết tật khác nhau liên quan đến hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp tỉnh/huyện/xã.
Thông tư Liên tịch số 34	2012	Bộ YT và Bộ LĐTBXH	Quy định hoạt động của Hội đồng Giám định Y khoa để kiểm tra mức độ khuyết tật.
Nghị định số 28	2012	Chính phủ	Hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật.
Luật Người khuyết tật	2010	Quốc Hội	Đảm bảo chăm sóc và phúc lợi cho người khuyết tật và đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội giáo dục đầy đủ cho mọi công dân.
Quyết định số 49	2007	Bộ GDĐT	BAN HÀNH chương trình BỒI DƯỠNG giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phụ trách mảng giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.
Quyết định số 9	2007	Bộ GDĐT	Quy định tất cả giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phải có những kỹ năng cần thiết để cung cấp GDHN.
Tên văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
Quyết định số 23	2006	Bộ GDĐT	Về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật; tuyên bố người khuyết tật được tiếp cận giáo dục phổ thông trên cơ sở bình đẳng như những người khác để hòa nhập tốt hơn với cộng đồng.

Luật Giáo dục	2005	Quốc Hội	Nêu rõ giáo dục cơ sở cho mọi công dân (từ tiểu học lên trung học cơ sở) và ưu tiên phân bổ nguồn lực (như giáo viên, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và ngân sách) cho các trường, lớp dạy học sinh khuyết tật.
Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em	2004 (đang được sửa đổi, bổ sung)	Quốc Hội	Quy định các quyền của trẻ em về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. UNICEF đang vận động để đưa quyền của trẻ khuyết tật vào luật sửa đổi cùng với việc thay đổi độ tuổi của trẻ em lên dưới 18 thay vì 16 tuổi theo tiêu chuẩn quốc tế và một số thay đổi khác để phù hợp với Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ em và để giải quyết các thách thức đang nảy sinh.
Điều 50 trong Hiến pháp Việt Nam	1992	Quốc hội	Đảm bảo các quyền về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội cho tất cả công dân Việt Nam. Nhà nước đảm bảo hỗ trợ cho người khuyết tật, người già và trẻ mồ côi.
Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học	1991	Quốc Hội	Quy định giáo dục tiểu học từ lớp 1-6 là hình thức bắt buộc đối với mọi trẻ em trong độ tuổi từ 6 - 14.
Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ em (UNCRC)	1990	Quốc hội	Việc Chính phủ Việt Nam phê chuẩn Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ em (UNCRC) cho thấy cam kết của Chính phủ trong việc đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em bao gồm: quyền sống; quyền được phát triển tiềm năng; quyền được bảo vệ khỏi ảnh hưởng xấu, không bị lạm dụng và bóc lột; và quyền được tham gia đầy đủ vào cuộc sống gia đình, văn hóa và xã hội.

Nhằm hỗ trợ các bộ ngành để có thể theo sát các quy định liên quan và các quyền được quy định trong Luật người khuyết tật, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Giấy xác nhận Khuyết tật cho trẻ em và người khuyết tật. Bộ YT và Bộ LĐTBXH là hai cơ quan đóng vai trò chủ chốt trong việc thực hiện các chính sách liên quan đến công tác phát hiện người khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật. Để lấy được giấy xác nhận khuyết tật, đối tượng cần nộp đơn xin giám định tình trạng khuyết tật cho Hội đồng Giám định Y khoa thuộc Bộ Y tế hoặc Hội đồng Xác định Mức độ Khuyết tật (Hội đồng, thường được hiểu là Hội đồng cấp xã). Có một số nghị định và thông tư liên quan đến quy trình xác định, cấp phát, cấp lại và sử dụng giấy xác nhận khuyết tật như Thông tư Liên tịch số 37 và 34. Hội đồng cấp xã do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã hoặc phường thành lập gồm các đại diện của các đoàn thể quần chúng khác nhau như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ theo quy định của luật. Tuy nhiên, Hội đồng này chưa có thành viên là đại diện của Sở GDĐT hay Phòng GDĐT, mặc dù Bộ GDĐT tham gia công tác xây dựng và ban hành một số thông tư liên tịch liên quan đến giấy xác nhận khuyết tật (như Thông tư liên tịch số 37).

Việc Chính phủ Việt Nam sử dụng các thông tư

liên tịch là điểm đáng lưu ý vì các thông tư này ban hành hướng dẫn cho các cơ quan chính phủ, nêu bật hoạt động phối hợp liên ngành và tầm quan trọng của một vấn đề cụ thể. Đó là những thông tư như Thông tư liên tịch số 37, 42 và 58 quy định lần lượt về các dạng khuyết tật khác nhau; ban hành hướng dẫn nhập học cho trẻ khuyết tật; và quy định việc xây dựng các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (tại tất cả các tỉnh). Những thông tư này giúp tăng cường các chính sách và chiến lược hiện hành như Chiến lược Giáo dục cho Trẻ khuyết tật và Kế hoạch Hành động Giai đoạn 2007 – 2010 và Kế hoạch Hành độ Quốc gia Giáo dục cho Mọi người Giai đoạn 2003 – 2015.

Cần phải lưu ý rằng mặc dù Luật Người khuyết tật định nghĩa người khuyết tật "là những người có khiếm khuyết về thể chất, thần kinh, trí tuệ và giác quan, được biểu hiện dưới nhiều dạng khuyết tật khác nhau và khi tương tác với các rào cản xã hội, nếu thiếu các điều kiện hỗ trợ phù hợp, họ sẽ gặp khó khăn trong việc tham gia một cách công bằng vào các hoạt động xã hội" nhưng Hội đồng Giám định Y khoa khi thực hiện Thông tư Liên tịch số 34 và Hội đồng cấp xã tuân thủ theo mô hình xác định khuyết tật giới hạn không có các quy trình chuẩn hóa để phát hiện nhiều

dạng tật ẩn giấu khó nhận biết như khó khăn trong học tập, kể cả chưa có những tiêu chuẩn rõ ràng về việc thay đổi bản chất khuyết tật, ít nhất là theo nhận định của gia đình và phụ huynh trẻ khuyết tật (vấn đề này sẽ được tiếp tục thảo luận trong phần Sự sẵn sàng của trẻ khuyết tật trong việc đi học). Việc này đã khiến nhiều trẻ khuyết tật không được xác nhận là có khuyết tật và không được cấp giấy xác nhận khuyết tật.

Kết quả của các cuộc thảo luận nhóm trọng tâm, phỏng vấn các cá nhân chủ chốt và phiếu khảo sát cho thấy rằng, mặc dù đã có nhiều chính sách đáng lưu ý song hiểu biết của nhiều bên liên quan về giá trị của các chính sách quan trọng này vẫn còn hạn chế. Đơn cử, nhiều cán bộ ngành giáo dục (như giáo viên, cán bộ quản lý trường, lãnh đạo huyện và ngành giáo dục) chưa biết các chính sách liên quan đến GDHN và việc sử dụng và lợi ích của Giấy Xác nhận Khuyết tật. Việc thi hành các chính sách này là một thách thức do thiếu nguồn lực và sẽ được trình bày trong phần về Mức độ sẵn sàng của các tỉnh. Bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách này vẫn còn là một thách thức một phần bắt nguồn từ việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách trong cơ cấu giáo dục hiện tại. Các tỉnh chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho công tác thực hiện các chính sách và thông tư do Chính phủ ban hành. Các tỉnh và các huyện, và một phần là các trường hoàn toàn được tự do làm theo ý mình trong việc xác định ưu tiên và phân bổ nguồn lực cho việc thực hiện các chính sách này. Điển hình là mỗi khi chính phủ ban hành thông tư mới, các tỉnh lại không được nhận thêm nguồn lực. Điều này càng gây thêm áp lực cho nguồn ngân sách giáo dục vốn đã hạn hẹp của địa phương. Vấn đề này liên quan đáng kể đến mức độ hiểu biết về các chính sách và thông tư then chốt giúp thay đổi cuộc sống của trẻ khuyết tật và tính khả thi trong việc thực hiện giáo dục hòa nhập tại Việt Nam. Trong 3 tỉnh khi chúng tôi đi khảo sát thực địa, Điện Biên là tỉnh duy nhất ban hành hướng dẫn và ngân sách mẫu cho việc phân bổ nguồn kinh phí cho các huyện theo Thông tư Liên tịch số 42. Xin lưu ý rằng Thông tư Liên tịch số 42 được ban hành vào tháng 3 năm 2014 và các tỉnh khác cũng hoàn toàn có thể kịp thời ban hành hướng dẫn và chỉ đạo các huyện thực hiện thông tư này. Chính sách và quy trình

phát hiện và xác nhận mức độ khuyết tật của trẻ càng khiến cho việc thực hiện các thông tư then chốt như Thông tư Liên tịch số 42 và 136 trở nên phức tạp hơn khi người dân chưa hiểu biết nhiều về ý nghĩa của những thông tư này.

Thực hành tốt: Tỉnh Điện Biên

Trong vòng một tháng sau khi Thông tư Liên tịch số 42 được ban hành, Sở GDĐT đã ra văn bản hướng dẫn về việc phân bổ ngân sách và thi hành Thông tư Liên tịch số 42 cho tất cả các huyện và các trường trong toàn tỉnh. Việc làm này đã nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục hòa nhập và trẻ khuyết tật, đặc biệt là đã ban hành hướng dẫn cần thiết cho các huyện, thị xã, thành phố và trường học về cách thực hiện chính sách giáo dục hòa nhập trong toàn tỉnh.

Kế hoạch hành động quốc gia và các dự án về khuyết tật

Ngoài việc chọn ngày 18/4 là Ngày Người khuyết tật Việt Nam, dịp để nâng cao nhận thức về người khuyết tật hàng năm trong phạm vi cả nước, Chính phủ Việt Nam còn tiến hành một số sáng kiến thông qua việc xây dựng nhiều chiến lược quốc gia tác động đến cuộc sống của các bé trai và bé gái khuyết tật và khả năng các em có thể tiếp cận giáo dục. Các kế hoạch và dự án gần đây bao gồm:

- Kế hoạch quốc gia “Giáo dục Hòa nhập đến năm 2015” nhằm hoàn thành việc cung cấp giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ khuyết tật đến năm 2015;
- Đề án Trợ giúp Người khuyết tật (Giai đoạn 2012-2020) được phê duyệt theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/8/2012 hướng đến mục tiêu 60% trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục đến năm 2015 và 70% đến năm 2020;
- Chiến lược Phát triển Giáo dục 2011-2020

- Kế hoạch quốc gia về chăm sóc trẻ mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ bị bỏ rơi, trẻ khuyết tật nặng, trẻ là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2020;
- Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 2011-2010 và Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 2011-2015.

Hỗ trợ của UNICEF Việt Nam trong các sáng kiến và chiến lược giáo dục hòa nhập

Ngoài những chính sách, chiến lược và chương trình quốc gia tại Việt Nam, còn có một số tổ chức phi chính phủ trong nước (NGOs) và quốc tế (INGOs) hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức độc lập hoặc hợp tác với chính phủ nhằm hỗ trợ quyền của người khuyết tật và trẻ khuyết tật và việc tiếp cận GDHN. Phụ lục E tổng hợp danh sách các NGOs và INGOs khác nhau (và các hoạt động của họ tại Việt Nam) đã tham gia cuộc thảo luận nhóm trọng tâm được tổ chức tại Hà Nội trong thời gian chúng tôi thực hiện chuyển nghiên cứu thực địa. Trong số các tổ chức này, UNICEF đóng vai trò chính trong việc hỗ trợ phát triển và xây dựng chương trình giáo dục hòa nhập của Chính phủ Việt Nam.

UNICEF đã và đang đóng vai trò là nhà hoạt động quan trọng trong việc hỗ trợ, giáo dục và vận động chính sách cho Bộ GDĐT nhằm cung cấp giáo dục chất lượng cho những trẻ em thiệt thòi (trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ khuyết tật, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ bỏ học hoặc trẻ chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu). Việc ban hành hai thông tư liên tịch chính là ví dụ điển hình về sự đóng góp của UNICEF. Hai thông tư này lần lượt quy định việc thành lập và hoạt động của các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật cấp tỉnh/thành phố (2012) và ban hành các chính sách giáo dục cho người khuyết tật (2013). Bên cạnh đó, UNICEF còn hỗ trợ điều phối hoạt động liên ngành giữa Bộ GDĐT và các bộ ngành liên quan khác thông qua hàng loạt quy trình tham vấn với sự đại diện của người khuyết tật; đồng thời hỗ trợ các hoạt động giám sát việc thực hiện

Luật Người khuyết tật ở cấp địa phương và các phát hiện của những cuộc giám sát được sử dụng để cung cấp thông tin cho các thông tư liên tịch ban hành sau đó. Hy vọng rằng, những thông tư này sẽ tăng cường công tác hướng dẫn cho các nhà chức trách địa phương và những người triển khai các thông tư trong việc thực hiện giáo dục chất lượng cho người khuyết tật và sẽ có ít nhất 1.3 triệu trẻ khuyết tật tại Việt Nam được hưởng lợi từ những thông tư này.

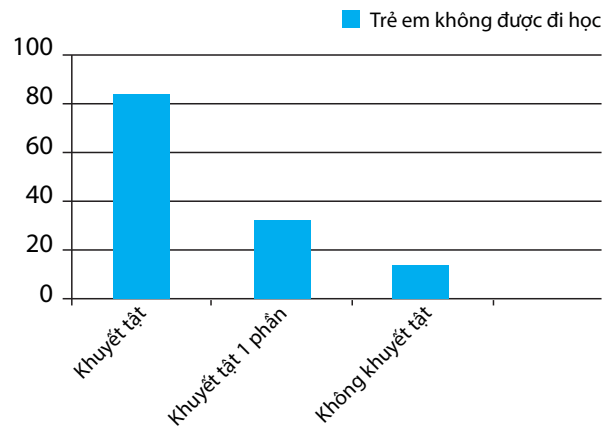
Để nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên khi làm việc với trẻ khuyết tật trong các trường học thông thường, UNICEF cũng đang tham gia hỗ trợ Bộ GDĐT hoàn thiện chương trình tập huấn cho giáo viên đang đứng lớp và chương trình đào tạo cho sinh viên các trường sư phạm, chuẩn hóa và thể chế hóa tài liệu tập huấn, đào tạo và bộ công cụ sàng lọc để phục vụ cho chương trình can thiệp giáo dục sớm cho trẻ khuyết tật. Các mô-đun dùng để giảng dạy trong các trường sư phạm về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật đã được biên soạn và đang được sử dụng tại các trường cao đẳng sư phạm của tỉnh Ninh Thuận và Kon Tum.

Là một phần nằm trong chiến lược tăng cường truyền thông vì sự phát triển ở cả cấp quốc gia và cấp địa phương, UNICEF đang hỗ trợ những nỗ lực của Bộ GDĐT trong việc giảm kỳ thị, phân biệt đối xử và thúc đẩy sự tham gia của trẻ khuyết tật. UNICEF thúc đẩy việc đưa vấn đề khuyết tật vào chương trình quản lý giảm nhẹ rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu tại trường học trong tất cả các giai đoạn bao gồm trước, trong và sau khi xảy ra các tình trạng khẩn cấp.

Sơ lược về trẻ khuyết tật tại Việt Nam

Cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc đảm bảo quyền của trẻ khuyết tật đã được nêu rõ trong các chính sách, văn bản pháp luật và các sáng kiến ở trên. Đáng tiếc là khá ít người biết đến các vấn đề liên quan đến trẻ khuyết tật tại Việt Nam. Các dữ liệu thu thập được về trẻ khuyết tật thường là dữ liệu nằm trong một nghiên cứu quy mô hơn về trẻ em dễ bị tổn thương và những dữ liệu này thường không được phân loại. Ngoài ra, các ngành khác nhau (giáo dục, y tế, lao động - thương binh và xã hội, v.v.) thường có các nguồn dữ liệu khác nhau tùy mục đích can thiệp và những định nghĩa/hiểu biết về người khuyết tật cũng khác nhau. *Việc nghiên cứu tài liệu cho thấy, hầu như các số liệu thống kê mới nhất liên quan đến trẻ khuyết tật ở cấp quốc gia đều được lấy từ cuộc Điều tra Dân số năm 2009.* Tại thời điểm tiến hành điều tra dân số, có khoảng 14,3 triệu trẻ em trong độ tuổi từ 5-14 tại Việt Nam, trong đó ước tính có khoảng 1,3 triệu trẻ khuyết tật (UNICEF và Bộ GDĐT năm 2013). Khoảng 25% trẻ em tại Việt Nam sống ở khu vực thành thị và hơn 80% trẻ thuộc các gia đình dân tộc Kinh (UNICEF và Bộ GDĐT, 2013). *Trong tổng số 14,3 triệu trẻ em đó, có 87,8% trẻ ở độ tuổi 5 tuổi, 96,3% trẻ trong độ tuổi từ 6 – 10 tuổi và 88,8% trẻ trong độ tuổi từ 11 – 14 tuổi nhập học, trong khi trong con số ước tính 1,3 triệu trẻ khuyết tật tại Việt Nam, chỉ có tổng cộng khoảng 66,5% nhập học* (UNICEF và Bộ GDĐT, 2013). Cuộc Điều tra Dân số năm 2009 chia khuyết tật thành bốn loại: thị giác, thính giác, vận động (đi lại) và nhận thức (khả năng học hoặc hiểu). Thành viên gia đình có trẻ từ 5 tuổi trở lên được mời tham gia trả lời các câu hỏi liên quan đến khuyết tật. Các câu trả lời là câu tự đánh giá và được phân thành bốn loại: “Không gặp khó khăn”, “Gặp ít khó khăn”, “Gặp nhiều khó khăn” và “Không có khả năng”.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ trẻ em ngoài trường tại Việt Nam



Theo đó, một người được xác định là “Khuyết tật toàn phần” nếu người đó rơi vào ít nhất một trong bốn loại khuyết tật được đề cập ở trên và được xác định là “Không có khả năng”; một người được xem là “Khuyết tật một phần” nếu người đó nói rằng mình gặp “ít và/hoặc rất khó khăn” khi sử dụng bất kỳ chức năng nào trong bốn chức năng nêu trên, và được xem là “Không khuyết tật” nếu người đó “Không gặp khó khăn” trong việc sử dụng bất kỳ chức năng nào trong bốn chức năng nêu trên. Theo kết quả báo cáo của UNICEF-Bộ GDĐT (năm 2013) về ‘Trẻ em ngoài nhà trường’ dựa vào Cuộc Điều tra Dân số năm 2009, tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường trong nhóm trẻ khuyết tật toàn phần và khuyết tật một phần ở mức rất cao, lần lượt là 83,11% và 30,62% so với trẻ không khuyết tật ở mức 11,84%.

Các bảng dưới đây đưa ra những dữ liệu cụ thể về khuyết tật theo báo cáo về “Trẻ Em Ngoài Nhà Trường” của UNICEF và Bộ GDĐT năm 2013. Ngoài ra, Phụ lục B cũng trình bày bảng phân bố dân số khuyết tật theo độ tuổi tại 8 tỉnh địa bàn dự án của UNICEF.

Bảng 4: Phân bố dân số trẻ em trong độ tuổi đến trường theo tình trạng khuyết tật (UNICEF và Bộ GDĐT năm 2013)

Nhóm tuổi		5 tuổi	6-10 tuổi	11-14 tuổi
Tình trạng khuyết tật	Khuyết tật toàn phần	0,16	0,19	0,24
	Khuyết tật một phần	1,25	1,23	1,61
	Không khuyết tật	98,58	98,58	98,15

Bảng 5: Phân bố dân số trong tỉnh tại 8 tỉnh địa bàn dự án của UNICEF theo tình trạng khuyết tật (UNICEF và Bộ GDĐT năm 2013)

Khu vực địa lý		Việt Nam	Lào Cai	Điện Biên	Ninh Thuận	Kon Tum	Gia Lai	TP. HCM	Đồng Tháp	An Giang
Phân bố dân số trong địa bàn		100,00	0,91	0,80	0,84	0,70	2,10	6,25	1,94	2,47
Tình trạng khuyết tật	Khuyết tật toàn phần	0,21	0,16	0,13	0,22	0,25	0,26	0,15	0,14	0,18
	Khuyết tật một phần	1,40	1,85	1,62	1,43	1,71	1,13	1,87	0,93	0,59
	Không khuyết tật	98,40	97,99	98,26	98,34	98,04	98,61	97,98	98,93	99,23

Bảng 6: Tỷ lệ học sinh ngoài nhà trường ở tiểu học và trung học cơ sở tại 8 tỉnh địa bàn dự án của UNICEF (UNICEF và Bộ GDĐT năm 2013)

Khu vực địa lý		Việt Nam	Lào Cai	Điện Biên	Ninh Thuận	Kon Tum	Gia Lai	Tp. HCM	Đồng Tháp	An Giang	
Cấp tiểu học	Tình trạng khuyết tật	Khuyết tật toàn phần	87,10	95,55	84,64	97,40	100,00	86,14	80,90	89,08	89,51
		Khuyết tật một phần	23,81	22,81	29,18	25,69	30,72	35,72	16,13	32,71	47,37
		Không khuyết tật	3,56	9,25	15,42	7,71	5,11	11,97	2,03	4,18	7,16
Cấp trung học cơ sở	Tình trạng khuyết tật	Khuyết tật toàn phần	91,4	95,04	70,89	100	90,49	98,05	92,14	91,18	97,34
		Khuyết tật một phần	31,01	36,02	42,73	38,02	42,50	48,86	16,82	43,43	56,83
		Không khuyết tật	10,65	16,91	24,43	23,11	15,25	22,07	9,60	19,02	26,65

Dữ liệu thu thập được về nhân khẩu học của trẻ khuyết tật và gia đình các em trong nghiên cứu này tương ứng với dữ liệu được tổng hợp từ việc nghiên cứu tài liệu ở trên. Như chúng tôi đã đề cập trước đó, nội dung chi tiết về thông tin nhân khẩu học của các đối tượng tham gia nghiên cứu tại tất cả các tỉnh được trình bày trong Phụ lục A.

Trong suốt chuyến khảo sát thực địa, Sở GDĐT của Kon Tum và Ninh Thuận đã cung cấp các số liệu thống kê mà họ thu thập được vào đầu năm học 2013 – 2014 trong chương trình mở rộng của các sở. Những dữ liệu này được trình bày chi tiết trong Phụ lục B. Dưới đây là các phát hiện chính từ chuyến khảo sát thực địa tại 3 tỉnh.

Tỉnh Kon Tum

Theo báo cáo hàng năm cho năm học 2013 – 2014 của Sở GDĐT Tỉnh Kon Tum, toàn tỉnh có 2.039 trẻ khuyết tật. Qua chương trình mở rộng tại cộng đồng, có tổng cộng 1.155 học sinh khuyết tật được hỗ trợ và vận động đi học hòa nhập với 207/297 trẻ khuyết tật ở bậc mầm non (tỷ lệ trẻ vận động được là 69,7%); 727/931 học sinh khuyết tật trong độ tuổi tiểu học (tỷ lệ trẻ vận động được là 78%) và 221/801 học sinh khuyết tật trong độ tuổi trung học cơ sở (tỷ lệ vận động được là 27,3%) (Sở GDĐT Tỉnh Kon Tum, 2014). Trong số các bé trai và bé gái khuyết tật đang đi học, khuyết tật trí tuệ được xác định là dạng khuyết tật phổ biến nhất chiếm 37% trẻ học bậc mầm non, 74% ở bậc tiểu học và 60% ở bậc trung học cơ sở. Xếp sau khuyết tật trí tuệ là khuyết tật thể chất, đa tật hoặc các dạng khuyết tật khác. Trong số các bé trai và bé gái không đi học, ở bậc mầm non, đa tật chiếm đa số, tiếp sau đó là khuyết tật thể chất, còn ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, khuyết tật trí tuệ chiếm đa số, tiếp sau đó là đa tật. Trẻ em dân tộc thiểu số bị khuyết tật chiếm tỷ lệ cao hơn ở tất cả các bậc học. Dữ liệu do Sở GDĐT tỉnh Kon Tum cung cấp cho thấy đây là nguồn dữ liệu mới cập nhật và phân loại chi tiết thông tin về trẻ khuyết tật theo giới tính, dân tộc, dạng khuyết tật và địa điểm.

Quá trình tham vấn với Sở GDĐT tỉnh Kon Tum cho thấy từ tháng 6/2012, với sự hỗ trợ của UNICEF, Sở GDĐT đã biên soạn và triển khai mô-đun đào tạo giáo viên tiểu học về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh. Nỗ lực này nêu bật cam kết của Sở GDĐT Kon Tum trong việc nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ khuyết tật theo hướng bền vững hơn.

Kon Tum cũng có một Trung tâm Bảo trợ Trẻ em tại thành phố. Trung tâm này là mái ấm nuôi dưỡng các bé trai và bé gái khuyết tật và trẻ mồ côi. Theo giám đốc trung tâm, trong tổng số 94 trẻ khuyết tật tại đây, họ phát hiện có 49 bé trai và bé gái có khả năng học và tiếp thu kiến thức từ các giáo viên ở một trường tại địa phương, hàng ngày họ đến trung tâm để dạy các em học. Trung tâm này không cung cấp cho nhóm nghiên cứu bất kỳ chi tiết nào về phương pháp đánh giá

mà họ sử dụng để đánh giá khả năng học tập và dạng khuyết tật của các bé trai và bé gái ở đây.

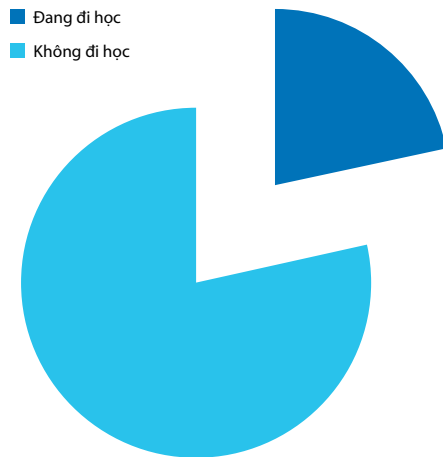
Trung tâm Bảo trợ Xã hội này hoạt động dưới sự bảo trợ của Sở LĐTBXH còn việc dạy học cho các em ở đây là do các giáo viên địa phương phụ trách dưới sự quản lý chỉ đạo của Sở GDĐT. Mặc dù sự hợp tác giữa ngành giáo dục và ngành LĐTBXH đóng vai trò then chốt trong việc giúp các em khuyết tật tiếp cận giáo dục trong trường hợp những em này không thể tham gia hệ thống giáo dục chính quy thì mục tiêu tối cao vẫn nên là để các em trong trung tâm bảo trợ này được tham gia và hòa nhập trong môi trường học đường chính quy. Thực tế, qua trò chuyện thân mật của các trợ lý nghiên cứu của Viethope với một số trẻ em tại cơ sở này cho thấy, những trẻ này muốn được ra ngoài tương tác nhiều hơn với mọi người trong cộng đồng và nhiều em tâm sự là rất nhớ nhà. Một trong những giá trị cốt lõi của môi trường và xã hội hòa nhập là việc tương tác giữa các cá nhân với các thành viên trong xã hội. Trong khi cung cấp giáo dục ngay tại các trung tâm này đóng vai trò quan trọng thì lại lấy đi của các em sống trong những trung tâm này, và thực sự lấy đi của xã hội một môi trường hòa nhập và phong phú hơn, và điều này càng làm tăng sự cách biệt.

Tỉnh Ninh Thuận

Tại tỉnh Ninh Thuận, dữ liệu do Sở GDĐT cung cấp cho thấy trong tổng số 579 trẻ khuyết tật của tỉnh, chỉ có 125 em (21,6%) đang đi học. Khuyết tật trí tuệ là dạng khuyết tật phổ biến nhất ở mọi độ tuổi trẻ đang đi học trong tỉnh. Theo báo cáo này, có 14 trong tổng số 54 trường học tại Ninh Thuận cung cấp GDHN.

Tương tự tỉnh Kon Tum, với sự trợ giúp của UNICEF, từ năm 2012, Sở GDĐT tỉnh Ninh Thuận cũng đã biên soạn và triển khai mô-đun đào tạo giáo viên tiểu học về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật tại các trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh. Ngoài ra, với sự trợ giúp của UNICEF, năm 2013,

Biểu đồ 2: Tỷ lệ trẻ khuyết tật đang đi học tại tỉnh Ninh Thuận



Sở GDĐT tỉnh đã tiến hành khảo sát hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật nhằm đưa ra bằng chứng về các rào cản đối với giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong tỉnh để trình lên Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBNDT) nhằm vận động để thành lập một Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập tỉnh dành cho Người khuyết tật (viết gọn là Trung tâm Hỗ trợ). Nhờ đó, UBNDT đã ban hành văn bản hướng dẫn Sở GDĐT và các cơ quan có liên quan để nhanh chóng thành lập Trung tâm Hỗ trợ với sự phối hợp của các ngành khác và cơ quan cấp huyện trong tỉnh. Mọi công tác chuẩn bị đang được tiến hành để thành lập Trung tâm vào cuối năm 2

Thực hành tốt: Tỉnh Ninh Thuận

Năm 2013, với sự trợ giúp của UNICEF, Sở GDĐT tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành khảo sát hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật nhằm đưa ra bằng chứng về các rào cản đối với giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trong tỉnh để trình lên UBNDT nhằm vận động để thành lập một Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập tỉnh dành cho Người khuyết tật. Nhờ đó, UBNDT đã ban hành văn bản hướng dẫn Sở GDĐT và các cơ quan có liên quan để nhanh chóng thành lập Trung tâm Hỗ trợ với sự phối hợp của các ngành khác và cơ quan cấp huyện trong tỉnh. Mọi công tác chuẩn bị đang được tiến hành để thành lập Trung tâm vào cuối năm 2015.

Tỉnh Điện Biên

Như đã đề cập trong phần các hạn chế của nghiên cứu, dữ liệu của Sở GDĐT Tỉnh Điện Biên đã bị thất lạc khi gửi qua bưu điện. Vì vậy, UNICEF và các nghiên cứu viên không nhận được dữ liệu nên không tổng hợp được kết quả khảo sát cho tỉnh Điện Biên.



Hình 1: Một em học sinh bế một em khuyết tật vào lớp sau buổi phỏng vấn

Sự sẵn sàng của hệ thống trường học trong việc cung cấp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

Hòa nhập của trẻ khuyết tật tại trường học

Tổng cộng có 81% người tham gia khảo sát cho biết có trẻ khuyết tật đang theo học tại trường của họ và 32% nói rằng trường đã nỗ lực cho tất cả trẻ khuyết tật thuộc nhiều dạng khác nhau được nhập học. Như trình bày trong Bảng 7, Thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học cao nhất (96%) và thấp nhất là ở An Giang (54%).

Bảng 7: Số trẻ khuyết tật đi học phân theo tỉnh

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đồng Tháp	Tổng cộng
Có	25	51	6	75	56	46	34	293
Không	20	11	10	0	10	4	13	68
Không biết	0	0	0	0	0	0	0	0
Không trả lời	1	0	0	3	3	0	0	7
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Vì đa số các trường (79%) không thu thập và phân loại dữ liệu một cách có hệ thống về các trẻ gặp các khó khăn khác nhau (như nghe, nhìn, giao tiếp, học, cảm xúc – xã hội và vận động), do đó không có sẵn số liệu đáng tin cậy về số lượng trẻ phân loại theo từng dạng khuyết tật.

Nhìn chung, có 63% số trường thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có số trường thực hiện GDHN chiếm tỷ lệ cao nhất (77%) và thấp nhất là ở Ninh Thuận (19%).

Bảng 8: Số trường thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập theo tỉnh

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đồng Tháp	Tổng cộng
Có	14	37	3	60	49	32	27	222
Không	32	22	10	13	16	12	19	124
Không biết	0	0	2	0	3	1	0	6
Không trả lời	0	3	1	5	1	5	1	16
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Nhìn chung, có 7% số trường thực hiện giáo dục chuyên biệt, trong đó Lào Cai chiếm tỷ lệ cao

nhất (14%) và thấp nhất là Ninh Thuận (0%).

Bảng 9: Số trường thực hiện chương trình giáo dục chuyên biệt theo tỉnh

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đồng Tháp	Tổng cộng
Có	4	0	0	6	10	0	4	24
Không	42	60	16	69	56	47	41	331
Không biết	0	0	0	0	0	0	0	0
Không trả lời	0	2	0	3	3	3	2	13
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Nhìn chung, có 26% số trường thực hiện giáo dục bán hòa nhập, trong đó, Lào Cai chiếm tỷ lệ cao

nhất (39%) và thấp nhất là ở Ninh Thuận (13%).

Bảng 10: Số trường thực hiện chương trình giáo dục bán hòa nhập theo tỉnh

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đồng Tháp	Tổng cộng
Có	7	8	2	27	27	9	10	90
Không	39	50	13	46	36	37	36	257
Không biết	0	0	0	1	1	1	1	4
Không trả lời	0	4	1	4	5	3	0	17
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Nhìn chung, có 18% số trường thực hiện chương trình can thiệp sớm, trong đó, Lào Cai chiếm tỷ lệ

cao nhất (36%) và thấp nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (9%).

Bảng 11: Số trường thực hiện chương trình can thiệp sớm theo tỉnh

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đồng Tháp	Tổng cộng
Có	8	6	2	7	25	11	4	63
Không	37	52	12	65	39	36	41	282
Không biết	1	0	1	2	0	1	2	7
Không trả lời	0	4	1	4	5	2	0	16
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Tại tất cả các tỉnh mà đoàn đi thực địa và lấy phiếu khảo sát, những người tham gia đều nhận thấy có một số trẻ khuyết tật không đi học một phần là do vấn đề tiếp cận trường học (như khoảng cách, khả năng tiếp cận các tòa nhà), môi trường ở trường học không khuyến khích hỗ trợ trẻ khuyết tật (không có tài liệu dạy trẻ khuyết tật và nhận thức về các phương pháp dạy trẻ khuyết tật) và cũng do nhận thức về quyền được đi học của trẻ khuyết tật còn hạn chế. Những thách thức chủ yếu mà các trường gặp phải trong việc nhận

thêm nhiều trẻ khuyết tật vào học là thiếu nguồn tài chính hoặc các nguồn hỗ trợ khác (61%) và thiếu kiến thức và kỹ năng để chọn lựa học sinh khuyết tật và cung cấp các dịch vụ cho các em (39%). Đối với các nguồn hỗ trợ tài chính, chỉ có 12% số trường thực hiện phân bổ ngân sách cụ thể cho giáo dục trẻ khuyết tật tại trường. Trong số những trường có ngân sách cho hoạt động này thì đa số đều nằm tại Thành phố Hồ Chí Minh, còn nhiều trường khác thậm chí không có ngân sách, theo số liệu trong bảng bên dưới.

Bảng 12: Số trường có phân bổ ngân sách cụ thể cho giáo dục trẻ khuyết tật

	An Giang	Kon Tum	Ninh Thuận	TP. HCM	Lào Cai	Gia Lai	Đồng Tháp	Tổng cộng
Có	0	2	1	34	5	0	0	42
Không	45	51	13	42	60	50	45	306
Không biết	0	4	1	0	2	0	1	8
Không trả lời	1	5	1	2	2	0	1	12
Tổng cộng	46	62	16	78	69	50	47	368

Ngoài việc thiếu hỗ trợ tài chính, các trường tham gia khảo sát không nhận được hỗ trợ để triển khai GDHN tại trường của họ. 86% số trường

không có tiếp cận với cố vấn về lĩnh vực khuyết tật thông qua chính quyền tỉnh hoặc NGOs. 88% không biết bất kỳ tổ chức cho người khuyết tật

địa phương nào hoặc NGOs nào hoạt động về các vấn đề giáo dục hòa nhập tại địa phương và 95% số trường không có chuyên gia về lĩnh vực khuyết tật làm việc tại trường.

Để có thêm nhiều trẻ khuyết tật được nhận vào trường học hòa nhập trong ngắn hạn (6 tháng tới), cán bộ quản lý các trường đã xác định những hoạt động sau là ưu tiên hàng đầu của trường (theo thứ tự giảm dần):

- Tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên cách hỗ trợ trẻ khuyết tật;
- Lập danh sách trẻ khuyết tật tại địa phương;
- Nghiên cứu cách làm cho trường dễ dàng tiếp cận cho trẻ khuyết tật.

Trong dài hạn (7 tháng đến 2 năm), cán bộ quản lý các trường cũng đã xác định những hoạt động này như là ưu tiên hàng đầu của trường.

Nhận thức phương pháp tiếp cận và các chính sách dựa trên quyền liên quan đến trẻ khuyết tật

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện đa số cán bộ quản lý trường học và giáo viên đã nhận thức rõ các chính sách hiện hành về giáo dục cho trẻ khuyết tật; tuy nhiên, chỉ có 30% các trường được khảo sát nhận thấy trường mình đã làm tròn trách nhiệm liên quan đến trẻ khuyết tật theo văn bản pháp quy của Việt Nam (như Luật Người khuyết tật, nghị định và các văn bản dưới luật về người khuyết tật, Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền Trẻ em). Lãnh đạo các trường tham gia làm khảo sát cho biết thiếu kinh phí là rào cản lớn nhất khiến họ chưa làm tròn trách nhiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam, tiếp đó là thiếu kiến thức chuyên môn để quản lý công việc này.

“Đối với các trẻ bị khuyết tật về trí tuệ, vẫn tiếp tục cho các cháu được theo học hòa nhập. Cuối năm học, nên có ưu tiên đặc cách cho các cháu được lên lớp để học cùng các bạn đồng trang lứa đến hết THPT hoặc cao hơn nữa. Nếu cứ đánh giá theo mặt bằng chung thì có lẽ các cháu không bao giờ được lên lớp.”

Cha của một trẻ khuyết tật trí tuệ

Dường như lãnh đạo nhà trường và các giáo viên bối rối và không sẵn sàng nhận các em khuyết tật vào học nhất là khi họ không hiểu rõ các chính sách then chốt và nguồn hỗ trợ hiện có cho việc thực hiện giáo dục hòa nhập. Có 62% lãnh đạo các trường khảo sát báo cáo rằng tất cả trẻ khuyết tật được nhận vào học và theo 66% các trường thì chính sách hoặc hướng dẫn hiện hành quyết định những trẻ khuyết tật nào sẽ được nhận vào học.

“Đối với trẻ khuyết tật, mình nghĩ các em không cần phải thi vì mình nghĩ những trẻ chậm phát triển trí tuệ thì có thi lại hay không thì cuối cùng mình vẫn phải tìm mọi cách cho cháu đậu. Tốt nhất là đặc cách cho cháu đậu ngay để cháu bằng bạn bằng bè, không bị mặc cảm vì thi lại. Nếu thi lại mới được lên lớp thì một số bạn bè nói “bạn được lên lớp vì thi lại” thì cháu sẽ mặc cảm.”

Phụ huynh của một trẻ không khuyết tật và là giáo viên của một trường khác gần đó

Các trường chưa thực hiện các chính sách này cũng đồng nghĩa với việc giữa các trường có sự khác biệt đáng kể về cách thức và khả năng thực hiện hay không thực hiện giáo dục hòa nhập. Vấn đề này càng rắc rối hơn khi những người tham gia phỏng vấn tin rằng giáo dục trẻ khuyết tật là hoạt động làm hao tổn nguồn lực và trẻ khuyết tật không có nhiều cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Phát biểu dưới đây của những người tham gia phỏng vấn giúp minh họa cho quan điểm này:

“Chị nghĩ con chị nếu là con trai thì đỡ buồn hơn vì là con gái nó thiệt thòi hơn nhiều. Nên lắm lúc ra đường thấy con người ta hai mắt bình thường, nghĩ đến con mình mà nước mắt cứ chảy ra.”

Phụ huynh của một trẻ khiếm thị

“Mình nghĩ những trẻ này khi học xong cũng không làm được gì cao siêu như những trẻ khác. Chỉ mong hết lứa tuổi ấy nó nghỉ ở nhà, tức là xong cấp 2, cấp 3.”

Phụ huynh của trẻ có con không khuyết tật và là giáo viên một trường gần đó

Các phát biểu trên cho thấy một số vấn đề kỳ thi, phân biệt đối xử đối với trẻ khuyết tật vẫn đang tồn tại trong ngành giáo dục. Chúng ta đặc biệt chú ý đến phát biểu của một phụ huynh đồng thời cũng là giáo viên khi người này không nhận thấy thay đổi đáng kể về sức khỏe hay triển vọng tương lai của trẻ khuyết tật sau khi các em học xong trung học cơ sở. Quan điểm này đối lập với nhiều chính sách về giáo dục và người khuyết tật khi các chính sách này được ban hành nhằm giải phóng và trao quyền cho người khuyết tật để họ có thể sống một cuộc sống hữu ích như mọi công dân Việt Nam.

Đào tạo giáo viên

Kết quả từ các cuộc phỏng vấn cá nhân cho thấy, hiện tại Việt Nam có bốn cơ sở chính đào tạo giáo viên về giáo dục chuyên biệt bao gồm trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tại Hà Nội và trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo lời một giảng viên phụ trách chương trình này tại Đại học Sư phạm Hà Nội thì chương trình này nhằm trang bị cho các giáo viên tương lai chuyên ngành giáo dục chuyên biệt với ba chuyên ngành: 1) khiếm thị; 2) khiếm thính; 3) chậm phát triển trí tuệ, khuyết tật học tập và khó khăn trong học tập có liên quan đến hội chứng tự kỷ. Giáo viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo này đều có thể dạy học tại bất kỳ môi trường giáo dục nào. Rất tiếc là chương trình này chỉ tập trung đào tạo giáo viên cấp tiểu học. Hiện nay, mới chỉ có trường Đại học Sư phạm Hà Nội đang tổ chức đào tạo chương trình thạc sĩ giáo dục đặc biệt, chưa có chương trình đào tạo tiến sĩ loại hình này ở Việt Nam.

Dữ liệu khảo sát chứng minh cho các phát hiện được lấy từ các cuộc phỏng vấn cá nhân và thảo

luận nhóm trọng tâm. Đa số giáo viên tham gia khảo sát báo cáo rằng họ không được tham gia bất kỳ chương trình tập huấn nào về GDHN, giáo dục chuyên biệt hay về vấn đề khuyết tật. Nhìn chung, 65% giáo viên không được tiếp cận chương trình tập huấn về giáo dục hòa nhập và 73% không nhận được trợ giúp từ các trung tâm hoặc mạng lưới giáo dục hòa nhập để giúp họ nâng cao chuyên môn và kỹ năng. Đặc biệt chương trình tập huấn rất hạn chế cho các giáo viên trung học cơ sở. Ngược lại với giáo viên, cán bộ quản lý lại được tham dự nhiều đợt tập huấn về giáo dục hòa nhập, chỉ có 32% cán bộ quản lý không được tham gia tập huấn. Ngoài vấn đề có ít khóa tập huấn cho giáo viên về GDHN còn có các thách thức cụ thể như đã đề cập về khả năng xác định các dạng khuyết tật khác nhau (chẳng hạn khuyết tật trí tuệ bắt nguồn từ tự kỷ). Đối với dạng khuyết tật nhận thức và cảm xúc – xã hội, các giáo viên cho biết họ phải sử dụng trực giác để nhận biết do họ không được tập huấn về phương pháp đánh giá và các hỗ trợ liên quan. Các giáo viên được tập huấn về GDHN qua hội thảo chuyên đề hoặc tại trường sư phạm khi còn là sinh viên có vẻ tự tin hơn và sẵn sàng nhận trẻ khuyết tật vào lớp học (Le, H. 2013). Điều này cho thấy, việc thiếu tiếp cận mạng lưới đào tạo, tập huấn và hỗ trợ chính là rào cản trong việc cung cấp GDHN cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam.

Theo các giáo viên đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về GDHN thì chương trình tập huấn này đã cung cấp kiến thức về nhiều dạng khuyết tật và chủ đề đa dạng, bao gồm:

- Phương pháp giao tiếp hỗ trợ và thay thế (AAC)
- Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật
- Trẻ gặp khó khăn trong học tập: phát hiện và ứng phó
- Dạy trẻ gặp khó khăn trong học tập bằng tiếng Việt
- Bồi dưỡng chuyên môn về kỹ năng kiểm soát hành vi của trẻ khuyết tật
- Hỗ trợ trẻ mầm non bị rối loạn tự kỷ học GDHN
- GDHN cho trẻ khiếm thị

Với các giáo viên tham gia tập huấn về giáo dục hòa nhập thì đa số (85%) các giáo viên này không được nhận bất kỳ giải thưởng hoặc sự công nhận nào cho việc tập huấn này cũng như không có bất kỳ khoản thù lao bù đắp đặc biệt nào cho các giáo viên khi họ dạy trẻ khuyết tật.

Dù không được tiếp cận đầy đủ các khóa tập huấn và chương trình hỗ trợ, và tỷ lệ giáo viên được tập huấn về GDHN còn thấp nhưng đại đa số (97%) cán bộ quản lý các trường tin rằng các cán bộ, giáo viên của trường đã được tập huấn đủ về giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, và 95% tin rằng các cán bộ, giáo viên của trường đã có đủ kỹ năng để làm việc với trẻ khuyết tật, bởi vì hầu hết là do họ tin rằng kế hoạch đào tạo giáo viên quốc gia đã trang bị đầy đủ cho các giáo viên về giáo dục hòa nhập. Kể cả kết quả nghiên cứu cho thấy lãnh đạo các trường tin rằng, các giáo viên đã có đủ năng lực để dạy GDHN, nhưng ít có khả năng các cán bộ lãnh đạo này sẽ phân bổ ngân sách cho các chương trình bồi dưỡng giáo viên trừ khi lỗ hổng kiến thức của giáo viên được chỉ rõ.

Nguồn hỗ trợ cho trường học

86% trong số các trường tham gia khảo sát báo cáo rằng họ không có bất kỳ khoản ngân sách nào phân bổ cho giáo dục trẻ khuyết tật. Việc thiếu nguồn hỗ trợ này đã gây khó khăn cho nhà trường trong việc mua tài liệu, trang thiết bị và những vật tư cần thiết khác. Thiếu ngân sách cũng là rào cản trong việc tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ nhân viên của trường.

Khi được hỏi về việc họ tìm nguồn hỗ trợ ở đâu để thực hiện GDHN thì không ai trong số những người tham gia phỏng vấn nói họ tìm nguồn hỗ trợ từ Bộ GDĐT hay Sở GDĐT mà thường nói sử dụng công cụ tìm kiếm trên internet - GOOGLE. Khi thực hiện thao tác tìm kiếm trên trang mạng (website) của Bộ GDĐT ở mục các văn bản về giáo dục hòa nhập, chúng tôi tìm được các văn bản sau: Rà soát nội dung Giáo dục hòa nhập cho chuyên ngành Sư phạm về GDHN; Thông báo về lớp tập huấn GDHN cho học sinh khuyết tật trung học cơ sở; Dự thảo: Mô-đun Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm về Giáo dục Hòa nhập; và Dự thảo: Thông tư Liên tịch về việc thành lập và

hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển Giáo dục Hòa nhập.



Hình 2: Tranh treo tường - Bảng ngôn ngữ cử chỉ cơ bản cho các giáo viên sử dụng để giao tiếp và dạy học sinh

Tại một tỉnh, giáo viên dạy lớp có học sinh khiếm thính không được tập huấn về ngôn ngữ cử chỉ nhưng đã chủ động tìm các tờ áp phích và sách về ngôn ngữ cử chỉ cơ bản để giao tiếp với học sinh này (xem Hình 2).

Thực hiện GDHN

Đối với phương thức GDHN, chương trình giảng dạy phải được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của trẻ và giáo viên phải có khả năng để làm việc này. Điều này đòi hỏi giáo viên phải hiểu rõ và trân trọng loại hình hỗ trợ (chẳng hạn như phương pháp giảng dạy, tài liệu dạy và học, học tập và đánh giá) và môi trường của trẻ (chẳng hạn như thể chất, cảm xúc, xã hội).

“ Nhờ quá trình học cùng các bạn ở trường hòa nhập, “em đã mạnh dạn hơn trước, em không còn rụt rè, có nhiều bạn hơn, học tốt hơn ”

Một trẻ khuyết tật vận động

Các giáo viên cho biết chiến lược họ áp dụng trong chương trình dạy học để làm cho lớp học thân thiện giúp trẻ khuyết tật hòa nhập với các bạn trong lớp là cho các em ngồi bàn đầu và giáo viên điều chỉnh cách đánh giá kết quả học tập và xếp hạng của trẻ khuyết tật. Khi phỏng vấn các giáo viên tại trường học thông thường, không

một ai có thể đưa ra ví dụ về việc sử dụng thiết bị/thủ thuật hỗ trợ cho trẻ khuyết tật. Hầu hết giáo viên không sử dụng KHGDCN và điều này đặc biệt dễ nhận thấy ở cấp trung học cơ sở. Các giáo viên cho biết một trong những thách thức của họ khi dạy trẻ khuyết tật là đòi hỏi rất nhiều thời gian, và như vậy họ sẽ không có đủ thời gian dành cho các học sinh khác. Chúng tôi không mấy ngạc nhiên về ý kiến trên khi biết hầu hết giáo viên đều không được đào tạo về giáo dục hòa nhập và các vấn đề về khuyết tật. Chúng tôi đề xuất để các giáo viên hưu trí và phụ huynh tham gia vào hoạt động giáo dục hòa nhập nhằm giảm bớt những đòi hỏi đối với giáo viên đứng lớp.

Khả năng tiếp cận trường học

74% số trường được khảo sát đã áp dụng các giải pháp để trẻ khuyết tật có thể dễ dàng tiếp cận trường học. Những giải pháp này nhằm giảm bớt các rào cản phổ biến đối với trẻ thuộc nhiều dạng khuyết tật khác nhau. Những giải pháp thông thường nhất là các hoạt động hỗ trợ cho tất cả trẻ khuyết tật và không phục vụ riêng cho một nhóm khuyết tật cụ thể nào. Các hoạt động được áp dụng nhiều nhất là tập huấn cho cán bộ, giáo viên cách đáp ứng và giúp đỡ các nhu cầu đặc thù của trẻ khuyết tật nhằm đảm bảo sự hòa nhập, tiếp theo là việc phân công cán bộ, giáo viên làm việc với trẻ khuyết tật và sau đó là hoạt động có sự tham gia của các thành viên trong gia đình như đề nghị các thành viên này hỗ trợ giao tiếp với trẻ. Khi xây dựng kế hoạch cho các giải pháp này, 63% số trường xin góp ý của trẻ khuyết tật và gia đình các em trong quá trình lên kế hoạch. Các gia đình cũng được mời tham gia chương trình tập huấn GDHN cho trẻ khuyết tật tại trường. Theo kết quả khảo sát, có thể sẽ có thêm nhiều trường mời trẻ khuyết tật và gia đình các em tham gia xây dựng kế hoạch của trường hoặc thiết kế các dịch vụ vì đa số họ đều biết cách liên hệ và/hoặc phát hiện trẻ khuyết tật, nhưng các trường cũng cho biết thách thức lớn nhất của trường là họ không biết cách giao tiếp và/hoặc làm việc với trẻ khuyết tật và gia đình các em.

Dữ liệu từ phiếu khảo sát cho biết xe đưa đón học sinh của trường không được thiết kế để thuận tiện cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có 14%

trường hỗ trợ xe đưa đón học sinh, 38% trong số đó có xe đưa đón thân thiện và thuận tiện cho trẻ khuyết tật sử dụng.

Thực hành tốt: Chia sẻ nguồn hỗ trợ tại tỉnh Điện Biên

Vi không được đào tạo nào về giáo dục hòa nhập hoặc khuyết tật nên nhóm 3 giáo viên của một trường học ở vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh ở Điện Biên đã tự hỗ trợ nhau và thường trao đổi thông tin qua điện thoại và email với giáo viên của các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Nguyễn Huệ là một ngôi trường lớn có lịch sử lâu đời về việc dạy trẻ khuyết tật tại Việt Nam. Các giáo viên ở đây đã cùng chia sẻ các nguồn hỗ trợ, chiến lược và kinh nghiệm giảng dạy với nhau và với các trường khác.

Cơ sở vật chất để trẻ khuyết tật có thể tiếp cận được



Hình 3: Đường mòn dẫn đến phòng hiệu trưởng tại một trường mầm non ở vùng nông thôn

Cơ sở vật chất để trẻ khuyết tật có thể tiếp cận được tại các tòa nhà, trường học cũng như những trụ sở hành chính giáo dục ở quận/huyện, tỉnh và trung ương vẫn còn nghèo nàn và hiện không có chính sách hay kế hoạch nào cụ thể về việc nâng cấp các cơ sở vật chất này. Dữ liệu khảo sát chứng minh cho những quan sát của nhóm nghiên cứu trong các chuyến đi thực địa. Đa số các trường không tiến hành bất kỳ biện pháp nào để nâng cấp các cơ sở vật chất cho thân thiện và thuận tiện để trẻ khuyết tật sử dụng, như mô tả trong Bảng 13 dưới đây

Bảng 13: Các biện pháp giúp trẻ khuyết tật dễ dàng tiếp cận trường học

	Lãnh đạo trường SL=368 (%)
Bố trí phòng học ở tầng một/tầng trệt (cho các lớp có học sinh khuyết tật)	63 (17)
Hạ tầng cơ sở trường học dễ tiếp cận cho trẻ khuyết tật	45 (12)
Nhà vệ sinh và các phương tiện vệ sinh dễ tiếp cận cho trẻ khuyết tật	38 (10)
Xây các đoạn đường dốc thoải cho xe lăn	19 (5)
Lắp các tay vịn ở khu vực công cộng	9 (2)
Biển báo	4 (1)

Một gia đình có con trai khuyết tật vận động đã tâm sự chuyện con trai họ được tổ chức của người khuyết tật tình tặng một chiếc xe lăn song cháu bé không thể sử dụng chiếc xe này vì ở vùng đó không có đường sá và vỉa hè dành cho xe lăn. Trong báo cáo về quyền của trẻ khuyết tật tại Việt Nam, Rosenthal (2009) nhận thấy việc thiếu cơ sở vật chất thân thiện và thuận tiện để người khuyết tật có thể dễ dàng tiếp cận là vấn đề đặc biệt nghiêm trọng đối với trẻ khuyết tật vì vấn đề này gây ra nhiều rào cản cho việc chăm sóc y tế, giáo dục, vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao và các hoạt động khác cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Điều đáng chú ý là sau 20 năm thực hiện giáo dục hòa nhập, phần lớn các công trình và trường học chúng tôi đến thăm để phục vụ cho nghiên cứu này đều không được xếp loại là các công trình, trường học có đầy đủ cơ sở vật chất dễ dàng cho người khuyết tật tiếp cận để hòa nhập. Trong suốt chuyến đi thực địa, chúng tôi không thấy trường nào có nhà vệ sinh hoặc sân trường/phương tiện thể dục thể thao để trẻ khuyết tật có thể dễ dàng tiếp cận. Chúng tôi có thấy một số đoạn đường dốc cho xe lăn song hầu hết các trường tại các tỉnh chúng tôi đi thực địa đều không có các tiện ích này. Vấn đề này dễ nhận thấy là ở những vùng nông thôn, mặt đường không được lát gạch/đá và vùng núi vào mùa mưa, trẻ có khuyết tật vận động gặp rất nhiều trở ngại trong việc đi lại.

Khả năng tiếp cận xã hội

6% trong số các trường tham gia khảo sát cho biết họ đã nỗ lực hết sức để nhận tất cả trẻ khuyết tật vào học. Các giáo viên và lãnh đạo trường tham gia phỏng vấn đã chia sẻ việc trẻ khuyết tật học đến lớp 5 là một thành tựu vượt trội và cũng lưu ý cách mà phần lớn cộng đồng và phụ huynh quan niệm trẻ khuyết tật là thành viên không có ích của xã hội và là gánh nặng cho gia đình. Những quan niệm này phản ánh cách mà xã hội Việt Nam hiểu và định nghĩa về người khuyết tật và nó tạo thêm rào cản trong việc tiếp nhận trẻ khuyết tật vào trường của giáo viên, bạn bè đồng trang lứa và cộng đồng.

93% trong số các trường tham gia khảo sát không hỗ trợ tài chính cho phụ huynh trẻ khuyết tật (chẳng hạn đóng học phí hay các khoản phụ phí khác).

Bảng 14: Thuận lợi và khó khăn đối với GDHN tại cấp trường học địa phương

Thuận lợi	Khó khăn
<ul style="list-style-type: none"> » Đa số giáo viên/nhà giáo dục rất nhiệt tình và tâm huyết. Họ cố dành thêm thời gian cho trẻ gặp khó khăn trong việc học. » Một số giáo viên được tham gia các khóa tập huấn về GDHN. » Các phụ huynh cho biết thỉnh thoảng giáo viên để các em học sinh khá giỏi ngồi gần con họ để kèm các bé này. Hoặc cho trẻ khuyết tật ngồi gần bàn giáo viên để theo sát trẻ hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> » Chỉ 1/3 số giáo viên được tham gia tập huấn về GDHN. Giáo viên bậc trung học cơ sở ít được tham gia tập huấn. » Ít được tập huấn về cách phát hiện và đánh giá khuyết tật của trẻ. Giáo viên phải dùng trực giác để xác định khuyết tật. » Thiếu chương trình tập huấn về việc xây dựng KHGDCN cho cấp giáo dục trung học. » Bộ GDĐT hỗ trợ và tập huấn nhiều hơn cho mầm non và tiểu học về GDHN và xây dựng KHGDCN. » Năng lực của giáo viên trong việc phát hiện khuyết tật và khả năng của trẻ còn rất hạn chế. » Tỷ lệ trẻ em trên giáo viên còn thấp - không đủ giáo viên.



Nguồn: One of the Kids. Hội đồng khuyết tật NSW, 1998

Hệ thống giáo dục cấp tỉnh

Như đã trình bày ở trên, tất cả các tỉnh trong nghiên cứu này đã cung cấp một số chương trình giáo dục cho trẻ khuyết tật mặc dù chương trình này chưa phổ biến như một số người tham gia phỏng vấn nêu những gia đình có con khuyết tật không được đến trường. Các tỉnh có nhắc đến các chính sách giáo dục hòa nhập (quốc gia) với việc sử dụng ngôn ngữ về quyền trong các văn bản chính sách và phần lớn phù hợp với các quy định trong Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD); tuy nhiên, việc thực hiện giáo dục hòa nhập vẫn còn là một thách thức. Những người được khảo sát đặc biệt là những cán bộ giáo dục cấp cao ở cấp tỉnh và cấp quốc gia cho biết giáo dục hòa nhập không phải là một khái niệm mới tại Việt Nam vì lãnh đạo giáo dục cả cấp quốc gia lẫn cấp tỉnh đã và đang giải quyết vấn đề giáo dục hòa nhập trong gần hai mươi năm qua và các chính sách và nghị định hiện hành ủng hộ giáo dục hòa nhập là kết quả của công tác này. Đây là điểm rất quan trọng liên quan đến một trong những phát hiện chính của việc nhận thức còn

hạn chế về định nghĩa giáo dục hòa nhập, cách triển khai giáo dục hòa nhập trong lớp học và khả năng tương thích của nó với xã hội rộng lớn hơn. Có lẽ vấn đề nổi cộm ở đây chính là việc còn thiếu một mô hình giáo dục hòa nhập Việt Nam mà tất cả các bên liên quan (như cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh) tại tất cả các tỉnh có thể thông hiểu và cùng đầu tư thực hiện. Những người tham gia phỏng vấn thường đưa ví dụ và mô tả các cách thực hành na ná như hoạt động bán hòa nhập cho trẻ khuyết tật chứ không phải hòa nhập, đưa trẻ khuyết tật vào học lớp có chương trình giáo dục hòa nhập. Điểm đáng lưu ý là Bộ Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với UNICEF để biên soạn những mô đun về giáo dục hòa nhập cho giáo viên và việc làm này có thể góp phần nâng cao nhận thức vốn còn hạn chế về bản chất và cách thức thực hiện giáo dục hòa nhập trong bối cảnh Việt Nam.

Bảng 15 giúp giải thích các khái niệm khác nhau giữa bán hòa nhập và hòa nhập và nhấn mạnh rằng hòa nhập là một quá trình góp phần đổi mới giáo dục và giáo dục toàn diện cho tất cả học sinh (Reiser, 2014).

Bảng 15: Chuyên biệt/ Bán hòa nhập/ Hòa nhập

Chuyên biệt	Bán hòa nhập	Hòa nhập
(Có khuynh hướng chú trọng)	(Có khuynh hướng chú trọng)	(Có khuynh hướng chú trọng)
Dịch vụ cho người khuyết tật	Nhu cầu của người khuyết tật	Quyền của Người khuyết tật
Phân loại người khuyết tật	Thay đổi người khuyết tật	Thay đổi trường học/ trường cao đẳng/ hệ thống
Đối xử khác/đặc biệt	Đối xử công bằng	Bình đẳng - mỗi người được hỗ trợ theo nhu cầu của họ để phát triển vượt bậc và phát huy tối đa khả năng của họ
Khuyết tật là một vấn đề cần được sửa chữa (ở một nơi đặc biệt)	Khuyết tật là một vấn đề cần được sửa chữa	Mỗi người đều có thể mạnh riêng
Các dịch vụ có sẵn trong môi trường chuyên biệt	Bán hòa nhập mang lợi ích cho người khuyết tật	Lợi ích cho mọi người, bao gồm tất cả
Người có chuyên môn/ chuyên gia	Người có chuyên môn/ chuyên gia	Đấu tranh chính trị, bần bè và hỗ trợ
Trị liệu “đặc biệt”	Kỹ thuật	Sức mạnh của trải nghiệm như người bình thường
Phân loại và cách ly	Nghĩ rằng mình vô dụng	Khẳng định mình có thể làm được
Đua tranh cho các bộ phận của người khuyết tật	Can thiệp kỹ thuật	Biến đổi sức mạnh của mối quan hệ
Chú trọng vào đầu vào	Chú trọng vào quy trình	Chú trọng vào kết quả; có ước mơ
Chương trình riêng biệt	Dạy chương trình	Nội dung chương trình
Bán hòa nhập “cho một số người” không phải là một khao khát	Có thể thực hiện bán hòa nhập	Phải phấn đấu để hòa nhập

Một đại diện của Phòng GDĐT cho biết các cán bộ quản lý Phòng GDĐT và giáo viên cùng chia sẻ trách nhiệm thực hiện giáo dục hòa nhập song về cơ bản thì đó là trách nhiệm của giáo viên và người này cho biết tỉnh có chỉ đạo khi có một trẻ khuyết tật mới vào lớp thì phải chuyển bớt một số học sinh sang các lớp khác. Chỉ đạo này để nghị mỗi lớp chỉ có tối đa một trẻ khuyết tật. Người đại diện này đưa ví dụ như sau, khi tiếp nhận một trẻ khuyết tật mà trong lớp đang có 35 học sinh thì giáo viên phải chuyển 5 học sinh không khuyết tật sang các lớp khác. Nếu các lớp này đã đủ hoặc quá đông học sinh so với quy định thì giáo viên lớp đó theo nguyên tắc sẽ được nhận thù lao. Trong lớp học, khi được hỏi về cách điều chỉnh phương pháp dạy hoặc tổ chức lớp học để các em hòa nhập hơn thì phần lớn các giáo viên cho biết họ chuyển các em khuyết tật lên ngồi bàn đầu và điều chỉnh độ khó của các câu hỏi và cách đánh giá kết quả và giảm mức độ yêu cầu.

Các đại diện từ các Sở GDĐT và Phòng GDĐT cho biết, giáo dục hòa nhập không được xem là một tiêu chí trong công tác thanh tra trường học và giáo viên. Hệ quả là tại Việt Nam tuy có chính sách/chỉ đạo về giáo dục hòa nhập nhưng lại để cho những giáo viên và cán bộ quản lý không được tập huấn, bồi dưỡng tự hiểu và thực hiện giáo dục hòa nhập theo cách mà họ cho là phù hợp và thường với nguồn hỗ trợ rất hạn chế. Nhiều giáo viên nói họ nguồn hỗ trợ chủ yếu của họ là từ internet (không ai sẵn lòng chia sẻ trang mạng-website). Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục hòa nhập trên toàn hệ thống giáo dục – Liệu một trẻ khuyết tật ở Điện Biên có được hưởng kinh nghiệm giáo dục phù hợp và có thể so sánh như ở Ninh Thuận hay không? Có nên đưa ra một tiêu chuẩn tối thiểu theo đó các trường và các phòng giáo dục phải đạt được trước khi họ được xếp loại là đơn vị ‘hòa nhập’ không? Trong giáo dục hòa nhập, việc thanh tra trường học và giáo viên là công tác quan trọng bởi vì tất cả các tỉnh đều có nguồn hỗ trợ và dòng

ngân sách cho hoạt động này và có thể dễ dàng được đưa vào sử dụng cho các phần của giáo dục hòa nhập. Ngoài ra, công tác thanh tra không chỉ là cách để hiểu rõ và đánh giá hiệu quả hơn chất lượng giáo dục trong ngành giáo dục tỉnh mà còn là một trong những cách hỗ trợ giáo viên và trẻ khuyết tật nói chung. Điều đáng lưu ý ở đây là để các hoạt động thanh tra có ý nghĩa, khi nó liên quan đến giáo dục hòa nhập, thì các hoạt động thanh tra này phải dựa trên các kế hoạch giáo dục cá nhân (phương pháp dạy học cá thể hóa).

Công bằng mà nói số cán bộ trong ngành giáo dục là người khuyết tật vẫn còn hạn chế. Trong số ba tỉnh khảo sát thực địa, nhóm nghiên cứu không được gặp cán bộ quản lý, giáo viên hay giảng viên nào có khuyết tật dễ nhận diện. Khi được hỏi họ có biết giáo viên hay giảng viên nào là người khuyết tật không thì người tham gia phỏng vấn trả lời rằng họ không biết và có một trường hợp, những người tham gia phỏng vấn bật cười khi nghe câu hỏi này. Điều này ám chỉ việc kỳ vọng một người khuyết tật trở thành giảng viên tại trường sư phạm là điều không thực tiễn. Vì thế chúng ta không ngạc nhiên là khi nói về khuyết tật người ta đã phần tập trung vào khái niệm từ thiện và không dựa trên cơ sở quyền. Thông thường việc một trẻ khuyết tật ghi danh vào trường được xem là một thành tựu vượt trội và cao nhất mà đứa trẻ này có thể mong đợi là học đến lớp 5. Mọi người ít nói đến việc đứa trẻ

này học cao hơn lớp 5 và càng không nói đến khả năng đứa trẻ này có thể học lên cao đẳng hay đại học.

Vì thế, có lẽ không có gì ngạc nhiên khi công tác ưu tiên thực hiện giáo dục hòa nhập chưa được đẩy mạnh. Ví dụ, các giáo viên và cán bộ quản lý đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng môi trường giáo dục hòa nhập. Tại thời điểm thực hiện nghiên cứu thực địa, chúng tôi phát hiện không có khóa tập huấn hoặc chỉ thị, hướng dẫn nào cho biết giáo dục hòa nhập là phần trọng tâm của chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý được tổ chức vào cuối năm học hiện tại, năm học 2013-2014. Trong chương trình đào tạo giáo viên tại các trường sư phạm, sinh viên bắt buộc phải đi thực tập. Khi giáo dục hòa nhập không phải là một ưu tiên trong chương trình đào tạo này thì đồng nghĩa với việc hầu hết các giáo viên mới ra trường không có nền tảng kiến thức nào về giáo dục hòa nhập. Các dữ liệu thu thập được cũng chứng minh rằng việc thiếu nhận thức về giá trị giáo dục lâu dài cho trẻ khuyết tật tại trường đã khiến số lượng trẻ khuyết tật đang đi học giảm mạnh từ bậc mầm non/tiểu học lên trung học cơ sở.

Bảng 16: Thuận lợi và khó khăn đối với GDHN ở cấp chính quyền tỉnh

Thuận lợi	Khó khăn
<ul style="list-style-type: none"> » Bộ GDĐT có nhiều chương trình hỗ trợ và tập huấn hơn cho cấp giáo dục mầm non và tiểu học. » Sở GDĐT: đang tiến hành nâng cao năng lực của giáo viên: <ul style="list-style-type: none"> - Có những lớp học dành cho các giáo viên nòng cốt và khi có các luật mới thì các lớp này tổ chức tập huấn cho các giáo viên. Có chương trình hỗ trợ giáo viên và hướng dẫn thực hiện GDHN cho các trường. Tổ chức tham quan các trường để tập huấn thêm. - Sở GDĐT ban hành hướng dẫn về GDHN cho từng trường. Tổ chức tập huấn thêm và tham quan trường kết hợp bồi dưỡng thực hành cho giáo viên. » Đã hoàn thành việc điều tra cơ bản về trẻ khuyết tật và trình UBND tỉnh và bắt đầu quy trình xem xét để thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN. <ul style="list-style-type: none"> - Đã có sẵn dữ liệu về tỷ lệ trẻ nhập học và trẻ ngoài nhà trường ở cấp mầm non và tiểu học. » Báo cáo tiếp tục tăng cường giao tiếp giữa các ban ngành. » Nhận thức về Thông tư Liên tịch số 58 về Kế hoạch giáo dục cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> » Định nghĩa về khuyết tật - chưa rõ ràng <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đánh giá xác định mức độ khuyết tật chuẩn của các chính quyền địa phương khác nhau còn thiếu hoặc yếu kém. » Nhận thức của Hội đồng cấp xã còn hạn chế và vai trò của Hội đồng cấp xã trong việc cấp giấy xác nhận khuyết tật chưa cụ thể. Thực tế không ai trong cuộc họp với Sở GDĐT biết gì về hội đồng cấp xã. <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng của hội đồng cấp xã trong việc phát hiện và xác nhận khuyết tật còn hạn chế. » Nhận thức về các luật và chính sách - càng yếu hơn ở cấp Phòng GDĐT và các trường học vùng nông thôn. <ul style="list-style-type: none"> - Sở LĐTBXH chưa nhận thức đầy đủ về những luật mới ban hành. - Một số người của Phòng GDĐT chưa biết về Thông tư Liên tịch số 42 mới ban hành về GDHN. - Nhiều cán bộ của Sở GDĐT chưa nhận thức đầy đủ về các luật và thông tư. - Cảm thấy rằng có vẻ GDHN vẫn được xem là hoạt động từ thiện chứ chưa phải hoạt động dựa trên quyền. » Chương trình tập huấn về xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân ở cấp trung học còn hạn chế. » Hỗ trợ của Bộ GDĐT về chương trình tập huấn cho trung học cơ sở và trung học phổ thông còn hạn chế. » Thiếu dữ liệu <ul style="list-style-type: none"> - Hiện chỉ có dữ liệu về số học sinh nhập học và ngoài nhà trường ở cấp mầm non và tiểu học. » Nguồn lực hạn chế <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách cho chương trình tập huấn còn hạn chế. - Ngân sách cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng còn hạn chế. - Giáo viên cấp trung học cơ sở không được tập huấn về GDHN. » Chính quyền/các bên liên quan tham gia khảo sát nhận thấy họ gặp nhiều khó khăn hơn khi làm việc với đồng bào các dân tộc thiểu số vì họ hiểu biết ít hơn về giá trị của giáo dục và cũng phức tạp hơn do họ nghèo hơn và còn vì rào cản ngôn ngữ. » Đa số trẻ khuyết tật không có giấy xác nhận khuyết tật; điều này gây thêm khó khăn cho việc thực hiện Thông tư Liên tịch số 42.

Hiện các trường học và hệ thống giáo dục tỉnh đã có sẵn mô hình cung cấp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách cụ thể ban hành một số hướng dẫn về việc thực hiện giáo dục hòa nhập. Hệ thống giáo dục nói riêng, chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cơ chế thanh tra trường học và giáo viên đóng vai trò chủ yếu để đảm bảo giáo dục hòa nhập chất lượng tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc

thực hiện giáo dục hòa nhập vẫn còn là một thách thức vì một số lý do như: nhận thức còn hạn chế về các chính sách giáo dục hòa nhập (kể cả khả năng tiếp cận); thiếu chương trình tập huấn cho giáo viên; và chưa chú trọng ưu tiên gắn giáo dục hòa nhập và trẻ khuyết tật với các cấp học khác nhau trong hệ thống giáo dục. Kinh nghiệm giáo dục học sinh dân tộc thiểu số có thể được dùng làm đòn bẩy để hỗ trợ việc giáo dục cho các

nhóm dễ bị tổn thương như trẻ khuyết tật và trẻ em gái. Nhưng hiện nay, việc này vẫn chưa xảy ra vì nhiều trường và ngành giáo dục vẫn quan niệm việc giáo dục cho các nhóm dễ bị tổn thương này là cái gì đó rất riêng biệt và khó có khả năng để học tập lẫn nhau.

Nhìn chung, có một điều rõ ràng trong các phát hiện trên đó là một số trẻ khuyết tật có cơ hội được đi học và các giáo viên chịu trách nhiệm dạy những học sinh này đang phải nỗ lực để đáp ứng các nhu cầu của các em. Điều này thường xảy ra trong những trường hợp giáo viên không được đào tạo, bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập và việc tiếp cận các nguồn lực để hỗ trợ cho môi trường giáo dục hòa nhập còn hạn chế.

Sự sẵn sàng của trẻ khuyết tật trong việc đến trường và học tập

Tất cả trẻ khuyết tật tham gia vào nghiên cứu này (SL= 45) là học sinh đang học các trường tiểu học hoặc trung học cơ sở. Chỉ có 3 trong số các gia đình tham gia vào nghiên cứu này có con khuyết tật hiện không học tiểu học hoặc trung học cơ sở.

Các phát hiện từ nghiên cứu này cũng cho thấy số trẻ khuyết tật đi học giảm một cách đáng kể từ tiểu học lên trung học cơ sở. Chúng ta cần lưu ý rằng tỉnh Kon Tum, nơi đa số trẻ khuyết tật là con em dân tộc thiểu số, có tỷ lệ phụ huynh chỉ mới học xong tiểu học ở mức cao nhất, so với hai tỉnh thực địa khác có tỷ lệ phụ huynh học xong trung học cơ sở hoặc xong bậc học cao hơn ở mức cao hơn.

Trường học chuyên biệt so với trường thông thường có giáo dục hòa nhập

Tất cả các gia đình tham gia vào nghiên cứu này và có con là trẻ khuyết tật đang đi học đều đưa con đến các trường thông thường. Không rõ có phải đây là do họ chủ ý lựa chọn hay chỉ vì thiếu các nguồn hỗ trợ như không có trường học chuyên biệt gần nhà hoặc không thể tiếp cận

được các trường này. Các phụ huynh này nhận thấy lợi ích của việc cho con học ở trường thông thường vì, như họ nói, trường thông thường giúp con em họ chuẩn bị để hòa nhập vào thế giới và trẻ phải nỗ lực nhiều hơn để ngang bằng với các bạn đồng trang lứa. Tuy nhiên, họ cũng cảm thấy trường học chuyên biệt sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của con em họ và họ mong muốn con em họ có thể tiếp cận những tiện ích của trường học chuyên biệt. Lý do chính họ đưa ra cho suy nghĩ này là vì họ tin rằng các trường học chuyên biệt được trang bị tốt hơn để hỗ trợ trẻ khuyết tật. Phụ huynh cảm thấy rằng, trường học chuyên biệt thường có các giáo viên được đào tạo và họ biết cách tương tác, và giao tiếp với con em họ, theo sát khả năng của từng em hơn và cung cấp các thiết bị phù hợp với dạng khuyết tật của con em họ, chẳng hạn như máy trợ thính, KHGDCN và chương trình đào tạo kỹ năng sống tốt hơn. Nhiều phụ huynh cũng bày tỏ lo ngại về tương lai con em họ sau khi học xong bậc mầm non hoặc tiểu học trong trường thông thường cứ như là họ không hề nghĩ tới những bậc học cao hơn hoặc không mong muốn đưa con em mình theo học một chương trình dạy nghề nào đó để con em họ có thể trở thành người có ích và có thu nhập trong tương lai.

Mặc dù những phụ huynh có con là trẻ khuyết tật đang học tại các trường thông thường luôn bày tỏ lòng biết ơn đối với các giáo viên và thời gian mà các giáo viên dành cho con họ họ vẫn cảm thấy các giáo viên không thể đủ thời gian quan tâm riêng đến con họ và con họ ít được hỗ trợ nhất là khi giáo viên phải dạy rất nhiều học sinh khác trong lớp. Một phó chủ tịch phường và là cha của một trẻ tự kỷ đã bày tỏ như sau:

“ Trường này có hơn 500 học sinh, có 4 em học sinh khuyết tật. Để học chung trong tổ chức này nhiều khi các em không theo kịp. Muốn tách các em ra thì số lượng phải đông. (cần) Có một cơ sở riêng để quản lý các em. Chứ giờ để các em hòa nhập để theo kịp các bạn phát triển bình thường thì hơi vất vả. Nguyên vọng của chính quyền địa phương chỉ mong muốn có thế. ”

Phụ huynh trẻ khuyết tật và cũng là đại diện của chính quyền địa phương

Tuy nhiên, khi tương tác với trẻ khuyết tật tại cả trường thông thường và trường chuyên biệt chúng tôi thấy được một bức tranh khác. Qua chuyện trò thân mật với các em, chúng tôi thấy trẻ khuyết tật đang học tại các trường chuyên biệt thể hiện khát khao được ra khỏi trường vì các em muốn có thể ra ngoài và trở thành một phần của cộng đồng và vì các em thấy nhớ nhà. Còn trẻ khuyết tật học tại các trường thông thường thì cảm thấy hạnh phúc khi là một phần trong hệ thống của các trường thông thường và vì các em có bạn bè là trẻ không khuyết tật.



Hình 4: ví dụ về các bức tranh do các em học sinh vẽ trong hoạt động thảo luận nhóm trọng tâm tại Ninh Thuận

“ Những lúc con đau nặng thì con mới không đi học, con đau nhẹ con sẽ đi học. Đau nặng là những lúc con sốt 40,5 độ hay con nằm bệnh viện hoặc mệt mỏi quá không cử động được. Vì đi học vui lắm cơ, lên trường có nhiều niềm vui, gặp bạn bè trò chuyện. ”

Bé gái khuyết tật-1

“ Cái gì không hiểu thì em hỏi bạn, bạn chỉ em. Các bạn cũng chơi với em. ”

Bé gái khuyết tật-2

“ Nếu học ở các trường chuyên biệt thì các bạn cũng giống mình, môi trường sống cũng vậy, điều kiện học tập cũng vậy thì mọi người xung quanh, mọi người ở ngoài trường sẽ không biết mình học như thế nào. Nếu mình học trong trường chuyên biệt thì mọi người không có gì khác, mình không thay đổi mình được, suy nghĩ của mình nó cũng nằm trong tầm đó không có cải thiện được gì. ”

Bé gái khuyết tật-3

Phát hiện khuyết tật

Một trong những thách thức của phụ huynh các trẻ khuyết tật là họ không hiểu thế nào thì được xem là khuyết tật hoặc không, theo cộng đồng, hoặc theo tiêu chuẩn của Hội đồng Cấp xã hoặc Ngành Y tế đưa ra để trẻ khuyết tật được nhận giấy xác nhận khuyết tật và được hưởng những quyền và được bảo trợ theo quy định của luật. Một số phụ huynh, nhất là phụ huynh của trẻ khiếm thính và suy giảm khả năng phát âm (điếc, câm) bày tỏ rằng, con của họ từng được nhận giấy xác nhận khuyết tật và được hưởng trợ cấp của chính phủ trong 1-2 năm nhưng sau đó chính quyền thu hồi giấy xác nhận này vì có sự thay đổi trong chính sách ưu tiên của chính phủ. Dưới đây là phần trích dẫn ví dụ về một người mẹ phát biểu rằng sau một năm nhận được trợ cấp của chính phủ thì hiện không còn được nhận khoản trợ cấp đó cho đứa con khuyết tật câm điếc của bà nữa.

“ Nói chung vấn đề đó tui cũng được mấy anh bên xã trả lời là có công văn từ tỉnh về huyện, huyện về xã. Minh không đọc công văn đó nhưng đại khái nội dung công văn đó nói là năm nay người ta sẽ xét duyệt lại những đối tượng nào đại khái là khuyết tật nặng mới được hưởng. Họ trả lời như vậy. Người dân thì không biết như thế nào là khuyết tật nặng. ”

Mẹ của trẻ khuyết tật

Những phụ huynh khác cho biết họ đã cố làm thủ tục xin giấy xác nhận khuyết tật cho con nhưng rất ít người được vì cơ quan y tế hoặc Hội đồng cấp xã từ chối hồ sơ của họ dù nhà trường đã đề nghị họ nộp đơn xin xác nhận.

Trợ giúp xã hội về giáo dục cho trẻ khuyết tật

Nhận thức về các chính sách và thông tư quan trọng của các phụ huynh và gia đình có trẻ khuyết tật tại tất cả các tỉnh khảo sát thực địa đều còn rất thấp. Có 43 trong tổng số 53 gia đình tham gia khảo sát đã được nhận hoặc từng được nhận hình thức hỗ trợ nào đó cho con em họ là

trẻ khuyết tật. Những hình thức hỗ trợ bao gồm phẫu thuật miễn phí, miễn giảm học phí, trợ cấp hàng tháng của nhà nước (qua giấy xác nhận khuyết tật hoặc giấy xác nhận hộ nghèo) và quà tặng như sách, vở. Không may là chúng tôi không có dữ liệu hoàn chỉnh về số lượng gia đình có giấy xác nhận khuyết tật để đưa vào báo cáo này, tuy nhiên, có thể thấy rõ số lượng đáng kể trẻ khuyết tật không có giấy xác nhận khuyết tật và nhiều phụ huynh không biết về những lợi ích từ việc có giấy xác nhận khuyết tật này. Ví dụ, một số phụ huynh cho biết sự miễn giảm học phí nếu được thì cũng không xứng với công sức, thời gian và chi phí mà họ đã bỏ ra để xin giấy xác nhận khuyết tật.

Đa số phụ huynh không biết gì về Thông tư Liên tịch số 42 - là chính sách hướng dẫn các trường yêu cầu nguồn hỗ trợ cho GDHN. Phát biểu dưới đây của một phụ huynh giải thích tình huống một số gia đình gặp phải do thiếu nhận thức về các chính sách này:

“Đi học thì năm ngoái các cô cũng bảo là xin giấy giám định sức khỏe cho cháu để xin miễn giảm học gì đấy. Gia đình cũng làm nhưng mà thấy năm nay con về bảo mẹ ơi các cô bảo là không được miễn giảm đâu, mẹ cứ đóng hết đi. Ừ thì con bảo mẹ đóng thì đóng thôi. Con về nói thế thì chị cứ đưa tiền cho cháu đi đóng thôi. Mình cũng không hỏi tại sao. Thì có bác cũng dạy ở đây đấy. Bác bảo làm giấy tờ thủ tục thì em cũng làm hết. Nhưng mà thấy con về bảo cô giáo bảo không được miễn giảm, mẹ phải đóng. ”

Người mẹ có con gái là trẻ khuyết tật (Kiểm thị)

Những nhận xét của phụ huynh đã nêu bật thêm các thách thức từ việc một số chính sách hiện hành còn thiếu tính minh bạch. Ví dụ như Nghị định số 67 (quy định chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng được bảo trợ xã hội) nêu rõ “người khuyết tật nặng là những người không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ thuộc hộ gia đình nghèo” là những đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội. Tuy nhiên, một số chính quyền địa phương không biết cách giám định khuyết tật của trẻ vì hầu hết cho rằng “trẻ chưa có khả năng lao động”. Cách nhìn nhận

này khiến trẻ khuyết tật không được xác nhận và không được cấp giấy xác nhận khuyết tật.

Nghị định 67 đã được sửa đổi, bổ sung và mở rộng thành Quyết định 136. Nghị định 67 và Quyết định 136 (chú trọng đến công tác bảo trợ xã hội) có các điều khoản chồng chéo với Quyết định số 42 (chú trọng đến giáo dục) và tùy thuộc vào các quyết định của tỉnh trong việc phân bổ ngân sách để thực hiện. Việc này nêu lên vấn đề về mức độ ưu tiên ngân sách trong ngành giáo dục và ngành xã hội và cách mà các tỉnh có thể rời bỏ một cách hiệu quả các rào cản và cải thiện tình hình tiếp cận giáo dục. Hơn nữa, cũng không nên xem nhẹ vai trò của hội đồng cấp xã trong việc hiểu rõ những ưu tiên này (ở cấp tỉnh và cấp quốc gia) cũng như trong việc thực hiện các chính sách với một sự lãnh đạo thấu tình đạt lý. Các chính sách và ưu tiên nếu thiếu tính minh bạch có thể dẫn đến vấn đề thiếu khách quan trong khâu triển khai và mọi người sẽ không chắc chắn về mục đích cũng như đối tượng được hưởng các chính sách này.

Các yếu tố kinh tế-xã hội và tâm lý-xã hội ảnh hưởng đến việc tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật

Các trẻ khuyết tật đã bày tỏ một số thách thức mà các em và gia đình gặp phải khi theo học tại các trường thông thường. Một số bé trai và bé gái khuyết tật cho biết các em bị trêu chọc hoặc bị bắt nạt và thường bị nói là “Khùng”, nhưng rồi sau đó các em nói rằng thầy cô giáo hoặc các bạn học sinh khác đã đứng ra bênh vực các em.

“Hỏi em học tiểu học, bữa đó đi thi, một bạn chọc em “sao mà cái chân ngắn vậy!? thấp vậy!? em nghĩ, em buồn, em khóc. ”

Bé gái khuyết tật

“Ông ơi cháu chỉ muốn tay cháu có 5 ngón để các bạn không bảo cháu là thằng tay cụt. ”

Bé trai khuyết tật bàn tay

Trẻ khuyết tật cũng nhận thấy những thách thức mà cha mẹ các em gặp phải. Ví dụ, một số trẻ

cho biết các em không được cha mẹ giúp đỡ vì họ còn có nhiều trách nhiệm và phải làm việc cả ngày để lo tiền ăn học cho các em.

Nhiều phụ huynh bày tỏ lo ngại khi con họ bị trêu chọc hay bị bắt nạt tại trường. Một phụ huynh cho biết con họ gần đây bị các học sinh khác đánh ở trường. Một số phụ huynh cũng thừa nhận họ không biết ở trường con họ tương tác với các học sinh khác thế nào vì họ phải làm việc cả ngày.

Nhiều giáo viên xác nhận chính tình trạng kinh tế – xã hội của phụ huynh như là người dân tộc thiểu số, gặp rào cản về ngôn ngữ, phải làm việc ngoài đồng, mù chữ, không có phương tiện đi lại và hiểu biết hạn chế về giá trị của giáo dục là những rào cản trong việc hỗ trợ giáo dục cho con em họ hay thậm chí là việc cho con em khuyết tật của họ đi học. Giáo viên của các em khuyết tật cho biết các phụ huynh thường không thể hoặc không có thời gian đến trường để gặp giáo viên và trao đổi về việc học tập của các em.

Có vẻ như đa phần gia đình các em khuyết tật không nghĩ rằng con trai và con gái khuyết tật phải đương đầu với những thách thức khác nhau trong việc tiếp cận giáo dục. Tuy nhiên, một số phụ huynh cũng bày tỏ quan ngại về con gái là trẻ khuyết tật vì các em nhạy cảm hơn, “yếu đuối” hơn và dễ bị rung động hơn.

Nhân tố cản trở các gia đình đưa trẻ khuyết tật đến trường

Chỉ có 3 gia đình có trẻ khuyết tật không đi học đã tham gia vào nghiên cứu này. Chúng tôi đã đến thăm và phỏng vấn 2 trong số 3 gia đình này tại nhà. Hai gia đình này có con là trẻ bị khuyết tật nặng, còn một gia đình thì cho 1 con khuyết tật đi học và để 1 con khuyết tật ở nhà.

Lý do mà họ không cho (các) con mình đi học thường tương đồng với những lo ngại và thách thức đã đề cập ở trên nhưng ở mức cao hơn do tình trạng khuyết tật của trẻ hoặc do nguồn tài chính quá hạn hẹp của gia đình. Các phụ huynh đã đưa ra những nguyên nhân cụ thể như sau:

1. Lo ngại về an toàn: một phụ huynh cũng đồng thời là giáo viên cho biết cô đã cho con trai nghỉ học vì cô lo lắng về sự khỏe mạnh của con mình và những trẻ khác do giáo viên không được đào tạo và họ không biết cách giúp khi cháu lên cơn hoặc khi cháu bị rối loạn hành vi. Chị cho biết thêm chồng chị phải nghỉ làm để ở nhà chăm sóc con.
2. Bản thân trẻ thiếu khả năng tận dụng được những lợi ích của giáo dục: một phụ huynh bày tỏ rằng khi con bạn liên tục lưu ban, bạn cho rằng chúng không học được. Một người mẹ khác có con khuyết tật nặng cho biết không ai bảo chị nên đưa con đi học. Phụ huynh không thể giao tiếp được với giáo viên.
3. Khó khăn trong việc đi lại: hai phụ huynh cho biết đây là rào cản lớn trong việc cho con họ đi học. Một phụ huynh cho biết nếu họ có xe đạp, con trai không khuyết tật của họ có thể chở em khuyết tật đi học. Em khuyết tật này không thể đi bộ đến trường và cha mẹ lại phải đi làm sớm.

Một phụ huynh khác nói rằng, chị có một chiếc xe máy để đi lại nhưng chị thấy không an toàn khi chở con gái đi học bằng xe máy.

4. Lo ngại về tài chính: một gia đình cho biết họ không có khả năng để chu cấp cho con đi học hoặc tiếp tục đi học vì tài chính của gia đình rất hạn hẹp và họ phải chọn chỉ cho một con có khả năng học tốt nhất được đến trường. Đây có thể là nguyên nhân tại sao số lượng trẻ khuyết tật đi học giảm mạnh từ bậc tiểu học lên bậc trung học cơ sở.

Bảng 17: Tóm tắt những thuận lợi và khó khăn trong việc đi học

Thuận lợi và khó khăn trong việc đi học			
Trẻ em		Phụ huynh	
Thuận lợi	Khó khăn	Thuận lợi	Khó khăn
Trẻ khuyết tật đang đi học bày tỏ niềm hạnh phúc khi được đi học và có bạn bè là trẻ không khuyết tật. Một trẻ khuyết tật thích học GDHN hơn vì em cảm thấy mình học được nhiều điều hơn từ các bạn khác và em thích có bạn bè không khuyết tật. Em không thích học ở trường học chuyên biệt.	Kỳ thị và phân biệt đối xử, nhất là ở cấp trung học cơ sở. Khả năng hòa nhập vào cộng đồng kém do gặp khó khăn trong giao tiếp với bạn bè đồng trang lứa (theo nhận xét của phụ huynh) Các trường học chuyên biệt thường là trường nội trú và trẻ cảm thấy nhớ nhà và bị gia đình bỏ rơi. Hệ thống ngôn ngữ cử chỉ chưa thống nhất giữa các địa phương.	Muốn cho con đi học. Muốn trẻ học cao hơn nếu có thể vì đây có thể là phương tiện tốt nhất để trở nên thành công và tự tin hơn trong cộng đồng. Muốn tìm hiểu thêm về khuyết tật của con em họ. Một số cảm thấy giáo viên rất tâm huyết và tận tình giúp đỡ.	Thiếu kiến thức và nguồn hỗ trợ về khuyết tật của con em họ và cách chăm sóc khuyết tật. Một số bày tỏ lo ngại về kỹ năng của giáo viên và gánh nặng đè lên vai giáo viên. Thiếu hiểu biết về GDHN - Mong muốn có thêm nhiều trường học chuyên biệt. Lo ngại về sự an toàn của con họ và các trẻ khác vì trẻ khuyết tật có thể gặp rối loạn hành vi. Khó khăn trong việc đi lại, nhất là khi đưa trẻ khuyết tật vận động lớn lên vì khi đó cháu sẽ quá nặng, khó mà chở cháu đi học được.

Điều quan trọng cần lưu ý là tất cả phụ huynh đều nhận ra giá trị của giáo dục ở một mức nào đó, thậm chí dù chỉ là ở bậc tiểu học hoặc giáo dục chuyên biệt.

“ Tất cả những phụ huynh ai có con em khuyết tật đều mong muốn cho con mình hòa nhập chung với các bạn. Đi học thứ nhất là giống như nó không học nhiều thì ít nhất cũng học được cái giao tiếp để sau này lớn lên hẳn có cái nghề cái nghiệp. ”

Người mẹ có con là trẻ khuyết tật

Nhìn chung dựa vào các phát hiện trên, các trẻ khuyết tật tham gia vào nghiên cứu này có vẻ đã sẵn sàng và mong muốn tham gia chương trình GDHN, trong khi các phụ huynh có nhiều ý kiến trái chiều trong việc đưa con đến các trường thông thường, đôi khi việc này khiến họ thậm chí không cho con đi học.

Sự Sẵn sàng của Cộng đồng trong việc Hỗ trợ Trẻ khuyết tật đi học

Quan sát tương tác giữa trẻ khuyết tật và không khuyết tật tại trường học cho thấy giữa các em đã hình thành các mối quan hệ tích cực mặc dù một vài trẻ khuyết tật cho biết các em vẫn bị bạn bè kỳ thị, phân biệt đối xử. Trong nhiều trường hợp, trẻ không khuyết tật không tin rằng mình có bạn học là trẻ khuyết tật vì các em này quan niệm người khuyết tật là những người không thể nói hoặc nghe hoặc bị khuyết tật về thể chất/vận động, nhưng các em lại biết những bạn học phải lưu ban vì chậm tiếp thu hoặc khả năng viết kém. Việc có rất ít bức tranh vẽ trẻ khuyết tật cũng là bằng chứng cho niềm tin kiêu này của trẻ. Trong số các bức tranh chúng tôi thu thập được, chỉ có 2 bức tranh mô tả trẻ khuyết tật và đều do các trẻ không khuyết tật vẽ.



Hình 5: Bức tranh do một trẻ không khuyết tật tại Điện Biên vẽ



Hình 6: Bức tranh do một trẻ không khuyết tật tại Kon Tum vẽ. Những dòng chữ viết trong bức tranh nói rằng: “Giúp những người khuyết tật là vinh hạnh của những người lành lặn” Và “Không phân biệt đối xử đối với những bạn bị khuyết tật”

Trung tâm của các hoạt động hòa nhập trẻ khuyết tật tại cộng đồng là hội đồng cấp xã đóng vai trò chủ chốt không chỉ trong việc phát hiện và xác nhận khuyết tật mà còn chỉ đạo hoạt động hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Những thành viên hội đồng cấp xã tham gia phỏng vấn cho biết, họ có một vai trò trong việc nâng cao nhận thức về các vấn đề khuyết tật trong cộng đồng. Cuộc họp định kỳ hàng năm của hội đồng cấp xã có lẽ là một trong những diễn đàn quan trọng tại cấp cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và vạch ra những cách thức mà cộng đồng địa phương có thể cùng nhau thực hiện để hỗ trợ trẻ khuyết tật được đi học.

Thành phần của hội đồng cấp xã hiện tại đã hạn chế khả năng của hội đồng trong việc hỗ trợ và chỉ đạo phù hợp hơn cho cộng đồng. Dựa vào công việc quan trọng mà hội đồng đang thực hiện liên quan đến công tác bảo trợ trẻ khuyết tật thì hội đồng cần phải có thêm đại diện của các

Tổ chức của người khuyết tật địa phương hoặc bản thân người khuyết tật và ngành giáo dục. Tại hầu hết các huyện chúng tôi đến khảo sát, hội đồng này bao gồm các cá nhân chưa qua tập huấn về các vấn đề liên quan đến khuyết tật trừ cán bộ làm công tác xã hội nhưng những cán bộ này (lại hiếm khi) tham gia khóa học về lĩnh vực khuyết tật trong các chương trình tập huấn. Một trong những cán bộ làm công tác xã hội tham dự phỏng vấn cho biết đã tham gia tập huấn cách đây trên 10 năm. Cần hiểu rằng trẻ khuyết tật và lĩnh vực khuyết tật luôn thay đổi theo thời gian và vì thế cũng cần thay đổi quan niệm và sự am hiểu về vấn đề hòa nhập và khuyết tật trong xã hội.

Điểm xuất phát của các cộng đồng khi hỗ trợ trẻ khuyết tật đi học là từ việc phát hiện và cấp giấy chứng nhận cho trẻ khuyết tật. Đây vẫn còn là vấn đề nan giải và mang tính chủ quan cao vì nhiều gia đình thiếu hiểu biết về quy trình phát hiện và cấp giấy chứng nhận, lại thêm hội đồng cấp xã thường không được tập huấn và họ sử dụng bảng đánh giá theo thang điểm mười về y tế (thay vì theo chức năng về mặt xã hội) để quyết định cá nhân nào đó có khuyết tật hay không. Hầu hết các đại diện của các hội đồng cấp xã tham gia phỏng vấn đều không biết rõ về Thông tư Liên tịch số 42 và đã hiểu được nhiều về thông tư này trong quá trình phỏng vấn.

Về vấn đề trêu chọc và bắt nạt, mặc dù chúng ta luôn biết trẻ khuyết tật thường bị rủi ro và nguy hiểm hơn trẻ không khuyết tật, song có điều đáng lưu ý, đây cũng là một phần trong quá trình trưởng thành và sống trong cộng đồng. Điều quan trọng là cần giáo dục cho trẻ em và các thành viên trong cộng đồng biết việc trêu chọc, bắt nạt hay cản trở trẻ khuyết tật là hành vi **KHÔNG TỐT**. Một thành viên của hội cha mẹ học sinh cho biết việc các em trêu chọc và đánh nhau là hành vi đặc trưng của trẻ và đó không phải là lý do để tách trẻ khuyết tật ra khỏi trẻ không khuyết tật.

“ Để như thế nó hay hơn. Chính các cháu không khuyết tật sẽ hỗ trợ cho các cháu khuyết tật. Và chính bản thân các cháu khuyết tật có cái nó được hòa đồng, không bị phân biệt. Còn chuyện trẻ con chơi với nhau, trêu đùa nhau thì cả những đứa bình thường nó còn đánh nhau. Tôi nghĩ không nên tách, nên để các cháu hòa đồng với nhau. ”

Một ông bố là thành viên của hội cha mẹ học sinh

Trong khi trẻ khuyết tật và gia đình các em bị kỳ thị thì những người tham gia phỏng vấn đã đề nghị cộng đồng chung tay giúp đỡ. Ví dụ, một phụ huynh chia sẻ câu chuyện về con gái khuyết tật vận động của gia đình. Em này phải đối mặt với thách thức và mất rất nhiều thời gian để đi bộ đến trường vì chân em bị đau và thường phải dừng để nghỉ. Vào mùa mưa, phần lớn em phải nhờ bạn bè và gia đình đưa đến trường. Tuy nhiên, được gia đình hay bạn bè tự nguyện đưa đi học không phải là việc phổ biến. Ở những nơi trẻ không được bạn bè giúp đỡ, gia đình phải phân công nhau để đưa trẻ đi học, hoặc nếu có ai có xe đạp/xe máy tiện đường đi qua trường thì họ có thể cho trẻ khuyết tật đi nhờ.

Có nhiều gia đình vẫn không biết đến các loại hình hỗ trợ và nguồn hỗ trợ hiện có để giúp con em họ được đến trường. Như đã đề cập ở trên, quy trình lấy giấy xác nhận khuyết tật và xin trợ cấp vẫn chưa rõ ràng, rườm rà và rất nhiều thông tin thiếu chính xác như phát biểu dưới đây.

“ Nhiều khi trợ cấp này của chính phủ hình như là chưa có. Nếu có thì ở cấp xã phường về đa số bọn mình đi họp ở phố, phường là biết ngay. Mình nghĩ chắc là chẳng có đâu. Một năm mình đi họp phường xã đến 3-4 lần. ”

Một ông bố là thành viên của hội cha mẹ học sinh đồng thời là cán bộ địa phương

Nói tóm lại, hội đồng cấp xã/phường là một mô hình xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trẻ khuyết tật đi học và đấu tranh phá bỏ một số rào cản về thái độ từng tồn tại dai dẳng trong nhiều cộng đồng. Sự tồn tại của hội đồng này cùng với sự lãnh đạo có tình có lý của nó sẽ giúp nhiều cộng đồng hỗ trợ tốt hơn cho trẻ khuyết tật được đi học. Tuy nhiên, để trẻ khuyết tật và gia đình các em nhận được những hỗ trợ này thì cần phải tăng cường năng lực của hội đồng thông qua chương trình tập huấn bao gồm cách giải quyết các vấn đề về thái độ và bổ sung những thành viên mới, đặc biệt là những người khuyết tật, cán bộ nhà trường và những người đại diện các tổ chức phục vụ cộng đồng địa phương.

Điểm mạnh của nghiên cứu

Điểm mạnh đặc biệt trong nghiên cứu này là sự đa dạng của các đối tượng tham gia vào nghiên cứu trong ngành giáo dục đặc biệt là trẻ khuyết tật. Ngoài ra, việc tham gia làm khảo sát và phỏng vấn trực tiếp các lãnh đạo nhà trường và đại diện các cơ quan giáo dục cấp địa phương là chìa khóa giúp đánh giá một cách đầy đủ hơn kinh nghiệm giáo dục trẻ khuyết tật và cuối cùng là sự sẵn sàng của hệ thống giáo dục Việt Nam cho giáo dục hòa nhập.

Nhờ các cuộc phỏng vấn trực tiếp các lãnh đạo nhà trường và cán bộ giáo dục cấp địa phương mà chúng tôi có thêm nhiều hiểu biết phong phú hơn về tình hình thực tiễn và triển vọng phát triển giáo dục hòa nhập với chất lượng cao hơn và dễ dàng tiếp cận hơn tại nhiều tỉnh thành khác nhau.



CÁC KHUYẾN NGHỊ

Khuyến nghị then chốt nhằm hoàn thiện các chính sách để đẩy mạnh chương trình giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật

- 1. Thông qua định nghĩa chuẩn về khuyết tật phù hợp với Bảng phân loại quốc tế về chức năng (ICF) và Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của người khuyết tật (UNCRPD) trong Luật Người khuyết tật Việt Nam năm 2010 và trong tất cả các văn bản pháp luật liên quan đến người khuyết tật và nhận dạng khuyết tật.**

Cơ sở lý luận

Bảng phân loại quốc tế về chức năng (ICF) nói khuyết tật là "...một thuật ngữ bao trùm để chỉ sự khiếm khuyết, hạn chế hoạt động và hạn chế sự tham gia gây ra do những mặt tiêu cực từ sự tương tác giữa một cá nhân (với điều kiện sức khỏe của người này) và những nhân tố bối cảnh của cá nhân đó (các nhân tố môi trường và cá nhân)". Mặc dù Luật Người khuyết tật Việt Nam định nghĩa người khuyết tật là "người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau khiến cho lao động, sinh hoạt và học tập gặp khó khăn" nhưng không đề cập đến bất kỳ "rào cản" nào từ xã hội, từ hệ thống khiến cá nhân đó trở thành "khuyết tật". Định nghĩa dựa hoàn toàn vào mô hình y tế này khiến nhiều người vẫn tiếp tục hiểu về khuyết tật theo mô hình y tế. Điều này có thể là một phần lý do khiến quyền của trẻ khuyết tật không được đánh giá và hỗ trợ một cách phù hợp do công tác phát hiện khuyết tật còn yếu kém. Việc thống nhất định nghĩa về khuyết tật sẽ giúp cải thiện việc thu thập dữ liệu vì định nghĩa đóng vai trò quyết định trong cách xác định khuyết tật. Một định nghĩa chung cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền và giúp người khuyết tật, các tổ chức của người khuyết tật, chính phủ, nhà cung cấp dịch vụ và nhà nghiên cứu có được khung đo lường chung để đánh giá và hỗ trợ tốt hơn vấn đề khuyết tật của trẻ.

- 2. Tăng cường cam kết của Chính phủ trong công tác phối hợp thực hiện các hoạt động liên quan đến khuyết tật với sự tham gia của Thủ tướng hoặc Phó thủ tướng làm chủ tịch Ủy ban điều phối quốc gia về khuyết tật**

Cơ sở lý luận

Khi Thủ tướng hoặc Phó thủ tướng tham gia với tư cách là chủ tịch Ủy ban điều phối quốc gia về người khuyết tật (UBĐPQG), tất cả các Bộ sẽ được đặt ở vị trí ngang hàng và đồng trách nhiệm khi thực hiện vai trò và cam kết của mình đối với UBĐPQG ngoài việc phải nâng cao trách nhiệm giải trình khi họ báo cáo cho Thủ tướng hoặc Phó thủ tướng.

- 3. Mời đại diện ngành giáo dục làm thành viên hội đồng cấp xã để xác nhận mức độ khuyết tật và tổ chức thường xuyên hơn các lớp tập huấn về khuyết tật và giáo dục hòa nhập cho tất cả các thành viên của hội đồng. Với vai trò là cố vấn, ngành giáo dục có thể giúp ích cho Hội đồng này.**

Cơ sở lý luận

Các quyết định về việc cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật của Hội đồng có ảnh hưởng lớn đến phúc lợi cho trẻ khuyết tật và khả năng của các em được tiếp cận giáo dục. Trên thực tế, hầu hết các thành viên trong hội đồng này chưa được tập huấn về vấn đề khuyết tật hay GDHN.

- 4. Đưa trẻ khuyết tật vào đối tượng phổ cập giáo dục**

Cơ sở lý luận

Hiện trẻ khuyết tật không phải là đối tượng bắt buộc trong các số liệu thống kê/tiêu chí Phổ cập Giáo dục từ cấp mầm non, tiểu học đến trung học. Điều này khiến mọi người nhìn nhận hạn chế về trẻ em và việc tiếp cận giáo dục của các em. Do đó, việc đưa trẻ em thuộc mọi thành phần vào kế hoạch phổ cập giáo dục sẽ giúp cộng đồng thấy được hình ảnh đầy đủ về tất cả trẻ em, tình trạng của các em cũng như việc tiếp cận giáo dục của các em ở cấp quốc gia.

5. **Cần có tầm nhìn bao quát để tính đến các vấn đề đan xen nhau như giáo dục hòa nhập, dân tộc thiểu số, khuyết tật, biến đổi khí hậu và chuẩn bị sẵn sàng cho ứng phó khẩn cấp**

Cơ sở lý luận

Một tầm nhìn bao quát đảm bảo các học sinh đang chịu cùng lúc nhiều tổn thương được đối xử một cách tổng thể hơn là những can thiệp tách biệt và rời rạc. Cách làm này sẽ giảm thiểu hiện tượng phân tán trách nhiệm giữa các ngành khi mỗi ngành chịu trách nhiệm cho từng mảng việc khác nhau.

6. **Chính phủ cần đảm bảo trẻ khuyết tật được chú trọng trong kế hoạch của ngành giáo dục ở tất cả các cấp**

Cơ sở lý luận

Việc đưa trẻ khuyết tật vào kế hoạch của ngành giáo dục ở cấp trường, xã, huyện, tỉnh và cấp quốc gia sẽ giúp đưa trẻ khuyết tật vào các kế hoạch phát triển quốc gia và dòng ngân sách hợp nhất hỗ trợ giáo dục cho trẻ khuyết tật.

7. **Các đối tác phát triển trọng yếu (như UNICEF, các Tổ chức phi chính phủ) cần đảm bảo tất cả các chiến lược và chương trình (như Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ và Chiến lược dân tộc thiểu số của UNICEF) đều phải bao gồm đối tượng là trẻ khuyết tật**

Cơ sở lý luận

Cách làm này sẽ đảm bảo các chương trình và chiến lược thể hiện được tính hòa nhập ngay từ đầu, giúp giảm chi phí và công sức để thay đổi các chương trình và chiến lược mang tính hòa nhập về sau.

8. **Tăng cường giám sát việc thực hiện luật pháp/chính sách ở tất cả các cấp liên quan đến giáo dục cho trẻ /người khuyết tật. Thông tin từ những hoạt động này có thể được sử dụng cho các nhà hoạch định chính sách và minh họa cho những việc làm tốt.**

Cơ sở lý luận

Cách làm này sẽ đảm bảo các chương trình và chiến lược thể hiện được tính hòa nhập ngay

từ đầu, giúp giảm chi phí và công sức để thay đổi các chương trình và chiến lược mang tính hòa nhập về sau.

Khuyến nghị then chốt nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý các cấp về những chính sách hiện hành

1. **Khuyến khích sự tham gia của và hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức của Người khuyết tật (DPOs) để đảm bảo người khuyết tật được ngành giáo dục chú ý ưu tiên**

Cơ sở lý luận

Sự hiện diện của người khuyết tật ở các bậc học cao hơn và trong các cơ quan quản lý giáo dục chủ chốt vẫn còn rất hạn chế. Do đó, việc đưa người khuyết tật vào hoạt động lập kế hoạch và quản trị là vô cùng cần thiết và cũng cần có các tấm gương là người khuyết tật cho các trẻ khuyết tật noi theo. Giải pháp là đưa các Tổ chức của người khuyết tật vào các ủy ban chủ chốt chịu trách nhiệm về phúc lợi cho người khuyết tật như Hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã.

2. **Nâng cao nhận thức về Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-Bộ GDĐT-Bộ LĐTBXH-Bộ TC và tầm quan trọng của giấy xác nhận khuyết tật để các trường học nhận được ngân sách từ chính phủ cho các hoạt động GDHN**

Cơ sở lý luận

Thông tư Liên tịch số 42 là chính sách quan trọng đối với việc giáo dục và phúc lợi của người khuyết tật và gia đình họ. Do thông tư mới có hiệu lực thi hành (tháng 3/2014), chỉ cách 2 tuần trước khi chúng tôi đi khảo sát thực địa nên không có nhiều người tham gia phỏng vấn biết đến thông tư này. Đồng thời, những người tham gia phỏng vấn cũng đều không biết gì về các văn bản luật và thông tư đã ban hành từ trước nữa liên quan đến phúc lợi cho người khuyết tật. Việc giúp các thành viên trong cộng đồng ở tất cả các cấp nâng cao nhận thức về thông tư này và các thông tư khác sẽ giúp các gia đình xin được giấy xác nhận khuyết tật cho con em họ và giúp họ hiểu rằng chính sách này có thể hỗ trợ cho GDHN thông qua việc các trường học có thể

yêu cầu thêm nguồn hỗ trợ để phục vụ các hoạt động GDHN.

3. **Xây dựng chiến lược quốc gia dài hạn nhằm giảm kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong xã hội Việt Nam**

Cơ sở lý luận

Cần phải thừa nhận rằng vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người khuyết tật đã diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau trong nhiều nhóm và nhiều cấp độ xã hội khác nhau. Vấn đề này đã cản trở sự phát triển của đất nước. Việt Nam cần xác định và thực hiện các chiến lược và chương trình can thiệp cụ thể ở nhiều cấp độ khác nhau trong xã hội: cấp độ cá nhân (bị ảnh hưởng), cấp độ xã hội và cấp độ hệ thống. Mỗi cấp độ thường có những chiến lược cụ thể. Những chiến lược này có thể trùng lặp vì chúng trực tiếp nhằm mục tiêu giảm kỳ thị trong khi những chương trình can thiệp khác lại tập trung tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các chiến lược này (Hulscher et al. 2000). Chiến lược quốc gia áp dụng phương pháp tiếp cận trên cơ sở của những thay đổi mang tính hành vi và xã hội có thể đưa ra các hướng dẫn cần thiết cho tất cả các cấp chính quyền và xã hội.

4. **Đưa những hình ảnh về trẻ khuyết tật vào sách giáo khoa, vào tài liệu dạy - học và vào truyền thông một cách tích cực và mạnh mẽ.**

Cơ sở lý luận

Cần có thêm nhiều hình ảnh tích cực về trẻ khuyết tật. Tại Việt Nam, khi nghĩ về trẻ khuyết tật và khuyết tật, hầu hết mọi người thường liên tưởng đến hoạt động từ thiện cho trẻ khuyết tật - đối tượng luôn cần sự giúp đỡ. Những thái độ và niềm tin phổ biến này của giáo viên, cán bộ quản lý và nhiều người trong cộng đồng đã tạo những rào cản và có thể gây trở ngại cho giáo dục hòa nhập.

5. **Đảm bảo cộng đồng, bao gồm tất cả phụ huynh và tất cả trẻ em đều nhận thức được quyền giáo dục cho tất cả mọi người, kể cả trẻ khuyết tật**

Cơ sở lý luận

Trong nhiều cộng đồng và trường học, mức độ nhận thức về trẻ khuyết tật, quyền được

giáo dục của trẻ khuyết tật và những ích lợi của việc trẻ khuyết tật học xong giáo dục trung học vẫn còn thấp. Vì vậy cần đảm bảo tất cả các thành viên trong cộng đồng hiểu rõ quyền của trẻ khuyết tật. Nhận thức này có thể tác động đến việc công nhận giá trị của giáo dục cho mọi người và tăng tinh thần trách nhiệm của phụ huynh trong việc đảm bảo cho con em đi học. Cần đảm bảo các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức và các chương trình can thiệp phải được xây dựng bằng các dạng mà tất cả mọi người đều có thể tiếp cận được, như bằng tiếng dân tộc, ngôn ngữ ký hiệu, hệ thống chữ nổi Braille, âm thanh và ấn phẩm. Có một thực tế bắt nguồn từ việc thiếu nhận thức về cơ hội được giáo dục và quyền được giáo dục của trẻ khuyết tật và thiếu niềm tin về khả năng học tập của trẻ khuyết tật nên đa phần các bên liên quan ủng hộ mô hình giáo dục chuyên biệt hơn là giáo dục hòa nhập. Chính vì thế, để hiện thực hóa khuyến nghị này, Việt Nam cần xây dựng một văn bản hướng dẫn toàn diện phác thảo rõ tất cả các nguồn lực sẵn có của Chính phủ (Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Bộ LĐTBXH và Bộ YT) để tất cả phụ huynh của trẻ khuyết tật được biết.

6. **Cung cấp các chương trình can thiệp để nâng cao nhận thức, và thay đổi hành vi, xã hội ở cấp trường và cấp cộng đồng nhằm thúc đẩy việc hòa nhập xã hội và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử**

Cơ sở lý luận

Kết quả từ phiếu khảo sát, thảo luận nhóm và phỏng vấn cá nhân cho thấy cá nhân bộ quản lý giáo dục, giáo viên và phụ huynh đã đưa ra những giả định khác nhau về nguyên nhân khiến trẻ khuyết tật không đi học. Hầu hết các cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên tin rằng phụ huynh trẻ khuyết tật và các em khuyết tật cảm thấy thiếu tự tin và mặc cảm, phụ huynh không muốn con mình bị gán cho cái mác "khuyết tật", các phụ huynh trẻ khuyết tật nói thủ tục xin "giấy xác nhận khuyết tật" quá phức tạp và mất nhiều thời gian, và họ không biết con mình sẽ nhận được những quyền lợi gì khi có giấy xác nhận khuyết tật. Ngoài ra, các phụ huynh cũng e ngại là con em họ sẽ phải chịu đựng khi đi học.

7. **Xây dựng các gói hỗ trợ cho phụ huynh trẻ khuyết tật, nêu rõ quyền của họ và cung cấp danh sách các nguồn hỗ trợ tại địa phương hoặc quốc gia**

Cơ sở lý luận

Các ngành (Bộ GDĐT, Bộ LĐTBXH và Bộ YT) cần phối hợp với nhau để xây dựng các gói hỗ trợ giúp các gia đình của trẻ khuyết tật hiểu rõ về các quyền và nguồn lực dành cho họ.

Khuyến nghị then chốt đối với Bộ GDĐT và các tỉnh để đẩy mạnh giáo dục cho trẻ khuyết tật

1. **Xây dựng hoặc điều chỉnh và thể chế hóa bộ công cụ sàng lọc để phát hiện trẻ có nhu cầu cần can thiệp giáo dục sớm**

Cơ sở lý luận

Bộ công cụ sàng lọc sự phát triển ở trẻ sẽ phát hiện những trường hợp trẻ gặp nguy hiểm và/hoặc gặp các vấn đề về phát triển hoặc hành vi và cần được can thiệp sớm. Nghiên cứu cho thấy can thiệp sớm là nền tảng cần thiết cho việc nâng cao hiệu quả và/hoặc ngăn chặn sự suy giảm chức năng trong tương lai.

2. **Thành lập Vụ Giáo dục Trẻ khuyết tật trực thuộc Bộ GDĐT**

Cơ sở lý luận

Hiện Ban chỉ đạo Giáo dục khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn do Thứ trưởng Bộ GDĐT làm trưởng ban và đại diện một số Vụ thuộc Bộ GDĐT. Do đó, việc thành lập một Vụ chuyên trách các hoạt động liên quan đến giáo dục cho trẻ khuyết tật của tất cả các bậc học và cho tất cả các hình thức giáo dục cho các trẻ em này (như giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập, chuyên biệt) sẽ hiệu quả hơn nhiều.

3. **Đẩy mạnh công tác phát triển Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Giáo dục Hòa nhập cấp tỉnh, thành lập và vận hành Phòng Hỗ trợ GDHN tại cấp trường**

Cơ sở lý luận

Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư Liên tịch số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày

28/12/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 18/2/2013, quy định điều kiện thành lập và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Tuy nhiên cho đến nay mới chỉ có 10 trong 63 tỉnh thành của Việt Nam có Trung tâm hỗ trợ này. Trung tâm hỗ trợ có chức năng cung cấp các loại hình dịch vụ thiết thực cho người khuyết tật như (i) phát hiện khuyết tật sớm và can thiệp giáo dục sớm cho người khuyết tật cùng với việc tham vấn chặt chẽ các chuyên gia của các bệnh viện, nhất là trong việc điều trị và chăm sóc sức khỏe cũng như các dịch vụ hướng nghiệp, đào tạo nghề cho người khuyết tật; (ii) cung cấp chương trình, trang thiết bị, tài liệu dạy và học để chuẩn bị cho người khuyết tật vào học các trường thông thường; (iii) trang bị cho phụ huynh những thông tin và hiểu biết về các kỹ năng cần thiết trong việc chăm sóc trẻ khuyết tật, giúp các em phát huy tối đa tiềm năng của bản thân; (iv) tạo điều kiện thuận lợi để các giáo viên và các bác sĩ, kỹ thuật viên thường xuyên trao đổi nhằm nâng cao kiến thức, thực hành và kinh nghiệm làm việc với trẻ khuyết tật. Việc thành lập Trung tâm hỗ trợ đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng giáo dục cho người khuyết tật và làm cầu nối giữa giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập.

4. **Ưu tiên sử dụng các chủ đề tập huấn liên quan đến GDHN trong các lớp bồi dưỡng giáo viên cùng với việc giới thiệu mô-đun đào tạo giáo dục hòa nhập bắt buộc**

Cơ sở lý luận

Tất cả các giáo viên đều phải tham gia khóa tập huấn hè bồi dưỡng giáo viên bắt buộc sau khi kết thúc mỗi năm học. **Ưu tiên đưa giáo dục hòa nhập vào chương trình đào tạo giáo viên cùng với việc giới thiệu mô-đun đào tạo giáo dục hòa nhập bắt buộc ở tất cả các trường đại học và cao đẳng sư phạm**

Cơ sở lý luận

Khi được đưa vào giảng dạy, GDHN là một học phần tự chọn trong các trường đại học và cao đẳng sư phạm. Thường rất ít sinh viên đăng ký học học phần này. Đa số các giáo viên mới tốt nghiệp đều không được học về GDHN và các vấn đề về khuyết tật.

5. **Đảm bảo tất cả giáo viên tốt nghiệp sư phạm đều có kinh nghiệm GDHN thực tiễn bằng cách ban hành quy định tất cả các trường mà sinh viên sư phạm đi thực tập phải được chứng nhận là trường học hòa nhập**

Cơ sở lý luận

Để thúc đẩy GDHN chất lượng tại các trường, sinh viên sư phạm mới tốt nghiệp cần có kinh nghiệm thực tiễn tại các trường có chương trình GDHN. Điều này sẽ nâng cao hình ảnh của GDHN và các vấn đề về khuyết tật trong ngành giáo dục. Hiện nay, việc chia sẻ và trau dồi kinh nghiệm về GDHN của Việt Nam giữa các giáo viên và cán bộ quản lý còn rất hạn chế.

6. **Quy định giáo dục hòa nhập là tiêu chí thanh tra giáo viên và trường học dựa trên Kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN) của học sinh**

Cơ sở lý luận

Hiện tại các cán bộ thanh tra không được đào tạo và không đánh giá về giáo dục hòa nhập trong quá trình thanh tra giáo viên và trường học. Vì vậy họ phải thỏa hiệp bằng việc đánh giá việc thực hiện các chính sách và thông tuthen chốt.

7. **Mỗi tỉnh cần phải đào tạo/tập huấn (hoặc đào tạo/tập huấn lại) hai thanh tra giáo viên và hai thanh tra trường học về giáo dục hòa nhập**

Cơ sở lý luận

Giáo dục hòa nhập hiện không phải là một phần trong tiêu chí thanh tra giáo viên và trường học và các cán bộ thanh tra chưa được tập huấn về thanh tra GDHN.

8. **Phát hiện và giới thiệu những gương tốt về giáo dục hòa nhập tại cấp xã, lãnh đạo trường, giáo viên và Sở GDĐT và hỗ trợ mạng lưới không chính thức của các đồng nghiệp**

Cơ sở lý luận

Việc chia sẻ và trau dồi kinh nghiệm về GDHN của Việt Nam giữa các giáo viên và cán bộ quản lý còn rất hạn chế.

9. **Các Sở GDĐT và Phòng GDĐT cần phải ưu tiên tạo cơ hội cho giáo viên và lãnh đạo**

trường hiện nay tổ chức diễn đàn một cách thường xuyên để mọi người có thể chia sẻ phương pháp giảng dạy, kiến thức, kinh nghiệm trong việc tổ chức và thực hiện chương trình GDHN

Cơ sở lý luận

Tạo điều kiện cho giáo viên và lãnh đạo các trường có cơ hội gặp gỡ và chia sẻ kinh nghiệm về GDHN 1-3 năm 1 lần có thể giúp họ cập nhật những thông tin mới nhất một cách tiết kiệm chi phí. Đây còn là cơ hội để họ luôn cảm nhận được tình bằng hữu đồng nghiệp và tăng sự gắn kết giữa các trường với nhau.

10. **Xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo việc dự thảo và phân bổ ngân sách cho các huyện, xã và trường học nhằm hỗ trợ việc thực hiện Thông tư Liên tịch số 42**

Cơ sở lý luận

Mức độ nhận thức và ưu tiên thực hiện giáo dục hòa nhập tại cấp huyện, xã và cấp trường để hỗ trợ các nhu cầu của trẻ khuyết tật vẫn còn hạn chế. Do đó, việc làm này sẽ giúp có thêm nhiều trường biết cách xin nguồn hỗ trợ theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-Bộ GDĐT-Bộ LĐTBXH-Bộ TC. Ưu tiên việc tiếp cận kế hoạch và ngân sách là một phần của chiến lược này.

11. **Thiết lập quy trình để các trường tạo điều kiện thuận lợi và giúp các phụ huynh có giấy xác nhận khuyết tật**

Cơ sở lý luận

Giáo viên và nhà trường có mối liên hệ với gia đình và trẻ em, đồng thời đây cũng là bên liên quan chính trong việc chăm sóc bảo vệ trẻ khuyết tật. Chúng ta cũng cần xây dựng và cung cấp hệ thống chuyển Kế hoạch giáo dục cá nhân từ bậc học này lên bậc học khác. Hệ thống này sẽ giúp các giáo viên ở bậc học tiếp theo có các thông tin cơ bản về học sinh khuyết tật mới vào trường và lớp của họ. Quy trình này có thể giúp tiết kiệm thời gian và sức lực của tất cả mọi người có liên quan, bao gồm giáo viên, phụ huynh và học sinh khuyết tật.

12. **Hỗ trợ thêm cho giáo viên bằng cách khuyến khích các nhà giáo đã nghỉ hưu, phụ huynh và các đại diện Tổ chức của Người khuyết tật tham gia lớp học với vai trò là trợ giảng trong các hoạt động GDHN**

Cơ sở lý luận

Các trợ giảng có thể giúp giảm bớt nhu cầu đòi hỏi đối với giáo viên và giúp nâng cao chất lượng của trải nghiệm giáo dục cho trẻ. Các tổ chức như Hội khuyến học các cấp đã có kinh nghiệm và cơ cấu tổ chức tại tất cả các tỉnh thành trong cả nước nên có thể giúp nâng cao chất lượng GDHN tại Việt Nam.

13. **Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá GDHN tại cấp tỉnh-huyện và đến cả cấp trường. Các trường cần chịu trách nhiệm trong việc tự đánh giá và xếp hạng với những bằng chứng thực tiễn thực hiện GDHN của trường**

Cơ sở lý luận

Cách làm này sẽ đảm bảo tinh thần trách nhiệm ở tất cả các cấp và tạo điều kiện thuận lợi cho các trường tự làm chủ các thành quả của mình.

14. **Xây dựng và cung cấp hệ thống chuyển tiếp Kế hoạch giáo dục cá nhân từ bậc học này sang bậc học khác**

Cơ sở lý luận

Hệ thống này sẽ giúp các giáo viên ở bậc học tiếp theo có các thông tin cơ bản về học sinh khuyết tật mới vào trường và lớp của họ. Quy trình này có thể giúp tiết kiệm thời gian và sức lực của tất cả mọi người có liên quan, bao gồm giáo viên, phụ huynh và học sinh khuyết tật.

15. **Ưu tiên việc tiếp cận kế hoạch và dự thảo ngân sách giáo dục**

Cơ sở lý luận

Cần phải làm cho các tòa nhà (ví dụ như trường học và các trụ sở hành chính) dễ tiếp cận hơn cho trẻ khuyết tật. Không có khả năng tiếp cận là rào cản khiến các em không thể đến trường đặc biệt là vào mùa mưa ở vùng nông thôn.

16. **Tăng cường hòa nhập vấn đề khuyết tật trong chương trình giáo dục cấp tỉnh và cấp quốc gia về giảm thiểu rủi ro thiên tai/biến đổi khí hậu**

Cơ sở lý luận

Cần ưu tiên đẩy mạnh sáng kiến toàn cầu về an toàn học đường trong chương trình phục hồi nhanh, giảm nhẹ rủi ro và phát triển bền vững sau 2015. Chương trình an toàn học đường do UNICEF và tổ chức Cứu trợ trẻ em cùng hợp tác thực hiện với Bộ GDĐT trong Nhóm điều phối về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu trong giáo dục, luôn khuyến khích đưa tiêu chí tiếp cận và an toàn cho trẻ/người khuyết tật vào thiết kế và xây dựng cơ sở vật chất trường học và chú trọng vào sự kết nối giữa giảm nhẹ rủi ro thiên tai/ thích ứng biến đổi khí hậu với vấn đề khuyết tật trước, trong và sau thiên tai bao gồm việc biên soạn tài liệu giáo dục kết nối nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của trẻ em thuộc các độ tuổi, giới tính và dạng khuyết tật khác nhau.

17. **Cung cấp cho giáo viên các nguồn hỗ trợ thiết thực về các chiến lược khác nhau đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục hòa nhập như phương pháp trẻ em với trẻ em và Dịch vụ Giáo dục Cấp tốc**

Cơ sở lý luận

Tùy vào số lượng trẻ khuyết tật và dạng khuyết tật tại trường, các giáo viên có thể áp dụng nhiều chiến lược khác nhau để tăng cường sự hòa nhập của các học sinh nam và nữ khuyết tật trong chương trình của trường thông thường. Một số trong các chiến lược này đã chứng minh được mức độ hiệu quả dựa trên số liệu được công bố. Ví dụ như phương pháp trẻ em với trẻ em đã được sử dụng để phát hiện trẻ khuyết tật và ghép các em này với các trẻ không khuyết tật tại trường/cộng đồng (Tầm nhìn thế giới, 2007). Phương pháp này cũng giúp những trẻ không khuyết tật nâng cao nhận thức về các bạn khuyết tật đồng trang lứa. Mô hình Dịch vụ giáo dục cấp tốc là việc nhóm các “học sinh lớn tuổi hơn”, vì việc hòa nhập và học tập của các em bị chậm trễ, học

chung với nhau trong một lớp riêng ở ngay trong trường thông thường, cho đến khi các em theo kịp các bạn đồng trang lứa khác trong trường để hòa nhập. Mặc dù phương pháp này ban đầu phải tách các em khỏi các bạn trong lớp nhưng nó giúp các em khuyết tật nhập học muộn này tiếp tục ở lại trường, không bỏ học vì nếu học chung với các bạn nhỏ tuổi hơn ngay từ đầu, các em khuyết tật này có thể cảm thấy xấu hổ, thiếu tự tin bên cạnh mặc cảm về khuyết tật của mình (Morgan & Behrendt, 2009).

Khuyến nghị then chốt nhằm cải tiến hệ thống dữ liệu và thông tin để giúp các tỉnh thu thập, cập nhật và sử dụng dữ liệu về trẻ khuyết tật

1. Xây dựng các chỉ số để đo lường, theo dõi và đánh giá việc thực hiện GDHN

Cơ sở lý luận

Hiện chưa có hoạt động giám sát việc thực hiện GDHN do thiếu tiêu chí rõ ràng để hiểu về cách đánh giá mức độ hòa nhập tại trường và cũng do vai trò giám sát trong ngành giáo dục nói chung dường như do các giáo viên tháo vát ở một số trường đảm trách. Đây thực sự là một thử thách, thậm chí có thể nói là không thể đánh giá mức độ hiệu quả của GDHN khi không có bản mô tả có ý nghĩa về GDHN và không có những hoạt động theo dõi, giám sát hợp lý và đáng tin cậy. Cần áp dụng những cách thức thông thường trong việc thu thập dữ liệu về GDNH tại địa phương để hiểu được cách phối hợp các hoạt động và dự án khác nhau về GDHN kết hợp với những thay đổi về chính sách nhằm tăng cường sự tiếp cận với GDHN cho trẻ khuyết tật. Việc thu thập dữ liệu về GDHN tại địa phương theo cách thông thường để đánh giá tiến bộ trong việc thực hiện GDHN có thể đồng thời giúp nâng cao hiểu biết về khuyết tật của trẻ cũng như nhận thức ở các cấp khác nhau về những nhu cầu và quyền chưa được đáp ứng của trẻ em, gia đình và cộng đồng. Ngoài ra, công tác đánh giá còn giúp ích cho việc ghi nhận những những cách làm tốt về GDHN để có thể mở rộng hoặc áp dụng chúng ở những

địa phương khác. Các trường sẽ tự tin khi sử dụng những chỉ số này để tự đánh giá và đánh giá kết quả thực hiện GDNH của trường.

2. Xây dựng bộ công cụ chuẩn để thu thập dữ liệu giúp tất cả các trường theo dõi trẻ khuyết tật trong và ngoài nhà trường

Cơ sở lý luận

Bộ công cụ chuẩn để thu thập dữ liệu này sẽ cho phép và hướng dẫn tất cả các trường thu thập cùng loại thông tin về trẻ khuyết tật (như giới tính, tuổi, mức độ tham gia, giấy xác nhận khuyết tật và việc sử dụng Kế hoạch giáo dục cá nhân). Nó không chỉ cung cấp cho các trường một bộ công cụ để dễ dàng thu thập dữ liệu mà còn cho phép so sánh chéo dữ liệu giữa các tỉnh, các huyện và các xã với nhau.

3. Xây dựng bộ công cụ chuẩn để thu thập dữ liệu giúp các Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, Sở YT và các cấp thấp hơn bao gồm cấp huyện và xã thu thập thông tin về khuyết tật của trẻ

Cơ sở lý luận

Một bộ công cụ có thể sử dụng liên ngành sẽ giúp ích cho việc so sánh chéo. Các dữ liệu về khuyết tật cũng giúp khẳng định mức độ khuyết tật trong cộng đồng và phát hiện nhu cầu cũng như đặc điểm của các phân nhóm trong cộng đồng người khuyết tật. Công tác kiểm tra việc thực hiện Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật nhấn mạnh yêu cầu cần liên tục có các dữ liệu có thể so sánh được và đáng tin cậy về trẻ khuyết tật. Hơn nữa, việc thu thập thông tin về trẻ khuyết tật có thể được dùng làm cơ sở để xây dựng các chính sách nhằm phòng ngừa khuyết tật và để xây dựng kế hoạch cung cấp các dịch vụ cho trẻ khuyết tật và gia đình các em nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật được tham gia đầy đủ vào các hoạt động xã hội và sau cùng là để đáp ứng được các quyền của trẻ khuyết tật. Phương pháp tốt nhất để phát hiện trẻ khuyết tật mà đã trở thành chuẩn quốc tế là tập trung vào những khó khăn khi mọi người thực hiện các hoạt động/thao tác cơ bản, theo bộ công cụ sàng lọc gồm 10 câu hỏi của 'Washington Group'.

Tài liệu Tham khảo

ACPF (2011). *Bạo lực chống lại Trẻ khuyết tật ở Châu Phi: Nghiên cứu Thực địa tại Cameroon, Ethiopia, Senegal, Uganda và Zambia*. Diễn đàn về chính sách trẻ em ở Châu Phi: Addis Ababa.

Baboo, N. (2011). *Đời sống của Trẻ khuyết tật tại Châu Phi: Cái nhìn Thoáng qua về một Thế giới bị che đậy*. Diễn đàn về chính sách trẻ em ở Châu Phi: Addis Ababa.

Barker và Weller (2003). 'Chưa bao giờ làm việc với trẻ em? sự sắp đặt các đặc trưng của các vấn đề phương pháp trong nghiên cứu với trẻ em, *Nghiên cứu Định tính*, 3(2): 207-227. Truy cập trực tuyến 05/4/2012 tại: <http://www.uts.utoronto.ca/~kmacd/IDSC10/Readings/Social%20Units/children.pdf>

Corps, H., Ceralli, G., Boisseau, S. (2012). Thuyết trình về Chính sách - Giáo dục Hòa nhập- DỰ THẢO, Tạp chí Quốc tế về Người khuyết tật. Báo cáo chưa công bố.

Điện Biên (2011). **NHÀ XUẤT BẢN:** Tổng cục thống kê, Cục thống kê tỉnh, Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Bộ/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế

Duncan, B. (2013). Đề xuất tăng cường chiến lược dân tộc thiểu số của UNICEF Việt Nam và các câu hỏi hướng dẫn cho Sơ kết giữa kỳ chương trình quốc gia. UNICEF New York, UNICEF.

Eiser, C., & Jenney, M. (2007). Đo lường Chất lượng Cuộc sống. *Tạp chí Archives of disease in childhood*, 92, 348-350.

Filmer, D. (2008). Vấn đề khuyết tật, nghèo đói và giáo dục tại các nước đang phát triển: kết quả khảo sát 14 hộ gia đình. *Tạp chí World Bank Economic Review*, 22(1), 141-163.

Chính phủ (2012). *Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ban hành hướng dẫn chi tiết về việc thực hiện một*

số Điều của Luật người khuyết tật. Hà Nội ngày 10/4/2012.

Groce, N. & Bakhshi, P. (2011). Nạn mù chữ ở người khuyết tật lớn tuổi tại thế giới đang phát triển: Bài điểm sách và Kêu gọi hành động. *Tạp san Quốc tế về Giáo dục Hòa nhập*, 15(10), 1153-1168.

ILO & Irish Aid (2013). Việc làm bền vững cho người khuyết tật: Hòa nhập người khuyết tật tại Việt Nam - Fact Sheet. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Chương trình Đối tác Irish Aid, Dự án PROPEL, Việt Nam.

Kon Tum (2011). **NHÀ XUẤT BẢN:** Tổng cục thống kê, Cục thống kê tỉnh, Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Bộ/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế

Lansdown, G. (2005). *Khả năng phát triển của trẻ*. Trung tâm nghiên cứu Innocenti của UNICEF. Florence, Ý.

Le, H. (2013) Mở các cánh cửa cho trẻ khuyết tật: Giới thiệu về Giáo dục hòa nhập tại Việt Nam

Loaiza, E. & Cappa, C. (2005). *Đo lường Mức độ Khuyết tật của Trẻ em qua Khảo sát Gia đình: Kinh nghiệm của Điều tra đánh giá các mục tiêu về trẻ em và phụ nữ (MICS)*. UNICEF: Philadelphia, PA.

Morgan, J. & A. Behrendt (2009). *Sự chịu đựng thầm lặng: Tác động Tâm lý của Chiến tranh, HIV và những Tình huống rủi ro cao khác đối với các Bé trai và Bé gái tại Tây và Trung Phi*. Tổ chức Plan International.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐT Ban hành quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật*. Hà Nội: ngày 22/5/2006.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011). Kế hoạch Hành động Quốc gia về trợ giúp người khuyết tật – Giai đoạn 2012-2020. Hà Nội: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, tháng 12/2011.

Hội đồng Điều Phối Quốc gia về Khuyết tật (2010). Báo cáo thường niên về Tình hình Người khuyết tật tại Việt Nam, Hà Nội năm 2010: Hội đồng Điều Phối Quốc gia về Khuyết tật. Hà Nội: Lao động – Xã hội, tháng 12 năm 2010. Tham khảo ngày 22/4/2014 http://nccd.molisa.gov.vn/attachments/221_BC%20thuong%20nien%202010%20tieng%20Anh%20cuoi.pdf

Ninh Thuận (2011). **NHÀ XUẤT BẢN:** Tổng cục thống kê, Cục thống kê tỉnh, Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Bộ/Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế

Nguyen, D. A., (không đề ngày tháng). *Giáo dục Hòa nhập tại Việt Nam*, Mạng lưới trường học hòa nhập. Tham khảo ngày 29/4/2014 từ nguồn: <http://inclusiveschools.org/inclusive-education-in-vietnam/>

Thủ tướng (2012). *Quyết định 1019/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020*. Hà Nội: ngày 5/8/2012

Rosenthal, E & Quyền của Người khuyết tật Tâm thần Quốc tế (2009). *Quyền của Trẻ khuyết tật tại Việt Nam: Điều chỉnh Luật Việt Nam phù hợp với Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật*. Tham khảo ngày 29/4/2014 **từ nguồn:** http://www.disabilityrightsintl.org/wordpress/wp-content/uploads/UNICEF_final_legal_analysis_report_in_Vietnam1.pdf

Stubbs, S. (2008). *Giáo dục Hòa nhập - Nơi có ít nguồn lực*. Oslo, Norway: Atlas Alliance.

Tesemma, S. T. (2011). *Giáo dục Trẻ khuyết tật tại Châu Phi - Hướng tới Chính sách Hội nhập*. Diễn đàn chính sách trẻ em châu phi (ACPF), Addis Ababa.

Tran, T. H. (không đề ngày tháng) *"Phục hồi Chức năng dựa vào Cộng đồng tại Việt Nam"* Trường Y tế Cộng đồng Hà Nội. Tham khảo ngày 29/4/2014 từ nguồn: http://www.jlidd.jp/gtid/AP_CBR/pdf/50.pdf

UN (2006). *Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền của Người khuyết tật*. Tham khảo ngày 27/6/2012 từ nguồn: <http://www.un.org/disabilities/default.asp?id=150>

UN Treaty Collection (1989). *Chương IV- Quyền con người – Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em*. Tham khảo ngày 30/8/2012 từ nguồn: <http://treaties.un.org>

UNESCO (2010). *Vươn tới các đối tượng thiệt thòi - Báo cáo Giám sát Toàn cầu về 'Giáo dục cho mọi người' (EFA) 2010*. UNESCO, Paris.

UNESCO (2005). *Hướng dẫn Hòa nhập: Đảm bảo Tiếp cận Giáo dục cho mọi người*. UNESCO, Paris.

UNFPA (2011). *Người khuyết tật tại Việt Nam – Các phát hiện Quan trọng từ Cuộc điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009*. Hà Nội, Việt Nam.

UNICEF (2013). *Tình hình trẻ em thế giới 2013: Trẻ khuyết tật*. Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF), New York, NY, USA.

UNICEF (2013b). *Yêu cầu đề xuất dịch vụ - RFP/VIETNAM/2013/005*. UNICEF-Việt Nam.

UNICEF và Bộ GDĐT (2013). *Trẻ em ngoài nhà trường – Nghiên cứu của Việt Nam (Dự thảo lần 2 để xin ý kiến Bộ GDĐT)*. Báo cáo chưa công bố.

WHO & World Bank (2011). *Báo cáo Thế giới về Khuyết tật*. Tổ chức Y tế Thế giới. Geneva, Thụy Sĩ.

Tầm nhìn Thế giới (2007). *Hàng triệu người thất học - Bao gồm Trẻ khuyết tật trong Giáo dục thông qua các Quy trình Sáng kiến giải ngân nhanh (FTI) và Kế hoạch quốc gia của các ngành về Giáo dục cho mọi người- Báo cáo chính về những Phát hiện sau Nghiên cứu*. World Vision, UK.

Phụ lục

Phụ lục A: Số lượng và số liệu nhân khẩu học của những người tham gia nghiên cứu thu thập trong suốt chuyến khảo sát thực địa tại Việt Nam vào tháng 3/4 năm 2014

I) Nhóm Các bên liên quan (Chính phủ, NGO, INGO, Lãnh đạo trường và Giáo viên)

Bên liên quan		Hà Nội*	Tỉnh Điện Biên	Tỉnh Kon Tum	Tỉnh Ninh Thuận
Tổng cộng		16	24	37	48
Nhóm tuổi	20-29	1	0	1	3
	30-39	7	9	16	15
	40-49	4	5	14	12
	50-59	3	10	6	9
	60+	0	0	0	3
	Không ghi rõ	1	0	0	6
Giới tính	Nam	5	6	15	22
	Nữ	11	18	20	24
	Không ghi rõ	0		2	2
Dân tộc	Kinh	15	22	30	46
	Dân tộc khác	0	1	6	1
	Không ghi rõ	1	1	1	1
Trình độ học vấn	Tiểu học	0	0	0	0
	Trung học	2	2	5	3
	Bậc học cao hơn	12	21	30	36
	Không ghi rõ	2	1	2	9
Nghề nghiệp	Ngành giáo dục	Dữ liệu này không được điền chính xác vào mẫu khảo sát. Vì vậy chúng tôi không đưa vào mục này.	14	31	39
	Giáo viên		14	20	22
	Ngành khuyết tật		6	17	19
	Ngành y tế		2	8	5

*Các số liệu của Hà Nội không phản ánh tất cả những người tham gia vì một số người tham gia phỏng vấn nhóm đã không gửi lại phiếu thông tin nhân khẩu cho các nghiên cứu viên sau khi phỏng vấn xong.

II) Nhóm phụ huynh

Gia đình Trẻ khuyết tật		Tỉnh Điện Biên	Tỉnh Kon Tum	Tỉnh Ninh Thuận
Tổng cộng		20	26	31
Nhóm tuổi	15-19	1	0	0
	20-29	4	2	1
	30-39	8	13	13
	40-49	3	6	13
	50-59	3	3	4
	60+	1	0	0
	Không ghi rõ	0	2	0
Giới tính	Nam	12	13	8
	Nữ	8	10	22
	Không ghi rõ	0	3	1
Dân tộc	Kinh	11	9	29
	Dân tộc khác	9	16	0
	Không ghi rõ	0	1	2
Trình độ học vấn	Tiểu học	2	16	7
	Trung học	10	2	14
	Bậc học cao hơn	8	3	9
	Không ghi rõ	0	4	1
Trẻ khuyết tật	Có	13	18*	25*
	Số trẻ khuyết tật không đi học	0	2	2
	Không	7	8	7
Khuyết tật bẩm sinh		10	13	15
Báo cáo đã được nhận trợ cấp của chính phủ cho trẻ khuyết tật	Có		8	
	Không	8	10	18
Báo cáo đã có giấy xác nhận khuyết tật		2	0	5
Báo cáo đã nhận được loại hỗ trợ khác		3	0	4

*Gia đình có hai con khuyết tật

III) Nhóm trẻ em

		Tỉnh Điện Biên	Tỉnh Kon Tum	Tỉnh Ninh Thuận	Tổng cộng
Trẻ khuyết tật	Trai	9	9	9	27
	Gái	4	5	9	18
Trẻ không khuyết tật	Trai	19	6	10	35
	Gái	23	14	6	43
TỔNG CỘNG		56	34	34	124

IV) Dạng khuyết tật được các phụ huynh của trẻ khuyết tật báo cáo hoặc mô tả

Dạng khuyết tật		Tỉnh Điện Biên*	Tỉnh Kon Tum	Tỉnh Ninh Thuận
Tổng số trẻ khuyết tật		13	23	25
Thể chất	Nói chung	2	3	4
	Vận động	1	2	
	Hở vòm miệng	1	5	2
	Không có hậu môn	1	0	
Bại liệt		2	0	1
Giác quan	Thị giác	1	0	
	Thính giác	4	0	4
Trí tuệ/tâm thần	Nói chung	0	8	10
	Tự kỷ	2	2	
Phát triển	Hội chứng Down	1	3	2
Thần kinh (Chấn thương não hoặc Chứng bại não)		0	0	2
Số lượng trẻ khuyết tật bẩm sinh		10	13	15
Tổng cộng		15	23	25

*Tổng số trẻ khuyết tật và loại khuyết tật không khớp nhau. Có thể một số là trẻ đa tật.

Phụ lục B: Bảng phân bố dân số khuyết tật theo tuổi tại 8 tỉnh/ thành bạn hữu của UNICEF (UNICEF & Bộ GDĐT năm 2013)

Khu vực địa lý	Việt Nam		Lào Cai		Điện Biên		Ninh Thuận		Kon Tum			
	5	6-10	11-14	5	6-10	11-14	5	6-10	11-14	5	6-10	11-14
Nhóm tuổi	5	6-10	11-14	5	6-10	11-14	5	6-10	11-14	5	6-10	11-14
Khuyết tật toàn phần	0,2	0,2	0,2	0,3	0,1	0,2	0,1	0,2	0,1	0,4	0,2	0,2
Khuyết tật bán phần	1,4	1,2	1,6	1,3	1,7	2,2	1,1	1,6	1,7	1,5	1,2	1,6
Không khuyết tật	98,4	98,6	98,2	98,4	98,3	97,6	98,8	98,2	98,2	98,1	98,6	98,1
Khu vực địa lý	Gia Lai		Tp. HCM		Đồng Tháp		An Giang					
Khuyết tật toàn phần	0,2	0,2	0,3	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1	0,2	0,0	0,2	0,2
Khuyết tật bán phần	1,5	1,1	1,1	1,7	1,4	2,5	1,2	0,7	1,1	0,6	0,5	0,7
Không khuyết tật	98,3	98,6	98,6	98,2	98,4	97,4	98,7	99,2	98,7	99,3	99,3	99,1

Phụ lục C: Tỉnh Ninh Thuận

Các bảng số liệu được sao chép trực tiếp từ số liệu của Sở GDĐT Ninh Thuận về tình trạng các bé trai và bé gái khuyết tật tại thời điểm đầu năm học 2013 – 2014.

A - 54 trường tham gia khảo sát: 15/54 trường có chương trình GDHN

- Tổng số trẻ khuyết tật từ 6 tháng đến 14 tuổi: 579
- Tổng số trẻ khuyết tật đang đi học: 125
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật đang đi học: 21,6%

Số lượng, các dạng tật và mức độ khuyết tật tại địa bàn nhà trường quản lý

Dạng khuyết tật	Mầm non: 6 tháng - dưới 6 tuổi			Tiểu học: 6 - 11 tuổi			Trung học cơ sở: 12 - 14 tuổi					
	Tổng cộng	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ	Tổng cộng	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ	Tổng cộng	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ
Tật vận động	7	4	1	2	4		1	3	7		4	3
Khuyết tật trí tuệ	12	9	1	2	4		3	1	16		7	9
Khiếm thính	3	2	1						1			1
Khuyết tật về nói	5	3	2		3		1	2	3		2	1
Khiếm thị	2	1	1		2			2	9		1	8
Tự kỷ					1		1		3			3
Tổng số	29	19	6	4	14		6	8	39		14	25

Số lượng học sinh đang học tại trường

Dạng tật	Học sinh khuyết tật đang học tại trường		Học sinh khuyết tật bỏ học		Học sinh khuyết tật chưa từng đến trường	
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
1. Tật vận động	14		7	1	3	1
2. Khuyết tật trí tuệ	22		5		10	4
3. Khiếm thính	2		1		2	
4. Khuyết tật về nói	6		2		5	2
5. Khiếm thị	12		8		1	
6. Tự kỷ	4		2			
7. Khó khăn về học	37					
TỔNG CỘNG	97		25	1	21	7

Đánh giá kết quả GDHN tại các trường: số học sinh tiến bộ

Dạng tật	Tổng cộng	Tiến bộ rõ rệt	Tương đối tiến bộ	Tiến bộ ít	Tiến bộ không rõ ràng	Hoàn toàn không tiến bộ
1. Tật vận động	14	9	2	3		
2. Khuyết tật trí tuệ	22		7	10	5	
3. Khiếm thính	2		1	1		
4. Khuyết tật về nói	6	1	2	3		
5. Khiếm thị	12	2	9	1		
6. Tự kỷ	4			4		
7. Khó khăn về học	37		12	13	12	
TỔNG CỘNG	97	12	33	35	17	

B - BÁO CÁO CỦA CÁC XÃ/PHƯỜNG

Số lượng, các dạng tật và mức độ khuyết tật của trẻ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Dạng tật	Mâm non: 5 tháng - dưới 6 tuổi			Tiểu học: 6 - 11 tuổi			Trung học cơ sở: 12 - 14 tuổi					
	Tổng cộng	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ	Tổng cộng	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ	Tổng cộng	Đặc biệt nặng	Nặng	Nhẹ
Tật vận động	45	18	8	19	75	23	33	19	43	7	8	28
Khuyết tật trí tuệ	41	11	26	4	91	22	53	16	40	3	34	3
3a. Khiếm thính	4	2	2		8		4	4	2	1		1
3b. Khuyết tật về nói	13		6	7	26		15	11	11		3	8
4. Khiếm thị	8	1	4	3	14	3	5	6	6		2	4
5. Khuyết tật khác												
a) Tự kỷ	2		1	1	6		3	3				
b) Rối loạn hành vi	6	2	1	3	11		3	8	22	4	2	16
c) Rối loạn cảm xúc												
d) Khó khăn về học: đọc, viết, tính toán	2			2	35		15	20	2			2
6. Đa tật	20	14	4	2	31	25	5	1	15	9	6	
TỔNG CỘNG	141	48	52	41	297	73	136	88	141	24	55	62

Phụ lục D: Tỉnh Kon Tum

Các bảng số liệu được sao chép trực tiếp từ số liệu của Sở GDĐT Kon Tum về tình trạng các bé trai và bé gái khuyết tật tại thời điểm đầu năm học 2013 – 2014.

- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kon Tum – Sở Giáo dục và Đào tạo
- Tổng số học sinh trong danh sách: 1155 học sinh học GDHN, được chia thành:
 - Mầm non: 207 em
 - Tiểu học: 727 em
 - Trung học cơ sở: 221 em

DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC HÒA NHẬP NĂM HỌC 2013-2014

TT	Đơn vị	Tổng số	Nam	Nữ	Dân tộc	KT vận động	Khiếm thính	Khiếm thị	KT Trí tuệ	Đa tật	KT khác
I. Mầm non											
1	Huyện Đăk Hà	20	10	10	17	1	0	1	10	2	6
2	Huyện Đăk Tô	18	12	6	16	5	1	0	6	2	4
3	Huyện Đăk Glei	41	20	21	41	6	3	4	9	10	9
4	Huyện Ngọc Hồi	34	18	16	31	4	1	2	18	3	6
5	Huyện Kon Rẫy	7	1	6	6	2	1		1	1	2
6	Huyện Kon Plong	15	8	7	15	5		1	6	2	1
7	Huyện Sa Thầy	28	13	15	24	3	0	0	11	3	11
8	Huyện Tu Mơ Rông	11	6	5	11	2	1		3	3	2
9	T.P Kon Tum	33	8	25	16	9	1	2	16	1	4
10	Trường Sư phạm mẫu giáo										
Tổng cộng		207	96	111	177	37	8	10	80	27	45

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Nam	Nữ	Dân tộc	KT vận động	Kiểm thính	Kiểm thị	KT trí tuệ	Đa tật	KT khác
II. Tiểu học											
1	Huyện Đắk Hà	75	48	27	46	3	2	1	66	1	2
2	Huyện Đắk Tô	28	17	11	23	1	0	1	18	6	2
3	Huyện Đắk Glei	61	44	17	60	7		6	47		1
4	Huyện Ngọc Hồi	157	109	48	130	4	4	3	130	9	7
5	Huyện Kon Rẫy	68	45	23	58	2	2	2	48	8	6
6	Huyện Kon Plong	25	14	11	25	4	3	5	5	2	6
7	Huyện Sa Thầy	118	77	41	98	4	1	3	85	7	18
8	Huyện Tu Mơ Rông	12	7	5	12	1			8	1	2
9	TP Kon Tum	180	122	58	127	20	4	3	128	10	15
10	Trường Trung cấp sư phạm	3	1	2					3		
Tổng cộng		727	484	243	579	46	16	24	538	44	59

TT	Đơn vị	Tổng cộng	Nam	Nữ	Dân tộc	KT vận động	Kiểm thính	Kiểm thị	KT trí tuệ	Đa tật	KT khác
III. Trung học Cơ sở											
1	Huyện Đắk Hà	10	5	5	9	2	1	3	4	0	0
2	Huyện Đắk Tô	40	31	9	29	3	3	1	27	4	2
3	Huyện Đắk Glei	2	2	0	2	1		1			
4	Huyện Ngọc Hồi	87	52	35	61	2	2	5	66	4	8
5	Huyện Kon Rẫy	9	5	4	8	1		1	6	1	
6	Huyện Kon Plong	5	4	1	5	1	1			2	1
7	Huyện Sa Thầy	17	12	5	11	0	1	2	10	0	4
8	Huyện Tu Mơ Rông	5	3	2	5	3			1	1	
9	TP Kon Tum	44	25	19	19	7		5	19	3	10
10	Trường Cao đẳng sư phạm Lý Tự Trọng	2	1	1	0				1		1
Tổng cộng		221	140	81	149	20	8	18	134	15	26

Tổng cộng		204	117	87	183	24	5	2	114	45	14
TT	Đơn vị	Tổng cộng	Nam	Nữ	Dân tộc	KT vận động	Kiểm thính	Kiểm thị	KT trí tuệ	Đa tật	KT khác
III. Trung học Cơ sở											
1	Huyện Đắk Hà	126	79	47	116	17	9	5	77	6	12
2	Huyện Đắk Tô	40	31	9	29	3	3	1	27	4	2
3	Huyện Đắk Glei	120	71	49	119	8	14	9	54	13	22
4	Huyện Ngọc Hồi	111	69	42	105	2	3	3	35	67	1
5	Huyện Kon Rẫy	69	53	16	66	7	0	1	52	8	1
6	Huyện Kon Plong	22	13	9	20	8	5	1	5	2	1
7	Huyện Sa Thầy	90	69	21	68	3	4	1	73	0	9
8	Huyện Tu Mơ Rông	12	7	5	12	1			8	1	2
9	TP Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Trường Cao đẳng sư phạm Lý Tự Trọng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		590	392	198	535	49	38	21	331	101	50

Phụ lục E: Danh sách các Tổ chức phi chính phủ trong nước (NGO) và các Tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) tham gia thảo luận nhóm trọng tâm tại Hà Nội, Việt Nam

Bảng bên dưới là danh sách các NGO và INGO khác nhau đã tham gia cuộc thảo luận nhóm trọng tâm tổ chức tại Hà Nội trong suốt chuyến thực địa của chúng tôi vào tháng 3 năm 2014. Xin lưu ý rằng bảng này không cung cấp danh sách đầy đủ tất cả các NGO và INGO và những hoạt động của các tổ chức này liên quan đến việc tiếp cận giáo dục và GDHN cho trẻ khuyết tật tại Việt Nam.

Tổ chức	Hoạt động liên quan đến GDHN
UNICEF	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo tri thức (nghiên cứu khảo sát, tài liệu tham khảo) - Vận động chính sách, đối thoại, hỗ trợ chính phủ trong hoạt động giám sát việc thực hiện Luật Người khuyết tật và các văn bản dưới luật liên quan đến quyền được giáo dục của trẻ khuyết tật - Nâng cao năng lực cho các giáo viên/cán bộ quản lý giáo dục về GDHN và tăng cường hệ thống (đào tạo và tập huấn giáo viên, chuẩn hóa và thể chế hóa tài liệu tập huấn, đào tạo, bộ công cụ sàng lọc phục vụ cho chương trình can thiệp giáo dục sớm, đưa đối tượng khuyết tật vào công tác xây dựng kế hoạch và lập ngân sách trong ngành giáo dục, v.v.) - Các hoạt động Truyền thông vì sự phát triển để đấu tranh chống kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ khuyết tật; thúc đẩy sự tham gia của trẻ em và phụ huynh - Đưa đối tượng khuyết tật vào chương trình Giáo dục - Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai/ Ứng phó với Biến đổi Khí hậu
UNESCO	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động chính sách - Làm việc với chính phủ về công tác xây dựng chính sách. - Cung cấp các chương trình tập huấn cho giáo viên
Cbm	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp tài liệu học tập - Tập huấn giáo viên - Giáo dục và đào tạo cho phụ huynh trẻ khuyết tật
Trung tâm hành động vì sự phát triển cộng đồng (ACDC)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu - Tư vấn - Tư vấn pháp lý - Làm việc với UNICEF và Bộ GDĐT để biên soạn tài liệu giáo dục cho GDHN.
Trung tâm sáng kiến sức khỏe và dân số (CCIHP)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu
Tổ chức cứu trợ nhân đạo (CRS)	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp GDHN - Tập huấn cho giáo viên về GDHN - Vận động chính sách và tư vấn chính quyền và các trường học
Tổ chức Phát triển Mới quan tâm Thế giới (IDEO)	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình can thiệp sớm và các dịch vụ giáo dục cho trẻ khiếm thính qua việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu



UNICEF Việt Nam

81A Trần Quốc Toản, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84.4) 3.942.5706 - 11 / Fax: (+84.4) 3.942.5705

Email: hanoi.registry@unicef.org

Đồng hành cùng chúng tôi

- www.unicef.org/vietnam
- www.facebook.com/unicefvietnam
- www.youtube.com/unicefvietnam
- www.flickr.com/photos/unicefvietnam

